

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **49** /CV-DLG

Gia Lai, ngày 19 tháng 4 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai**

- Mã chứng khoán: **DLG**
- Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đồng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại liên hệ: (84-269) 3748 367 Fax: (84-269) 3747 366
- E-mail: duclong@duclonggroup.com
- Website: <http://duclonggroup.com/>

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2022

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/4/2023 tại đường dẫn: <http://www.duclonggroup.com/bao-cau-thuong-nien.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2022

CTCP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN TƯỜNG CỘT

**CÔNG TY CỔ
PHẦN TẬP ĐOÀN
ĐỨC LONG GIA LAI**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
DN: C=VN, L=GIA LAI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5900415863
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2023.04.19 15:10:56+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.0.1

2
0
2
2

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



Đi là đến!



**TẬP ĐOÀN
ĐỨC LONG GIA LAI**

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thưa quý cổ đông!

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông và các nhà đầu tư đã tin nhiệm, đồng hành cùng Công ty trong suốt một năm qua!

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường; nhiều nơi vẫn ghi nhận những diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19 và các dịch bệnh mới; lạm phát đã tăng lên mức kỷ lục buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ, xung đột quân sự giữa Nga và U-crai-na chưa có hồi kết,... đã làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu.

Do ảnh hưởng nặng nề bởi tình hình thế giới, kinh tế - xã hội nước ta năm 2022 tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, bất lợi: Ảnh hưởng nặng nề của hậu đại dịch COVID-19; lạm phát tăng cao; thị trường bất động sản đóng băng, thị trường chứng khoán lao dốc. Đặc biệt là việc áp dụng chính sách thắt chặt tiền tệ, lãi suất ngân hàng tăng cao đã tác động trực tiếp đến hàng ngàn doanh nghiệp trong cả nước, khiến các doanh nghiệp phải đối mặt với muôn vàn khó khăn và Tập đoàn Đức Long Gia Lai cũng không phải là ngoại lệ.

Đối với Tập đoàn Đức Long Gia Lai, với kinh nghiệm, bản lĩnh, hành động quyết liệt, linh hoạt, nhạy bén của HĐQT cùng với sự tin tưởng, song hành của quý cổ đông, nhà đầu tư cũng như sự đoàn kết, chung sức đồng lòng của toàn thể CBCNV, người lao động, mặc dù doanh thu và lợi nhuận không đạt kế hoạch đã đề ra vì lý do khách quan, nhưng đã khẳng định chiến lược đúng đắn của HĐQT và là nền tảng để Tập đoàn ĐLGL đề ra các mục tiêu, giải pháp khắc phục, nhằm đạt được những bước tiến quan trọng trong năm 2023 và các năm tiếp theo.

Thưa quý cổ đông!

Bước sang năm 2023, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thách thức về thiên tai, dịch bệnh; thị trường vốn và việc tiếp cận vốn còn gặp nhiều khó khăn,... Tuy nhiên, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, Quốc hội và Chính phủ đã kịp thời ban hành các chính sách tiền tệ, tài khóa và các giải pháp, như: Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 09/02/2023; số 08/2023/NĐ-CP ngày 05/3/2023; số 33/NQ-CP ngày 11/3/2023 nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ và tháo gỡ khó khăn cho Doanh nghiệp trong các lĩnh vực bất động sản, chứng khoán, trái phiếu, tín dụng và ngân hàng.

Đối với Đức Long Gia Lai, năm 2023 là năm có ý nghĩa quan trọng trong việc khắc phục khó khăn, tạo đà tăng trưởng trở lại. Với uy tín, thương hiệu và năng lực sẵn có, cùng rất nhiều cơ hội đầu tư đã và đang được ĐLGL triển khai, cùng các chủ trương, chính sách đúng đắn của Chính phủ trong việc khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, là các nhân tố hết sức thuận lợi để ĐLGL thực hiện thành công mục tiêu, chiến lược của mình là tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận bền

vững. Giữ vững tinh thần chủ động, nắm bắt xu thế, đón đầu các cơ hội, tận dụng thời cơ, phân đầu tạo nên những bước đột phá trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, HĐQT Tập đoàn Đức Long Gia Lai bước vào năm 2023 với thông điệp **“BỨC PHÁ - TĂNG TRƯỞNG - HIỆU QUẢ - BỀN VỮNG”**, kiên định mục tiêu chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư giai đoạn 2023 - 2025, không ngừng tăng trưởng về quy mô và hiệu quả.

Cá nhân Tôi - Chủ tịch HĐQT - cam kết tập trung trí lực, vật lực, kiên định mục tiêu và hành động, quyết liệt bằng nhiều biện pháp như: Tiếp tục công tác tái cấu trúc toàn diện, trong đó chú trọng tái cấu trúc về tài chính nhằm lành mạnh hóa nguồn lực tài chính, tiếp tục tập trung thu hồi các khoản công nợ, phối hợp với các ngân hàng và tổ chức tín dụng để có phương án xử lý nợ, tìm kiếm đối tác để tiếp tục chuyển nhượng các tài sản, dự án kém hiệu quả nhằm giảm dư nợ ở các tổ chức tín dụng, tạo điều kiện đẩy mạnh công tác đầu tư vào các lĩnh vực chiến lược của Công ty; cắt giảm chi phí và phòng ngừa rủi ro để đạt mục tiêu góp phần gia tăng doanh thu và lợi nhuận từ 2023 đến 2026 với phương châm hành động **“ĐỨC LONG - ĐI LÀ ĐẾN”**

Sau một năm đầy cơ hội và thách thức, với những kết quả đạt được, Tôi xin gửi lời chân thành cảm ơn đến các thành viên HĐQT, Ban điều hành đã có những đóng góp thiết thực về nhiều mặt. Cảm ơn quý cổ đông, ngân hàng, các đối tác, nhà đầu tư, khách hàng đã đặt trọn niềm tin vào ĐLGL. Cảm ơn toàn thể CBCNV vì sự chuyên nghiệp, trung thành, cam kết đồng hành cùng doanh nghiệp. Mong rằng quý vị cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng giữ vững niềm tin, tiếp tục hợp tác gắn bó, ủng hộ HĐQT trên bước đường phát triển hiện tại và lâu dài của Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

Chúng tôi cam kết sẽ thường xuyên thông tin đến quý vị cổ đông, nhà đầu tư và khách hàng một cách kịp thời, đầy đủ, công khai và minh bạch.

Xin trân trọng cảm ơn! ./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Pháp

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900415863
- Vốn điều lệ: 2.993.097.200.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.993.097.200.000 đồng
- Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P.Phù Đồng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Số điện thoại: 0269 3748 367
- Số fax: 0269 3747 366
- Website: <http://www.duclonggroup.com/>
- Email: duclong@duclonggroup.com
- Mã cổ phiếu: DLG

Quá trình hình thành và phát triển

+ Năm 2022

- + Kinh tế - xã hội nước ta năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 tuy đã được khống chế nhưng vẫn còn khá phức tạp và cuộc xung đột Nga - Ukraine chưa có hồi kết. Lạm phát tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ;
- + Nền kinh tế nước ta trong năm qua đã có sự phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô khá ổn định, các cân đối lớn được bảo đảm. Quy mô GDP của Việt Nam đạt 409 tỷ USD, tăng 8,02% so với năm trước và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Tuy vậy, kinh tế Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức bởi thiên tai, dịch bệnh, chính sách thắt chặt tiền tệ, lạm phát, lãi suất tăng cao, thị trường bất động sản đóng băng, thị trường chứng khoán lao dốc, khiến nhiều doanh nghiệp trong cả nước đang phải đối mặt với muôn vàn khó khăn và Tập đoàn Đức Long Gia Lai cũng không phải là ngoại lệ.
- + ĐLGL đã không ngừng đổi mới hệ thống quản trị, thay đổi phương án kinh doanh cho phù hợp với bối cảnh, tình hình mới; tiếp tục đẩy mạnh công tác cấu trúc doanh nghiệp và các công ty thành viên theo hướng ổn định, tiến hành chuyển nhượng các dự án, thoái vốn khỏi các công ty hoạt động kém hiệu quả. Các công ty thành viên đều nỗ lực trong việc thực hiện các mục tiêu, duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh. Nhờ vậy, mặc dù kết quả kinh doanh năm 2022 chưa đạt như kỳ vọng nhưng những gì đã đạt được thì có thể xem đây là thành công của DLG GROUP trong bối cảnh phức tạp như hiện nay.

+ **Năm 2018**

DLGL tăng vốn điều lệ lên 2.993.097.200.000 đồng sau khi phát hành 14.251.905 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017.

+ **Năm 2017**

DLGL tăng vốn điều lệ lên 2.850.578.150.000 đồng sau khi thực hiện chào bán thành công 54.913.473 cổ phiếu ra công chúng.

+ **Năm 2016**

DLGL tăng vốn điều lệ lên 2.301.443.420.000 đồng sau khi thực hiện chuyển đổi trước hạn 5.000.000 trái phiếu chuyển đổi thành 50.000.000 cổ phiếu và tăng 10.958.225 cổ phiếu từ việc trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu.

+ **Tháng 06/2010**

Tập đoàn Đức Long Gia Lai chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE), mã chứng khoán DLG

+ **Tháng 06/2007**

Thành lập Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và sau đó lần lượt thành lập 20 công ty thành viên, mở và liên kết thành lập 13 chi nhánh, cửa hàng trong và ngoài nước hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư đa ngành nghề.

- **Các sự kiện khác**

+ **Các hoạt động nổi bật trong năm 2022:**

✓ Chủ tịch Bùi Pháp chỉ đạo ngoài việc quán triệt tinh thần để ban Tổng Giám đốc, ban lãnh đạo các đơn vị thành viên tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động SXKD, nhiệm vụ quan trọng trong năm 2022 là vẫn tiếp tục tập trung hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2022; tu sửa, chỉnh trang cơ sở hạ tầng và giải quyết tốt chế độ, chính sách cho người lao động. Các đơn vị phải chủ động triển khai kế hoạch từ những ngày đầu năm 2022, đảm bảo SXKD tuyệt đối an toàn, liên tục và hiệu quả, tiết giảm chi phí, tập trung giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động.

✓ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022: Ngày 30/6/2022, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Đại hội đã thông qua các nội dung: Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT; thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán, phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch doanh thu lợi nhuận năm 2022; thông qua thù lao, chi phí của HĐQT, BKS và tiền lương Ban Tổng Giám đốc năm 2021, kế hoạch thù lao và chi phí cho HĐQT, BKS Công ty năm 2022; thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2022; thông qua ủy quyền HĐQT quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội

đồng cổ đông; thông qua việc miễn nhiệm HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022 và bầu HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027;

+ **Các thành tích đã đạt được:**

- ✓ 4 lần nhận giải “Sao vàng đất Việt” dành cho thương hiệu và sản phẩm đạt chất lượng cao.
- ✓ 3 lần nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ dành cho tập thể và cá nhân ông Bùi Pháp.
- ✓ 2 lần nhận Cờ thi đua của Chính phủ (năm 2008 và 2011)
- ✓ 3 lần nhận Cờ thi đua của UBND tỉnh Gia Lai (năm 2010, 2015 và 2016)
- ✓ Đạt Siêu cúp thương hiệu mạnh và phát triển bền vững, Cúp Sen vàng thương hiệu nổi tiếng Việt Nam và Quốc tế.
- ✓ Được trao tặng Huân chương lao động hạng Nhì, Ba cho Tập thể có thành tích xuất sắc.
- ✓ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Bộ trưởng Bộ Công thương, Chủ tịch Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế trao tặng CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- ✓ Cá nhân ông Bùi Pháp được trao tặng Huân chương lao động hạng Ba; 2 lần nhận Danh hiệu Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu; Cúp Thánh Gióng và Biểu tượng Bạch Thái Bưởi - Doanh nhân đất Việt thế kỷ 21; 7 năm liền (2014-2020) ông Bùi Pháp được bình chọn trong Top 200 người giàu nhất trên Sàn chứng khoán Việt Nam.
- ✓ Ngoài ra, Tập đoàn và cá nhân ông Bùi Pháp còn được các cơ quan Trung ương và các cơ quan ban ngành địa phương trao tặng nhiều phần thưởng cao quý khác.

2. ***Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:***

- Ngành nghề kinh doanh:

+ **Ngành nghề chiến lược:**

- ✓ Sản xuất điện tử và linh kiện điện tử
- ✓ Năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió, điện mặt trời)
- ✓ Cơ sở hạ tầng bằng hình thức BOT, BT, BOO;
- ✓ Đầu tư kinh doanh bất động sản đa sản phẩm;

+ **Ngành nghề truyền thống**

- ✓ Kinh doanh Nhà hàng, Khách sạn;
- ✓ Chế biến và kinh doanh đồ gỗ;
- ✓ Chế biến và kinh doanh đá granit;
- ✓ Bến xe và bãi đỗ.
- ✓ Dịch vụ bảo vệ.

- Địa bàn kinh doanh:

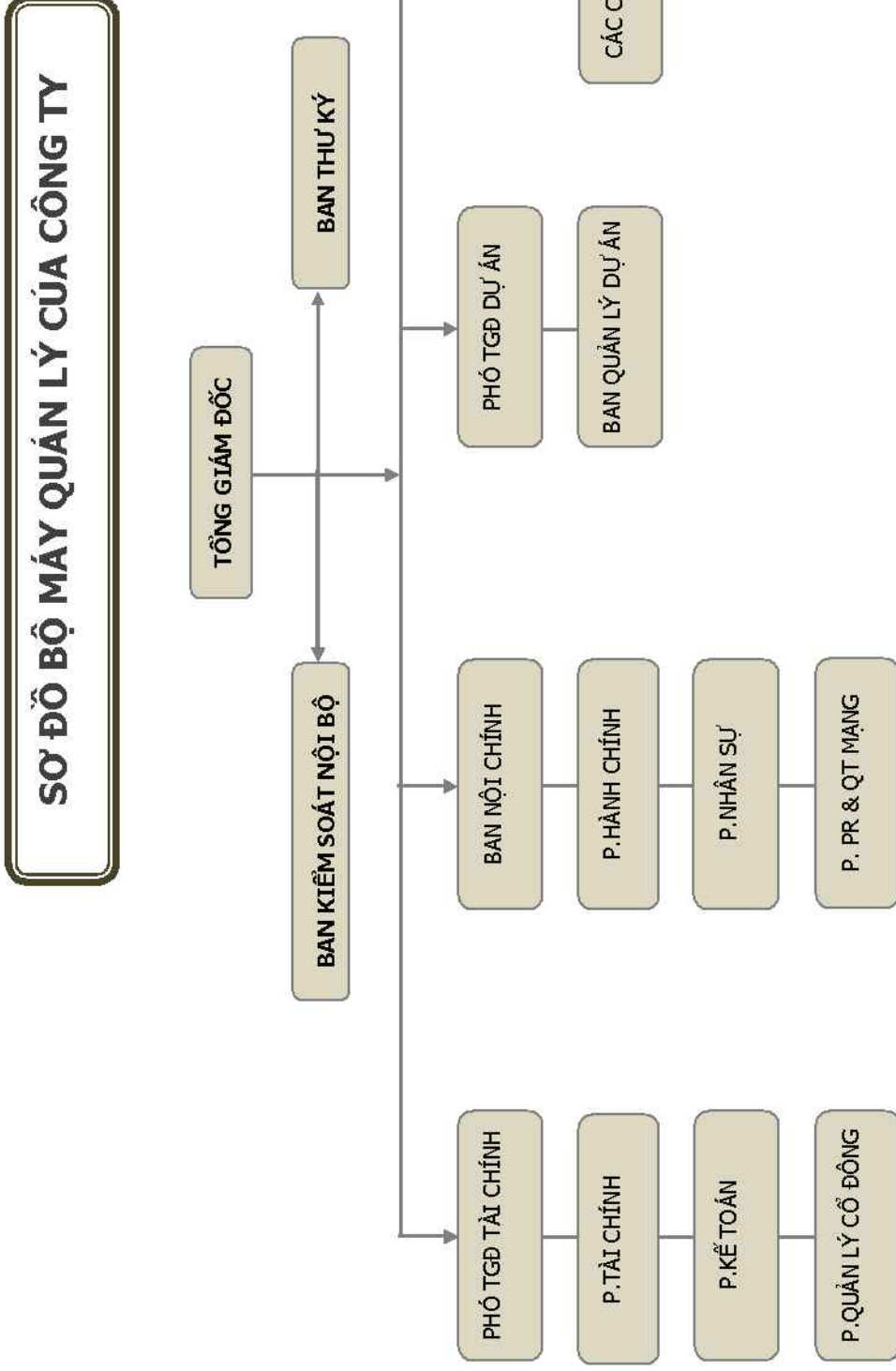
Là Tập đoàn kinh doanh đa ngành nghề, địa bàn kinh doanh của Đức Long Gia Lai không chỉ trong địa bàn tỉnh Gia Lai mà trải rộng khắp các tỉnh thành trong cả nước. Bên cạnh đó, Tập đoàn còn mở rộng việc đầu tư kinh doanh bên ngoài lãnh thổ Việt Nam như Trung Quốc, Hồng Kông, Hàn Quốc và các nước Đông Nam Á khác. Các sản phẩm gỗ và sản phẩm linh kiện điện tử mang thương hiệu Đức Long Gia Lai xuất khẩu sang các nước Mỹ, Châu Âu, Châu Mỹ.

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

- Mô hình quản trị:



- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ nắm giữ có quyền biểu quyết
I. Công ty con					
1	CTCP BOT & BT Đức Long Đắk Nông	Số 4, Điện Biên Phủ, Phường Nghĩa Trung, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, đầu tư công trình xây dựng giao thông, ...	250	70,60%
2	CTCP BOT & BT Đức Long Gia Lai	782 Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, Gia Lai	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, đầu tư công trình xây dựng giao thông, ...	203,81	73,5%
3	Công ty Mass Noble Investments Limited	Hòm thư 957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, quần đảo Virgin Islands thuộc Anh.	Sản xuất linh kiện thiết bị điện tử, viễn thông công nghệ cao, ...	320	97,73%
4	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Năng Đức Long Gia Lai	43 Lý Nam Đế, Tp.Pleiku, Gia Lai	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, ...	122,5	93,35%
5	Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng (được đổi tên từ CTCP Đức Long Đà Nẵng). <i>Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần theo QĐ số 65/QĐ-HĐQT-ĐLGL 29/12/2018. Ngày 09/11/2022 đã thực hiện xong thủ tục chuyển nhượng</i>	Thôn Quá Giàng, Xã Hoà Phước, Huyện Hoà Vang, TP. Đà Nẵng	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, kinh doanh vận tải hàng, ...	75	85%

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ nắm giữ có quyền biểu quyết
II. Công ty liên kết					
1	Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	170 Trường Chinh, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị, ...	2,96	20,00%
2	Công ty CP Đức Long Tây Nguyên (Không còn là công ty liên kết theo QĐ số 10/QĐ-HĐQT-ĐLGL 27/12/2022)	117-119-121 Trần Phú - Diên Hồng - Pleiku - Gia Lai	Sản xuất sắt, thép, gang, trồng cao su,	15	40,00%
3	Công ty CP DLG CY Việt Nam (Không còn là công ty liên kết theo QĐ số 10/QĐ-HĐQT-ĐLGL 27/12/2022)	149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Tp.HCM	Sản xuất linh kiện điện tử; xây dựng công trình; Tư vấn, môi giới và đấu giá Bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, ...	2,28	40,00%

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

+ Phấn đấu đến năm 2030, Đức Long Gia Lai sẽ trở thành một trong những công ty đa ngành hàng đầu Việt Nam có đủ năng lực để cạnh tranh với các Doanh nghiệp, Tập đoàn kinh tế trong nước và quốc tế.

✓ ĐLGL tiếp tục kiên định với các ngành nghề chiến lược giai đoạn 2023 - 2027 với quyết tâm: Đầu tư cơ sở hạ tầng theo hình thức BOT, BT, BOO; Đầu tư kinh doanh bất động sản đa sản phẩm; Đầu tư năng lượng (Thủy điện, điện mặt trời, điện gió); Sản xuất điện tử và thiết bị điện tử. Đồng thời đầu tư chuyên sâu một số lĩnh vực, ngành nghề truyền thống đang đem lại hiệu quả, bao gồm: Sản xuất, kinh doanh và chế biến gỗ, đá xây dựng, xây dựng kinh doanh bến xe, bãi đỗ xe, vệ sỹ, ...

✓ Về thị trường: Trong chiến lược phát triển, Đức Long Gia Lai sẽ tiếp tục củng cố vị thế tại thị trường nội địa, duy trì, tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm tăng thị phần.

- + Đối với môi trường, xã hội, cộng đồng của Công ty
 - ✓ Đối với môi trường: Tập đoàn Đức Long Gia Lai luôn xác định các hoạt động của mình sẽ góp phần bảo vệ và cải thiện môi trường, phù hợp với chính sách của nhà nước. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của mình, Đức Long Gia Lai luôn đề cao việc áp dụng kỹ thuật tiên bộ, phòng chống các tác nhân gây ô nhiễm môi trường và đẩy mạnh việc cải thiện môi trường như trồng rừng, chăm sóc rừng...
 - ✓ Đối với xã hội: Tập đoàn luôn tích cực tập trung đầu tư phát triển những ngành phục vụ nhu cầu xã hội như ngành điện năng và xây dựng, đồng thời góp phần tạo ra việc làm, giải quyết các vấn đề của xã hội, tham gia tích cực các hoạt động từ thiện, nhân đạo,...
 - ✓ Đối với cộng đồng: Những dự án, công trình của Tập đoàn xây dựng góp phần vào phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương, đảm bảo cân bằng lợi ích của Tập đoàn và lợi ích cộng đồng.
 - ✓ Công ty tạo ra những đặc trưng riêng trong quản lý kinh doanh, điều hành sản xuất, thay đổi tư duy nhằm đột phá để phát triển và khẳng định giá trị bằng những dự án đầy thách thức và phát triển thông qua việc đáp ứng các nhu cầu của khách hàng kết hợp bằng phong cách làm việc tập thể, sự sáng tạo và khả năng triển khai chuyên nghiệp.

- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- + Trên cơ sở kết quả đã đạt được của ĐLGL qua các năm trước đây, dự báo biến động tình hình kinh tế thế giới và những chính sách, cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp trong nước, HĐQT cân nhắc, thận trọng, đề nghị Đại hội thông qua định hướng và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 và 03 năm (giai đoạn 2023 - 2025), như sau:
 - + Tiếp tục kiên định với các ngành nghề chiến lược giai đoạn 2023 - 2025: Đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông theo hình thức BOT; Đầu tư năng lượng (Thủy điện, điện mặt trời, điện gió); Sản xuất điện tử và thiết bị điện tử; Đầu tư và kinh doanh bất động sản nhà ở, đô thị, nghỉ dưỡng; Đầu tư tài chính và mua bán - sáp nhập (M&A); đồng thời kiên định đầu tư chuyên sâu một số lĩnh vực, ngành nghề truyền thống, bao gồm: Khách sạn du lịch nghỉ dưỡng, sản xuất, kinh doanh và chế biến gỗ, chế biến đá granit, đá bazan, xây dựng kinh doanh bến xe, bãi đỗ xe.
 - + Phát triển các ngành nghề cụ thể:
 - ✓ **Lĩnh vực cơ sở hạ tầng:** Cùng với việc quản lý chuyên sâu, duy tu bảo

duỡng, đảm bảo chất lượng tốt cho các dự án Quốc lộ 14 từ Gia Lai đến Bình Phước nhằm ổn định hoạt động thu phí, đồng thời tiếp tục đề xuất cơ quan nhà nước có thẩm quyền tăng mức thu phí theo đúng lộ trình phương án tài chính đã ký, đề xuất cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án tài chính, kéo dài thời gian thu phí; tiếp tục đề xuất các tỉnh, Bộ GTVT và Chính phủ để tham gia nâng cấp mở rộng quy mô Quốc lộ 14 từ Gia Lai đến Bình Phước theo hình thức BOT;

✓ **Lĩnh vực năng lượng xanh, năng lượng tái tạo:** Bảo trì, bảo dưỡng các dự án thủy điện và điện mặt trời đã đầu tư và đưa vào khai thác. Theo dõi sát sao diễn biến, cập nhật thông tin các dự án năng lượng xanh, năng lượng tái tạo đã được Bộ Công thương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch điện VIII để triển khai đầu tư giai đoạn 2023 - 2027.

✓ **Lĩnh vực điện tử và linh kiện điện tử:** Tiếp tục đầu tư chuyên sâu, mở rộng thị trường các nhà máy, công ty tại Đông Quân, Quảng Đông, Trung Quốc; Seoul, Hàn Quốc; Hồng Kông và Nhà máy tại Thành phố Thủ Đức, Tp. HCM, Việt Nam, đảm bảo cung cấp cho thị trường những sản phẩm với mẫu mã mới, chất lượng vượt trội, cung cấp cho thị trường Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc.... Bên cạnh đó, ĐLGL sẽ tiếp tục mở rộng các nhà máy sản xuất điện tử, linh kiện điện tử tại các tỉnh, thành phố: Bình Dương, Tp. Đà Nẵng nhằm gia tăng doanh thu, lợi nhuận các năm đến;

✓ **Lĩnh vực bất động sản:** Tiếp tục triển khai pháp lý, xây dựng và bán hàng các dự án bất động sản tại Tp. HCM. Mở rộng quy mô, hoàn thiện thủ tục pháp lý để triển khai các dự án bất động sản nhà ở, đô thị kết hợp khu du lịch nghỉ dưỡng tại các tỉnh, thành phố: Gia Lai, Kon Tum, Bình Định, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bến Tre...;

✓ **Lĩnh vực đầu tư tài chính, mua bán và sáp nhập (M&A):** Tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết, liên minh, mua bán sáp nhập (M&A) và đầu tư tài chính nhằm gia tăng doanh thu, lợi nhuận;

✓ **Các lĩnh vực, ngành truyền thống:** Bao gồm: Khách sạn du lịch nghỉ dưỡng, chế biến sản phẩm đồ gỗ, chế biến đá granit, đá bazan và bến xe bãi đỗ, Tập đoàn sẽ đầu tư chuyên sâu, đảm bảo phục vụ tốt nhất cho khách hàng sử dụng dịch vụ khách sạn, bến xe, cung cấp sản phẩm đồ gỗ, đá phục vụ cho các công trình của Tập đoàn, giữ vững thương hiệu sản phẩm gỗ, đá mang thương hiệu ĐLGL đã được xây dựng từ ban đầu

5. *Các rủi ro:*

- **Các yếu tố rủi ro**

+ **Rủi ro kinh tế**

✓ Nền kinh tế luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro do chịu ảnh hưởng của các yếu tố trong và ngoài nước tác động, Đức Long Gia Lai là một chủ thể hoạt động của nền kinh tế nên cũng chịu ảnh hưởng nhất định trong hoạt động kinh doanh của mình.

✓ Từ năm 2022 cho đến nay, áp lực lạm phát toàn cầu ở mức cao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh lãi suất để phù hợp với bối cảnh quốc tế và ổn định kinh tế vĩ mô. Một điểm nhấn khác là tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa chính thức đạt kỷ lục mới với 732,5 tỷ USD cho cả năm 2022; xuất siêu 11,2 tỷ USD. Đây là con số kỷ lục trong nhiều năm trở lại đây. Trong đó xuất khẩu tăng 10,6%; nhập khẩu tăng 8,4%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2022 ước tính xuất siêu 11,2 tỷ USD đồng thời là năm thứ 7 liên tiếp xuất siêu.

✓ Với sự nỗ lực, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước, tình hình kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục đà chuyển biến tích cực, nhất là việc thực hiện thành công "mục tiêu kép" vừa giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, vừa thúc đẩy tăng trưởng GDP. Với những giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép "vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội", kinh tế Việt Nam vẫn đạt kết quả tích cực với việc duy trì tăng trưởng. Mặc dù tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2022 tăng 8,02% so với 2021 (đây là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022). Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%...

✓ Năm 2022 được cho là năm thứ hai tiến trình phục hồi của nền kinh tế đất nước sau giai đoạn khủng hoảng nghiêm trọng do những tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19. Việc phục hồi kinh tế được thực hiện trong những điều kiện không dễ dàng bởi các di chứng của đại dịch vẫn dai dẳng, cả trong nước cũng như trên bình diện quốc tế,...

+ **Rủi ro lãi suất**

✓ Lãi suất là một trong những yếu tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất ngân hàng tăng cao sẽ gây áp lực lên chi phí tài chính và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế.

✓ Với nhu cầu lớn về vốn để đáp ứng các mục đích đầu tư và hoạt động của tập đoàn, nguồn vốn vay đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu vốn của Tập đoàn đặc biệt các khoản lãi suất thả nổi. Ngành ngân hàng tiếp tục nâng cao chất lượng tín dụng và hướng dòng vốn vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, thúc đẩy phát triển các dự án kết cấu hạ tầng; triển khai hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách; đẩy mạnh phát triển tín dụng tiêu dùng; kiểm soát tín dụng vào lĩnh vực rủi ro cao như bất động sản, chứng khoán ... Trước tác động, ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19, Ngân hàng Nhà nước đã rà soát, sửa đổi, bổ sung nhiều cơ chế, chính sách để chủ động hỗ trợ cho doanh nghiệp và người dân (cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ,...). Đây là tín hiệu khả quan, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phục hồi của nền kinh tế sau những tác động tiêu cực của dịch Covid-19.

+ **Rủi ro tỷ giá**

✓ Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có gốc ngoại tệ, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

+ **Rủi ro pháp luật**

✓ Với đặc điểm là tập đoàn đa ngành thì các hoạt động luôn chịu ảnh hưởng của nhiều quy định pháp luật khác nhau. Những thay đổi về luật pháp và cơ cấu tổ chức các cơ quan Nhà nước có thể ảnh hưởng đến các dự án đang triển khai và các dự án đang hoạt động của Tập đoàn. Vì vậy, Đức Long Gia Lai luôn quan tâm theo dõi cập nhật những thay đổi trong văn bản luật đảm bảo hoạt động của Tập đoàn luôn hợp pháp và minh bạch.

+ **Rủi ro môi trường**

✓ CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai với vai trò chủ yếu của công ty mẹ là hỗ trợ và kết nối, không tham gia trực tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nên tác động trực tiếp đến lĩnh vực môi trường là không đáng kể. Tuy nhiên, xét về những tác động gián tiếp thông qua các công ty thành viên thì môi trường được xem là một trong những lĩnh vực cần được đánh giá tương xứng với tầm ảnh hưởng thực tế của tập đoàn. Để quản trị về vấn đề môi trường khi không tham gia vào các hoạt động trực tiếp của công ty thành viên, Tập đoàn hướng vào việc hỗ trợ thực hiện, kiểm soát kết quả hoạt động thông qua các thông tin về điều

hành, các báo cáo để đánh giá mức độ tuân thủ và tính hiệu quả của các hoạt động. Trong các biện pháp kiểm soát thông tin, cơ chế đánh giá môi trường xã hội của Tập đoàn là giải pháp hiệu quả và chủ động để có được các thông tin tin cậy để đảm bảo kết quả hoạt động nhất quán với tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược phát triển bền vững của Tập đoàn.

- **Rủi ro đặc thù ngành**

+ **Rủi ro đối với lĩnh vực cơ sở hạ tầng:**

✓ Các dự án xây dựng cầu đường chủ yếu của Tập đoàn là các dự án BOT, các dự án này đều là con đường quan trọng nối liền các tỉnh khu vực Tây Nguyên với các tỉnh thành phía Nam nên có mật độ xe lưu thông cao đem lại nguồn thu cho Tập đoàn. Tuy nhiên, trong tương lai, Tập đoàn sẽ phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp khác trong nước và cả các công ty nước ngoài do Nhà nước chủ trương đầu tư mở mới các tuyến đường cao tốc tại các tỉnh Tây Nguyên, tạo nên sự chia sẻ doanh thu thu phí với các công ty thành viên của Tập đoàn. Để khắc phục, Tập đoàn đã chủ động tìm kiếm, tích cực hợp tác với các đối tác nước ngoài để áp dụng kỹ thuật hiện đại, tăng tính cạnh tranh, giảm thiểu chi phí, hoạt động chuyên nghiệp. Việc Nhà nước không tăng thu phí 18% theo lộ trình 3 năm một lần cũng dẫn đến rủi ro do doanh thu không đảm bảo trả gốc và lãi cho ngân hàng. Các công ty BOT phải khắc phục bằng việc làm việc với ngân hàng để cơ cấu gốc và lãi.

+ **Rủi ro đối với ngành dịch vụ du lịch, khách sạn, resort:**

✓ Là ngành dịch vụ chủ yếu phục vụ du khách nên hoạt động của ngành này bị ảnh hưởng bởi tình hình chung của nền kinh tế thế giới và diễn biến tình hình dịch bệnh Covid-19. Để giảm thiểu rủi ro, Tập đoàn không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cấp hệ thống khách sạn và resort, Bên cạnh đó, còn có các chương trình ưu đãi hấp dẫn để thu hút du khách.

+ **Rủi ro về lĩnh vực linh kiện điện tử:**

✓ Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử tại Việt Nam, Trung Quốc và Hàn Quốc. Trong bối cảnh thế giới hiện đang có rất nhiều Công ty, tập đoàn lớn được coi là người khổng lồ trong lĩnh vực điện tử, công nghệ như SAMSUNG, LG... thì áp lực đối với các công ty sản xuất điện tử, linh kiện điện tử như Mass Noble, HanBit, ... là rất lớn. Để có thể tồn tại và phát triển, các công ty nhỏ không thể trực tiếp cạnh tranh với các đối thủ sừng sỏ trên thị trường chính thức mà các doanh nghiệp này buộc phải khai thác các thị trường ngách, nơi mà

các công ty lớn chưa quan tâm đến. Sự khéo léo định hướng đúng mục tiêu và lựa chọn đúng phân khúc đã giúp ĐLGL dần xây dựng được hình ảnh và uy tín trên thị trường.

+ Rủi ro đối với ngành năng lượng tái tạo:

✓ Đức Long Gia Lai chú trọng đầu tư hoạt động khai thác năng lượng sạch, năng lượng tái tạo bao gồm: Thủy điện, điện gió, điện mặt trời. Phần đầu đưa dự án trở thành mô hình kiểu mẫu tại Việt Nam trong tương lai. Mặc dù năng lượng tái tạo mang lại nhiều lợi ích kinh tế, xã hội, môi trường, tuy nhiên, cơ chế chính sách đối với ngành điện còn thiếu đồng bộ, chậm được đổi mới; nguồn lực đầu tư còn hạn chế và dàn trải. Để đẩy nhanh phát triển nhanh nguồn năng lượng sạch của Việt Nam cần phải vượt qua rất nhiều rào cản về: thể chế, pháp lý, thị trường, Rủi ro về giải pháp tại các dự án, do phát triển một cách ồ ạt nhưng cơ sở hạ tầng của nguồn điện còn nhiều hạn chế.

III. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh trong năm 2022:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021	2022	% tăng giảm 2022 với 2021
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.034.492	1.544.442	1.347.872	-12,73%
2	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	1.670.179	1.255.643	1.020.597	-18,72%
3	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	364.312	288.799	327.275	13,32%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	173.239	359.198	236.856	-34,06%
5	Chi phí hoạt động tài chính	Triệu đồng	823.694	494.693	427.844	-13,51%
6	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	19.145	18.035	11.113	-38,38%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	523.196	120.227	1.289.317	972,40%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	Triệu đồng	-828.378	14.713	-1.164.034	-
9	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	-32.457	-10.001	-19.695	96,93%
10	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	-860.835	4.711	-1.183.729	-

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021	2022	% tăng giảm 2022 với 2021
11	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-928.593	11.793	-1.197.177	-

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ hoàn thành
1	Doanh thu	Tỷ đồng	2.500	1.348	54%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	60	-1.197	-

Tại báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2022, doanh thu đã thực hiện của DLG đạt 1.348 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế TNDN âm 1.197 tỷ đồng. Trong điều kiện kinh tế trong và ngoài nước gặp nhiều khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro, vì vậy doanh thu và lợi nhuận đạt được vẫn chưa đạt mức kỳ vọng của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành tại 31/12/2022:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Tường Cột	Tổng giám đốc	14.382	0,005%	-
2	Trần Văn Phương	Phó Tổng giám đốc	68.389	0,023%	-
3	Vũ Thị Hải	Phó Tổng giám đốc	1.535.479	0,513%	-
4	Phạm Minh Việt	Phó Tổng giám đốc	0	0%	-
5	Đỗ Thành Nhân	Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán	84	0%	-

+ Nguyễn Tường Cột – Tổng Giám đốc

Trình độ: Cử nhân quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

- ✓ Từ 2016 đến 6/2021: Giám đốc Công ty CP Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam;
- ✓ Từ 2017 đến 6/2021: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam;
- ✓ Từ 8/2021 đến 9/2021: Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;

- ✓ Từ 01/10/2021 – nay: Tổng Giám đốc – Người đại diện pháp luật Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- ✓ Từ 30/6/2022 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

+ **Trần Văn Phương - Phó Tổng giám đốc**

Trình độ: Cử nhân xây dựng

Quá trình công tác:

- ✓ 2007 - 01/2009: Công ty THHH XDCT Hùng Vương.
- ✓ 02/2009 - 04/2012: Công ty Cổ phần ĐT & PT Điện năng Đức Long Gia Lai.
- ✓ 05/2012 - 08/2013: Giám đốc công ty Cổ Phần ĐT & Xây dựng Đức Long Gia Lai
- ✓ 09/2013 đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần ĐT & PT Điện năng Đức Long Gia Lai.
- ✓ 06/2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

+ **Vũ Thị Hải – Phó Tổng giám đốc**

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- ✓ 1987 - 2007 : Kế toán công ty dịch vụ du lịch Gia Lai.
- ✓ 1/2008 – 02/2008 : Kế toán tổng hợp CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- ✓ 3/2008 – 04/2011 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- ✓ 5/2011- 6/2013 : Trưởng ban tài chính, trưởng Ban quan hệ nhà đầu tư Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- ✓ 07/2013 – 3/2018: Kế toán trưởng, Trưởng ban tài chính Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- ✓ 07/2013 – nay: Trưởng ban quan hệ nhà đầu tư Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- ✓ 4/2018 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

+ **Phạm Minh Việt - Phó Tổng giám đốc**

Trình độ: Kỹ sư xây dựng cầu đường

Quá trình công tác:

- ✓ 2003 – 06/2006: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH Tư vấn Công trình Sài Gòn.
- ✓ 7/2006 – 4/2009: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Tư vấn Phương Nam.
- ✓ 4/2009 - 03/2010: Giám đốc điều hành dự án Công ty CP ĐTXD và Thương mại Thăng Long.
- ✓ 3/2010 – 10/2010: Trưởng ban BOT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- ✓ 10/2010 - nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- ✓ 2/2017 – nay: Tổng Giám đốc CTCP BOT & BT Đức Long Gia Lai.

+ **Đỗ Thành Nhân: Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán**

Trình độ: Kỹ sư quản trị Doanh nghiệp

Quá trình công tác:

- ✓ 01/9/2004 đến 9/2019: làm việc tại Ban Tài chính Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- ✓ 9/2019 đến nay: Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

- **Những thay đổi trong ban điều hành:**

Không có

- **Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.**

+ **Thống kê nhân sự**

Tổng số lượng cán bộ nhân viên toàn Tập đoàn (bao gồm các công ty thành viên) tính đến 31/12/2022 là 5.750 người. Tập đoàn luôn quan tâm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Pháp luật. Mức lương bình quân của toàn thể cán bộ nhân viên Tập đoàn năm 2022 là 9 triệu đồng/người/tháng.

+ **Một số chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động**

- ✓ Chính sách tuyển dụng

Tập đoàn sử dụng khá linh hoạt với nhiều cách thức “tuyển” để “dụng” cùng những tiêu chí tuyển dụng công khai, minh bạch... Với thông điệp “ĐỨC LONG - nơi hội tụ nhân tài”, đảm bảo số lượng nhân sự đầu vào có chất lượng cao mặc dù thị trường nhân sự trong lĩnh vực Tập đoàn đang hoạt động ngày càng khan hiếm. Công tác tuyển

dùng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Tập đoàn, thực hiện theo kế hoạch hàng năm và trong từng giai đoạn dựa trên nguyên tắc tạo cơ hội bình đẳng cho mọi ứng cử viên, thực hiện theo quy trình tuyển dụng của Tập đoàn.

✓ Chính sách đào tạo

Đào tạo và phát triển nhân viên là ưu tiên hàng đầu và là chính sách quan trọng của Tập đoàn. Mỗi cán bộ - nhân viên đều được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo tại Công ty hoặc bên ngoài.

Dựa vào nội dung của từng khóa học, nhân viên sẽ được đào tạo thông qua các phương pháp phù hợp như: học lý thuyết, thảo luận, tiếp cận thực tế đưa ra các tình huống cụ thể, sát với thực tế để giải quyết, hoặc kết hợp ngoại khóa... Cuối mỗi khóa đào tạo, nhân viên đều phải viết bài thu hoạch và báo cáo kết quả học tập về cho Ban Lãnh đạo Tập đoàn.

Cán bộ - nhân viên làm việc từ 6 tháng trở lên được tham gia đào tạo ngắn hạn trong nước theo kế hoạch đào tạo nghiệp vụ hàng năm, đào tạo đột xuất theo nhu cầu của Tập đoàn bằng các hình thức như đào tạo thông qua luân chuyển công tác, bố trí tham gia các ban dự án, chương trình để nhân viên có điều kiện phát huy khả năng và học hỏi kinh nghiệm tích lũy kiến thức, phát triển chuyên môn và nghề nghiệp theo định hướng của Công ty.

✓ Thăng tiến và phát triển nghề nghiệp

Tại Tập đoàn, cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng, được xác lập bằng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực với một quy trình rõ ràng. Tập đoàn có chính sách quy hoạch nguồn cán bộ lâu dài từ những cán bộ, nhân viên có tâm huyết, đủ trình độ, năng lực lãnh đạo, có thành tích trong lao động được lãnh đạo Tập đoàn đánh giá cao và đưa vào nguồn cán bộ quy hoạch dài hạn. Những cán bộ thuộc diện quy hoạch sẽ được bồi dưỡng, đào tạo, bổ sung kiến thức chuyên môn để điều hành các hoạt động của Tập đoàn trong những năm tiếp theo.

Tập đoàn luôn đánh giá năng lực và công việc định kỳ hàng tháng, qua đó đánh giá kết quả công việc và mục tiêu công việc, kế hoạch phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân, đồng thời cũng là cơ sở nhằm quy hoạch nguồn nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Tập đoàn.

✓ Chính sách tiền lương:

Với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó dài lâu và đồng thời tiếp tục duy trì văn hóa doanh nghiệp, chính sách đãi ngộ lao động luôn được

Tập đoàn xem trọng và liên tục hoàn thiện. Do đó, tại Tập đoàn, người lao động được hưởng các chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Hàng năm, người lao động có xếp loại lao động tốt đủ 12 tháng trở lên sẽ được xem xét điều chỉnh tăng lương sao cho phù hợp với trình độ, năng lực, hiệu quả công việc.

✓ Chính sách thưởng:

Tập đoàn thực hiện chế độ khen thưởng cho nhân viên căn cứ trên năng lực làm việc. Tập đoàn có chính sách thưởng bằng hiện kim thông qua việc đánh giá thi đua khen thưởng hàng năm, xem xét quá trình công tác, đạt hiệu quả cao, thành tích tiêu biểu. Đồng thời, Tập đoàn cũng có chính sách thưởng đột xuất đối với các cá nhân và tập thể có những đóng góp nổi bật trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Tập đoàn, có những ý tưởng và giải pháp sáng tạo mang lại hiệu quả trong việc phát triển Tập đoàn.

Ngoài ra, Tập đoàn cũng có chính sách đề xuất thưởng theo danh hiệu thi đua của nhà nước đối với những tập thể và cá nhân có những thành tích xuất sắc vượt bậc theo tiêu chuẩn chung của Luật thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn. Kết quả thi đua khen thưởng của cán bộ - nhân viên được sử dụng làm cơ sở để thực hiện các chính sách của Tập đoàn như: quy hoạch, đào tạo nguồn dự trữ kế thừa và nâng cao, nâng bậc lương trước thời hạn, đề bạt và bổ trí chức vụ cao hơn.

✓ Chính sách phúc lợi:

Việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động luôn được Tập đoàn quan tâm hàng đầu. Tập đoàn đảm bảo các chế độ, chính sách được trả bằng hoặc cao hơn yêu cầu của luật lao động. Tất cả các cán bộ nhân viên chính thức của Tập đoàn đều được đảm bảo thụ hưởng các chế độ chính sách phù hợp với Luật lao động Việt Nam. Ngoài ra, cán bộ nhân viên còn được nhận các chế độ phúc lợi theo Thỏa ước lao động tập thể, được điều chỉnh hàng năm và có những chế độ như: thưởng các dịp Lễ, Tết, lương tháng 13, trợ cấp thâm niên, tham quan nghỉ mát, sinh nhật, kết hôn, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ khó khăn, được tham gia các hoạt động tổ chức Công đoàn, văn thể mỹ, thể dục thể thao.

Công đoàn Công ty được thành lập từ năm 2015 đã phát huy tốt vai trò động viên CBCNV làm tốt nhiệm vụ được phân công, tham gia cùng Ban điều hành Công ty giải quyết các vướng mắc nảy sinh từ việc tuyển dụng, đào tạo, phân công, bổ nhiệm và chi trả tiền lương cho CBCNV. Công đoàn cũng đã làm tốt việc thăm hỏi khi phát sinh các trường hợp tang chế, hiếu hỉ của CBCNV và người thân.

Môi trường - điều kiện làm việc:

Với phương châm “Con người là yếu tố cốt lõi của sự cạnh tranh”, Tập đoàn luôn hướng đến một môi trường làm việc hiện đại và chuyên nghiệp, nơi thật sự tôn vinh những tài năng và giá trị con người. Tập đoàn không ngừng xây dựng một môi trường làm việc:

- Giao tiếp cởi mở và tôn trọng.
- Công việc thách thức và sáng tạo.
- Thu nhập cạnh tranh và công bằng.
- Cơ hội học tập/thăng tiến rõ ràng và không giới hạn.
- Thành tích được đánh giá khách quan và khoa học.
- Công việc ổn định và được chăm sóc chu đáo.

Tập đoàn luôn chú tâm duy trì không khí thoải mái, vui vẻ khi làm việc. Các hoạt động thường xuyên được tổ chức như: các giải thể thao, văn nghệ, tổ chức sinh nhật cho cán bộ - nhân viên, các hoạt động sinh hoạt như dự các ngày lễ truyền thống của đất nước và Tập đoàn, các hoạt động chung vì cộng đồng v.v...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn phát sinh trong năm:

Đầu tư ngắn hạn

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022	Chênh lệch
1	Đầu tư tài chính ngắn hạn	Tr.đồng	50.000	50.000	0
2	Cho vay, cho mượn ngắn hạn tổ chức	Tr.đồng	631.432	508.099	-123.333
3	Cho vay, cho mượn ngắn hạn các đối tượng khác	Tr.đồng	208.023	775.517	567.494

Đầu tư dài hạn

STT	Chỉ tiêu	2021 (Tr.đồng)	2022 (Tr.đồng)	Chênh lệch
I	Đầu tư góp vốn	7.434	48.082	40.648
1	CTCP Tư vấn & Xây dựng Giao thông Gia Lai	6.954	7.062	108

STT	Chỉ tiêu	2021 (Tr.đồng)	2022 (Tr.đồng)	Chênh lệch
2	CTCP Dịch vụ công cộng ĐL Bảo Lộc	480	480	0
3	CTCP Tập đoàn Alpha Seven	0	40.540	40.540
II	Cho vay	1.438.840	973.365	-465.475
1	Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp ĐLGL	374.407	334.407	-40.000
2	Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai	222.658	124.658	-98.000
3	Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	220.000	120.000	-100.000
4	Các đối tượng khác	621.775	394.299	-227.476

b) *Tình hình thực hiện các dự án sử dụng nguồn tiền phát hành: Không có*

c) *Các công ty con:*

Chỉ tiêu tài chính của một số công ty con

CTCP BOT&BT Đức Long Đắk Nông

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
1	Doanh thu	Tỷ đồng	204,9	251,5
2	LNTT	Tỷ đồng	73,4	92,5
3	Tài sản	Tỷ đồng	1.072,6	1.037,1
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	250	250

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Năng Đức Long Gia Lai

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
1	Doanh thu	Tỷ đồng	96,3	68,4
2	LNTT	Tỷ đồng	3,2	1,5
3	Tài sản	Tỷ đồng	556,8	497,4
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	122,5	122,5

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	7.070.349	5.611.846	-20,6%
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.544.441	1.347.872	-12,7%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	14.713	(1.164.034)	
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	(10.001)	(19.695)	96,9%
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.711	(1.183.729)	
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	11.792	(1.197.177)	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	0,85	0,64	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	0,72	0,54	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Tổng Nợ/Tổng tài sản	%	67,20%	80,24%	
+ Tổng Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,05	4,06	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	3,25	3,33	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,22	0,24	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,76%	-88,82%	

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,51%	-107,95%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,17%	-21,33%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,95%	-86,36%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

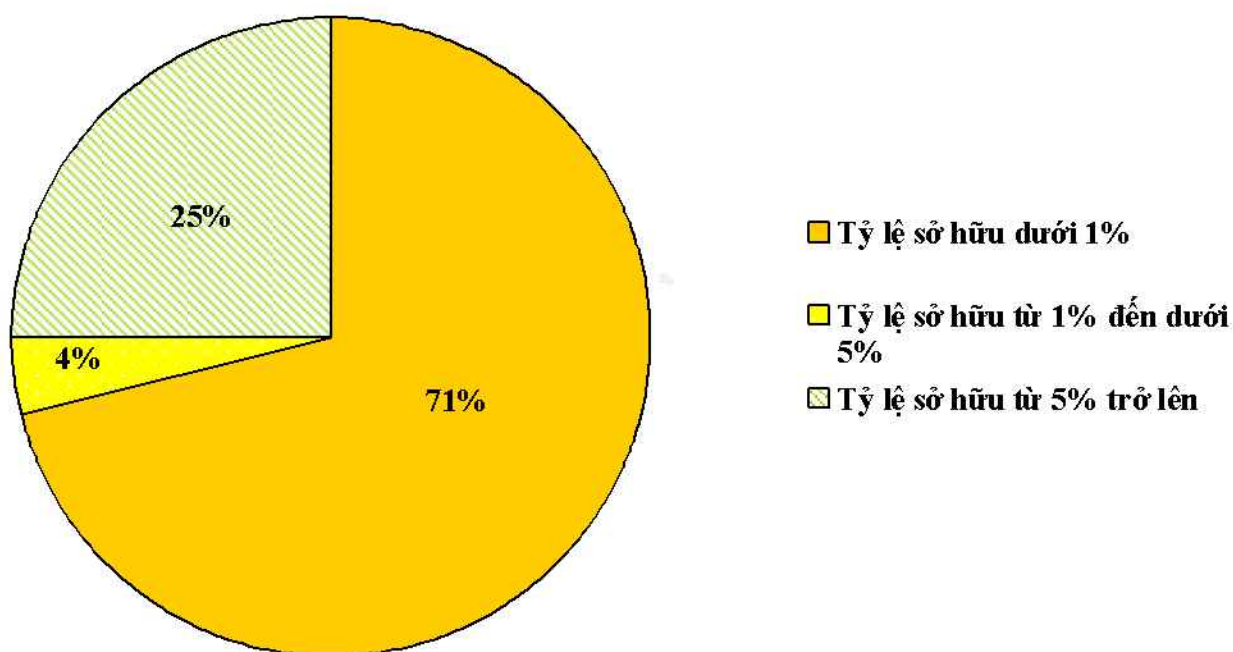
- + Số cổ phiếu phổ thông: 299.309.720 cổ phiếu
- + Số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 299.309.720 cổ phiếu
- + Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

b) Cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt ngày 31/5/2022

- + Cơ cấu cổ đông theo loại hình:

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	294.849.060	98,5%
<i>a</i>	<i>Cá nhân</i>	<i>294.656.717</i>	<i>98,4%</i>
<i>b</i>	<i>Tổ chức</i>	<i>192.343</i>	<i>0,1%</i>
2	Cổ đông nước ngoài	4.460.660	1,5%
<i>a</i>	<i>Cá nhân</i>	<i>1.271.383</i>	<i>0,4%</i>
<i>b</i>	<i>Tổ chức</i>	<i>3.189.277</i>	<i>1,1%</i>
3	Tổng	299.309.720	100%

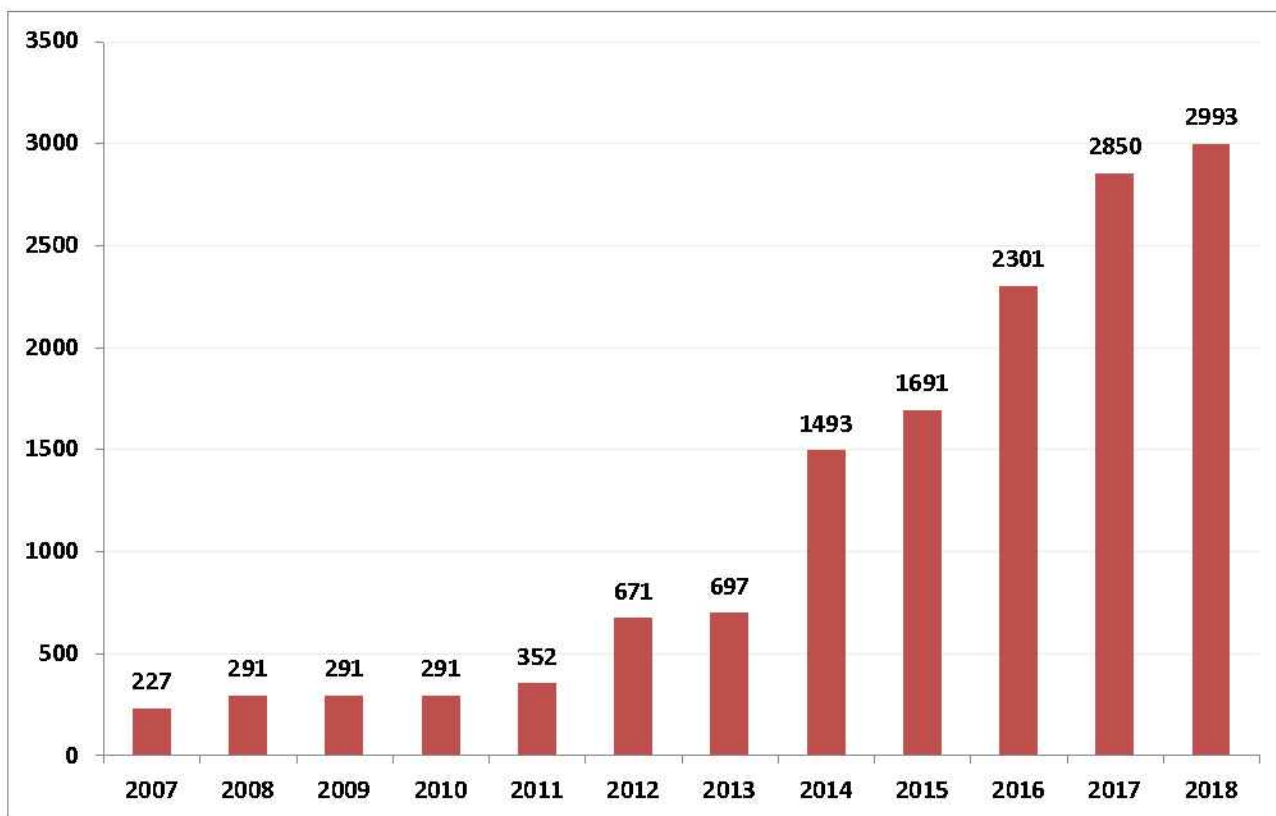
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO TỶ LỆ SỞ HỮU



+ Danh sách cổ đông lớn:

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Bùi Pháp	230512386	03 Trần Quang Khải, TP. Pleiku, Gia Lai	74.226.523	24,79%

+ **QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN 2007-2022 (TỶ ĐỒNG)**



QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN 2007-2022 (TỶ ĐỒNG)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2022, Đức Long Gia Lai không có sự thay đổi về vốn điều lệ.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là năng lượng tái tạo, lĩnh vực điện tử, cơ sở hạ tầng thu phí theo hình thức BOT và bất động sản đa sản phẩm

- **Lĩnh vực năng lượng:** Công ty tập trung vào năng lượng tái tạo (thủy điện, điện mặt trời và điện gió). Sử dụng năng lượng tái sinh tác động tích cực đến môi trường và đời sống con người, giảm sử dụng nguồn năng lượng hóa thạch (than, dầu mỏ) hạn chế gây ô nhiễm không khí, bụi than, tiếng ồn, giảm được bãi rác thải đất đá, bảo vệ rừng vv... làm cho môi trường không bị ô nhiễm và bảo vệ sức khỏe con người.

- **Đối với lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử:** Hiện nay, Công ty đang sở hữu 3 nhà máy tại Việt Nam, Hàn Quốc và Trung Quốc. Công ty luôn đáp ứng những yêu cầu khắt khe về môi trường ở các nước sở tại. Lựa chọn đơn vị thi công có thiết bị và phương tiện thi công cơ giới hiện đại để giảm thiểu ô nhiễm không khí - tiếng ồn; Lắp đặt hệ thống xử lý không khí và bộ lọc khí để đảm bảo không khí trong các xưởng sản xuất đạt độ sạch cao, nhà máy được thiết kế theo quy chuẩn xây dựng, có hệ thống gió, hệ thống làm thoáng không khí, các chất thải gây hại sẽ được thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường ở mức thấp nhất.

- **Lĩnh vực BOT, cơ sở hạ tầng:** Để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, với vị thế là chủ đầu tư dự án, Công ty luôn ưu tiên lựa chọn nhà thầu xây dựng và cung cấp thiết bị có giải pháp tốt nhất về bảo vệ môi trường. Thiết bị trang bị cho dự án của Công ty đảm bảo tiết kiệm điện năng. Công ty ưu tiên sử dụng nguyên vật liệu thay thế ít sử dụng năng lượng nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn kỹ thuật. Trong tương lai, để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, Công ty đề ra giải pháp:

+ Lựa chọn nhà thầu thi công và cung cấp trang thiết bị được đánh giá có giải pháp tốt nhất về môi trường.

+ Trong hoạt động xây dựng của Công ty. Công ty áp dụng tối đa giải pháp bảo vệ môi trường như đầu tư trang thiết bị, xây dựng quy trình giám sát chặt chẽ, lập chỉ tiêu KPIs đánh giá về môi trường

- **Lĩnh vực bất động sản đa sản phẩm:** Công ty luôn quan tâm đầu tư vào các biện pháp nhằm tăng hiệu quả các công trình bất động sản, giảm tiêu thụ năng lượng và khí thải. Các khu nhà thương mại sẽ tuân theo tiêu chuẩn của các chứng nhận xanh và hiệu quả năng lượng, áp dụng các sáng kiến tiết kiệm năng lượng thông qua việc lắp đặt các thiết bị hiện đại và tái chế, lắp đặt hệ thống gom nước mưa; sử dụng vật liệu ít tỏa khí thải, giảm nồng độ các chất ô nhiễm hóa học có thể gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng không khí, sức khỏe con người và môi trường.

6.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường. Bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống cho mọi người, vì vậy Ban lãnh đạo Công ty rất quan tâm đến vấn đề này.

Lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử:

- Thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng máy móc thiết bị để máy luôn hoạt động tốt;
- Nhà xưởng được thiết kế theo quy chuẩn xây dựng, có hệ thống gió, hệ thống làm thoáng đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân;
- Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn) cho công nhân làm việc tại những vị

trí phát sinh tiếng ồn cao

Lĩnh vực BOT, cơ sở hạ tầng và bất động sản: Khi triển khai các dự án đầu tư, Công ty đều thuê những đơn vị tư vấn thực hiện việc đánh giá tác động đến môi trường tại địa bàn thực hiện dự án. Đồng thời, đưa ra các giải pháp thiết thực nhằm giảm tác động đến môi trường, hệ sinh thái ở mức thấp nhất. Đối với giai đoạn thực hiện dự án, Công ty đều đưa ra những cam kết và hành động cụ thể nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường.

- Biện pháp quản lý
 - + Lập kế hoạch, tiến độ thi công hợp lý, công trình xây dựng nhanh, hoàn thành sớm.
 - + Quy định cụ thể thời gian làm việc trong ngày.
 - + Phương tiện tham gia vận tải phải có giấy đăng kiểm, phải đạt các tiêu chuẩn lưu hành, lái xe phải có bằng lái, yêu cầu phải tuân thủ các quy định về an toàn khi tham gia giao thông.
- Biện pháp kỹ thuật
 - + Giảm thiểu bụi đất trong quá trình vận chuyển.
 - + Xe chở đất được che chắn cẩn thận bằng bạt.
 - + Không chở quá tải trọng cho phép nhằm hạn chế đất cát rơi vãi.
- Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải
 - + Sử dụng lao động tại địa phương nhằm tránh lưu trú qua đêm do đó giảm lượng nước thải và hạn chế tình trạng gây ô nhiễm môi trường.
 - + Xây dựng các công trình vệ sinh tạm tại công trường xây dựng.
 - + Các nguyên liệu hại như xăng, dầu, nhựa đường... được lưu giữ trong kho chứa nhằm tránh việc làm đổ các chất độc hại trên.
- Giảm thiểu ô nhiễm do tiếng ồn, khí thải
 - + Không vận chuyển, vận hành máy móc thiết bị gây ra tiếng ồn lớn vào giữa trưa và ban đêm gây ồn cho khu vực xung quanh.
 - + Không sử dụng máy móc quá cũ để giảm mức gây ồn và các khí độc hại trong khói thải.
 - + Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân

6.2. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong quá trình hình thành và phát triển, ĐLGL không ngừng học hỏi, tìm tòi, phát huy và tiếp cận những công nghệ mới để giúp công ty hoàn thành những mục tiêu kinh doanh mà HĐQT đề ra. Từng bước đưa ĐLGL trở thành một Tập đoàn hàng đầu Việt Nam.

ĐLGL luôn tuân thủ việc đóng thuế đầy đủ cho cơ quan Nhà nước. Tạo rất nhiều

công ăn việc làm cho rất nhiều lao động. Qua từng năm, từng thời điểm, từng quy mô nguồn vốn, Công ty luôn tuân thủ và đặt trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế lên hàng đầu. Luôn minh bạch trong quá trình đóng thuế của mình. Điều đó thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của một tổ chức đối với nền kinh tế chung của đất nước.

DLGL đã tích cực tham gia nhiều hoạt động an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo. DLGL đã ủng hộ các hoạt động xã hội không những tại địa bàn đứng chân, mà còn tại địa bàn đầu tư dự án.

6.3. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Bảo vệ môi trường sống là mục tiêu hàng đầu và quan trọng nhất mà DLGL đề ra trong các dự án đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng. Đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp trước và sau khi dự án được triển khai. Theo Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 của Việt Nam mà Chính phủ phê 3 nhiệm vụ chính gồm: giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; xanh hóa sản xuất, khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh và xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Để thực hiện các nhiệm vụ này, chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 -2030 (Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh 2030). Việc xây dựng Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh 2030 hướng tới nền kinh tế trung tính các-bon (carbon neutral) trong dài hạn là ưu tiên hàng đầu trong bối cảnh mới, đặc biệt là xu hướng chuyển đổi số mạnh mẽ, giúp Việt Nam đón đầu cơ hội và sử dụng nguồn lực một cách hiệu quả. Tăng trưởng xanh không những giúp đảm bảo bền vững về môi trường, nâng cao năng lực chống chịu của quốc gia trước biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai, dịch bệnh, mà còn tạo bình đẳng trong tiếp cận cơ hội và hưởng lợi của mọi người dân, không để ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển. Tăng trưởng xanh góp phần truyền tải, chia sẻ các giá trị nhân văn, các giá trị văn hóa cốt lõi, lối sống có trách nhiệm của từng con người và của toàn xã hội.

Bên cạnh sự nỗ lực của Chính phủ cần sự tham gia, phối hợp của các doanh nghiệp. Để nền kinh tế xanh hơn thì bản thân các doanh nghiệp trong nước phải có những hành động cụ thể hơn, thiết thực hơn để góp phần làm nền kinh tế xanh hơn. DLGL luôn cam kết và tạo sự chuyển biến tích cực từ ý thức bảo vệ môi trường đến toàn bộ cán bộ công nhân viên.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kinh tế - xã hội năm 2022 của nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có

nhiều biến động nhanh, khó lường làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu. Kinh tế vĩ mô tiếp tục duy trì ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo; chính sách tiền tệ, tài khóa được điều hành chủ động, linh hoạt và hiệu quả. Môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện tích cực, góp phần phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

- Trên cơ sở đó, kinh tế - xã hội năm 2022 của nước ta khởi sắc trên hầu hết các lĩnh vực, nhiều ngành đã khôi phục mạnh mẽ với mức tăng trưởng cao. Hoạt động sản xuất kinh doanh phục hồi tích cực ở cả ba khu vực kinh tế. GDP năm 2022 tăng cao ở mức 8,02% so với năm trước, là mức tăng cao nhất các năm trong giai đoạn 2011-2022. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 8,1%. Khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%; trong đó nhiều ngành dịch vụ thị trường tăng cao như bán buôn, bán lẻ tăng 10,15%; vận tải kho bãi tăng 11,93%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 40,61%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 9,03%. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2022 đảm bảo nguồn cung lương thực, thực phẩm trong nước và xuất khẩu. Sản lượng lúa mùa ước đạt 8,21 triệu tấn, tăng 151,9 nghìn tấn; sản lượng một số cây lâu năm tăng khá như sầu riêng ước tăng 25%; mít tăng 16%; cam tăng 8,2%; chè búp tăng 3,4%; cà phê (nhân) tăng 2,8%.

- Tuy nhiên, vẫn tồn tại nhiều yếu tố bất định, rủi ro tiềm ẩn; tình hình xung đột Nga - Ukraine chưa có dấu hiệu chấm dứt; đại dịch Covid-19 đã gây ra những tổn thất lâu dài và sự kết hợp của nhiều cú sốc liên quan đang kéo nền kinh tế toàn cầu đi xuống. Việc giải ngân vốn đầu tư công chậm, kéo dài chưa được khắc phục, ảnh hưởng đến tăng trưởng và gây ra nhiều hệ lụy; thị trường tài chính, tiền tệ diễn biến phức tạp, tiềm ẩn rủi ro; lãi suất, tỷ giá đều phải điều chỉnh tăng. Kinh tế phục hồi mạnh mẽ nhưng nhiều khó khăn 'bào mòn' doanh nghiệp, người dân.

- Bên cạnh đó, thị trường bất động sản suy giảm, thị trường trái phiếu doanh nghiệp gần như đóng băng, hầu như không có phát hành, chủ yếu là hoạt động mua lại trái phiếu doanh nghiệp của các doanh nghiệp bất động sản; giá cả chi phí đầu vào, chi phí nguyên vật liệu, giá xăng dầu, vật tư tăng cao, cơ chế điều hành có lúc còn bất cập, có thời điểm xảy ra tình trạng khan hiếm xăng dầu...

- Những khó khăn đó đang "bào mòn sức khỏe" của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân; nhiều doanh nghiệp có tình trạng thiếu vốn, khó khăn trong tiếp

cận dòng vốn để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất do không ký được các đơn hàng mới.

- Những tồn tại của nền kinh tế cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó Tập đoàn Đức Long Gia Lai (DLGL) không phải là ngoại lệ.

- Quá trình thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch năm 2022, DLGL có được những yếu tố thuận lợi và khó khăn sau đây:

+ **Thuận lợi:**

✓ Tập đoàn Đức Long Gia Lai với các thế mạnh sẵn có: Những thành tựu đạt được trong các năm trước về kết quả sản xuất kinh doanh, nguồn tài chính, chất lượng, uy tín, chất lượng nguồn nhân lực... và mô hình quản trị tiên tiến, sự minh bạch trong hệ thống tài chính, thương hiệu của doanh nghiệp niêm yết trên sàn;

✓ Với mối quan hệ sâu rộng của Chủ tịch HĐQT và được sự quan tâm, hỗ trợ của các cơ quan, ban ngành từ Chính phủ, các bộ ban ngành TW và các địa phương, Tập đoàn đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhiều dự án lớn, hứa hẹn sẽ mang lại hiệu quả đầu tư cao trong các năm tới;

✓ Đội ngũ cán bộ nhân viên của Văn phòng Tập đoàn và các công ty thành viên đã đồng hành với Tập đoàn qua nhiều năm, luôn tin tưởng, sát cánh kề vai với HĐQT và Ban điều hành, tích cực phát huy tính năng động trong việc triển khai các chủ trương, kế hoạch phát triển của Tập đoàn.

+ **Những khó khăn, thách thức:**

✓ Sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp có chung ngành nghề sản xuất kinh doanh và đầu tư;

✓ Các chủ trương chính sách của Nhà nước như rà soát, kiểm tra, kiểm soát, hậu kiểm, hội tố chặt chẽ các thủ tục pháp lý đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tập đoàn;

✓ Đội ngũ cán bộ quản lý của Tập đoàn tuy đã được tăng cường và đã kinh qua nhiều kinh nghiệm thực tiễn nhưng có lúc vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh của Tập đoàn.

✓ Các yếu tố thuận lợi và khó khăn đã tác động không nhỏ đến quá trình điều hành Tập đoàn, nhưng với sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tập trung khai thác các lợi thế của DLGL, quyết tâm

đổi mới, đầu tư chiều sâu, tận dụng những thuận lợi của nền kinh tế, biến những thách thức thành cơ hội phát triển và đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

- **Hoạt động đầu tư:**

+ **Về lĩnh vực năng lượng tái tạo:** Công ty đã đầu tư và phát điện nhiều dự án thủy điện, điện mặt trời tại các tỉnh Lâm Đồng, Kon Tum. Ngoài ra, Tập đoàn đang triển khai đồng loạt thủ tục đầu tư các dự án điện mặt trời, điện gió, thủy điện và đầu tư TBA 500kV cùng với lưới điện truyền tải để giải phóng công suất với gần 4.000MW (trong đó có 900MW điện gió, 2.600 MW điện mặt trời, 260 MW thủy điện) tại các tỉnh Tây Nguyên và Miền Trung, đã được Chính phủ và Bộ Công thương đồng ý đưa vào Quy hoạch điện VII hơn 600 MW; số còn lại hơn 2.500 MW đang chờ bổ sung Quy hoạch của Chính phủ;

+ **Về lĩnh vực bất động sản nhà ở, khu đô thị, sân golf kết hợp khu du lịch nghỉ dưỡng và khu công nghiệp:** DLGL đang chuẩn bị triển khai các dự án bất động sản thuộc các lĩnh vực này tại các tỉnh, thành phố: Gia Lai, Kon Tum, Bình Định, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu,...;

+ **Về lĩnh vực linh kiện điện tử:** Tiếp tục đầu tư và phát triển sản xuất Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại Khu Công nghệ Cao Quận 9, Tp.HCM. Hoàn thiện thủ tục để đầu tư thêm 02 nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại thành phố Đà Nẵng và tỉnh Bình Dương. Tranh thủ tình hình các nhà đầu tư nước ngoài đang có xu hướng dịch chuyển và rút khỏi Trung quốc để đầu tư, mở rộng sản xuất và phát triển tại Việt Nam;

+ **Về lĩnh vực cơ sở hạ tầng:** Công ty hiện đang sở hữu 04 trạm thu phí trên tuyến QL14. Mặc dù doanh thu và lợi nhuận các trạm thu phí chưa đạt theo kế hoạch dự kiến, nhưng vẫn là nguồn thu khá ổn định của DLG. Ngoài việc tập trung cho công tác duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường tại Gia Lai, Đắk Nông, Bình Phước để đảm bảo chất lượng tuyến đường, thu phí ổn định, DLGL đang thực hiện thủ tục đầu tư và tổng thầu các dự án hạ tầng khu vực phía Nam và Đông Nam Bộ theo hình thức PPP (BT, BOT,...);

2. **Tình hình tài chính**

a) **Tình hình tài sản**

ĐVT: Triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng trưởng 2022 so với 2021	% tăng giảm
Tài sản ngắn hạn				
Tiền và các khoản tương đương tiền	122.635	117.985	-4.650	-3,79%
Đầu tư ngắn hạn	50.000	50.000	0	0,00%
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.790.592	1.234.607	-555.985	-31,05%
Hàng tồn kho	369.436	243.504	-125.932	-34,09%
Tài sản ngắn hạn khác	1.256	1.298	42	3,34%
Tổng tài sản ngắn hạn	2.333.919	1.647.393	-686.526	-29,42%
Tài sản dài hạn				
Các khoản phải thu dài hạn	1.440.109	974.633	-465.476	-32,32%
Tài sản cố định	2.854.842	2.609.448	-245.394	-8,60%
Bất động sản đầu tư	30.960	29.135	-1.825	-5,89%
Tài sản dở dang dài hạn	32.436	40.861	8.425	25,97%
Các khoản đầu tư dài hạn	6.954	16.182	9.228	132,70%
Tài sản dài hạn khác	371.128	294.194	-76.934	-20,73%
Tổng tài sản dài hạn	4.736.430	3.964.452	-771.978	-16,30%
Tổng tài sản	7.070.349	5.611.846	-1.458.503	-20,63%

b) Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng trưởng 2022 so với 2021	% tăng giảm
Nợ phải trả				
Nợ ngắn hạn	2.734.296	2.592.155	-142.141	-5,20%
Nợ dài hạn	2.017.218	1.910.669	-106.549	-5,28%
Tổng nợ	4.751.514	4.502.825	-248.689	-5,23%
Vốn chủ sở hữu				
Vốn chủ sở hữu	2.318.835	1.109.021	-1.209.814	-52,17%
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.993.097	2.993.097	0	0,00%
Trong đó: Lợi nhuận chưa phân phối	-850.365	-2.069.778	-1.219.413	143,40%
Tổng nguồn vốn	7.070.349	5.611.846	-1.458.503	-20,63%

- Một số yếu tố khác:

- + **Về ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá**

Do phát sinh các giao dịch mua, bán hàng có nguồn gốc ngoại tệ, Tập đoàn chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được quản lý thông qua các biện pháp: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

- + **Về ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay**

Do có các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Theo đó, có bất cứ biến động nào về lãi vay đều có tác động đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Tuy nhiên, Tập đoàn đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn thời điểm trả nợ thích hợp. Do vậy, biến động lãi suất ngoài dự tính vẫn được duy trì ở mức thấp.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

- **Công tác quản trị:** Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đồng bộ các giải pháp:

- + Bám sát mục tiêu của kế hoạch từ đầu năm, tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản trị theo hướng hiện đại để đáp ứng đủ lực cho việc quản trị hệ thống với quy mô phát triển ngày một lớn mạnh;

- + Xây dựng, trình Hội đồng quản trị ban hành các quy định, quy chế hoạt động phù hợp với mô hình quản trị của doanh nghiệp; thực hiện các quy định về công bố thông tin, chế độ báo cáo theo quy định của UBCKNN và Sở GDCK thành phố Hồ Chí Minh;

- + Tiếp tục triển khai các giải pháp kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của toàn Công ty thông qua các biện pháp tiết giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc kiểm soát chặt chẽ chi phí và tăng năng suất lao động;

- + Tăng cường nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn doanh nghiệp an toàn, hiệu quả. Tiếp tục rà soát tính hiệu quả của các tài sản và các mảng kinh doanh, những tài sản nào không phát huy hiệu quả thì cho thuê mướn, chuyển nhượng, liên doanh liên kết nhằm tạo ra hiệu quả sử dụng vốn cao nhất cho Tập đoàn.

- **Công tác nhân sự - lao động:**

- + Đã cơ cấu, luân chuyển nhân sự quản lý cấp cao (TGD, KTT các Công ty thành viên) nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả trong quản lý điều hành cho phù hợp với tình hình phát triển giai đoạn mới;

- + Quan tâm đến công tác quản trị nhân sự thông qua việc xây dựng hệ

thống quản trị nhân sự chuyên nghiệp; có cơ chế tiền lương, tiền thưởng và môi trường, điều kiện làm việc hấp dẫn; thu hút, tuyển dụng, đào tạo và sắp xếp lại nguồn nhân lực, sắp xếp, định biên lại nhân sự các phòng, ban Văn phòng Tập đoàn và các công ty/đơn vị thành viên để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao, phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn trong giai đoạn mới;

+ Đảm bảo đúng kỷ luật, nội quy nề nếp và an toàn trong lao động. Tất cả cán bộ nhân viên ĐLGL đều được trang bị đầy đủ công cụ lao động cần thiết, môi trường công tác đảm bảo trong điều kiện tốt nhất.

+ Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với Chi bộ, Công đoàn cơ sở tổ chức tốt công tác thăm hỏi, chúc mừng, tặng quà cho cán bộ nhân viên và gia đình trong những ngày sinh nhật, cưới hỏi; thăm hỏi những lúc ốm đau, hoạn nạn; kỷ niệm các ngày lễ như: Ngày QTPN 08/3, giỗ tổ Hùng Vương 10/03 ÂL, Ngày chiến thắng 30/4, Quốc tế lao động 01/5, Quốc khánh 2/9, Ngày PNVN 20/10. Tổ chức tặng quà và khen thưởng cho con cán bộ nhân viên có thành tích học tập xuất sắc, tặng quà nhân dịp Ngày QTTN 01/6, tổ chức Trung thu cho con em cán bộ Tập đoàn ...

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2023, dự báo tình hình thế giới sẽ tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp khó lường cả về chính trị, an ninh, kinh tế, xã hội. Trong nước, các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ tăng lạm phát là rất lớn. Khó khăn và nhiều thách thức, nhất là biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, đà phục hồi tiêu dùng trong nước, tạo áp lực lạm phát, chi phí sản xuất tăng cao, rủi ro về chuỗi cung ứng; thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ do nhà nước quản lý, thiên tai, dịch bệnh bão lũ, biến đổi khí hậu...

Như vậy, bối cảnh quốc tế sẽ trở nên khó khăn hơn trong năm 2023 và sẽ tác động không nhỏ tới tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Trong bối cảnh này, Quốc hội đã đặt mục tiêu tăng trưởng năm 2023 là 6,5%, dù thấp hơn kết quả đạt được của năm 2022 là 8,02% nhưng đây được đánh giá là mục tiêu đầy thách thức. Theo nhận định của các chuyên gia kinh tế thì năm 2023 thách thức nhiều hơn thuận lợi. Nếu quyết tâm cao, nỗ lực lớn, thực hiện tốt, thì mục tiêu tăng trưởng 6,5% đặt ra là rất cao nhưng cũng nằm trong tầm tay. Để đạt được mục tiêu Quốc hội đề ra, doanh nghiệp cần đầu tư đổi mới, nâng cao chất lượng máy móc thiết bị, công nghệ sản xuất, quy trình phương thức quản trị doanh nghiệp, áp dụng các tiêu chuẩn phù hợp với thị trường xuất khẩu gồm tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn vệ sinh thực phẩm, ...

- **Mục tiêu, định hướng:** Tiếp tục kiên định với các ngành nghề chiến lược giai đoạn 2023 - 2027: Đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông theo hình thức BOT; Đầu tư năng

lượng (Thủy điện, điện mặt trời, điện gió); Sản xuất điện tử và thiết bị điện tử; Đầu tư và kinh doanh bất động sản nhà ở, đô thị, nghỉ dưỡng; Đầu tư tài chính và mua bán - sáp nhập (M&A); đồng thời kiên định đầu tư chuyên sâu một số lĩnh vực, ngành nghề truyền thống, bao gồm: Khách sạn du lịch nghỉ dưỡng, sản xuất, kinh doanh và chế biến gỗ, chế biến đá granit, đá bazan, xây dựng kinh doanh bến xe, bãi đỗ xe. Ngoài ra, Tập đoàn duy trì các ngành nghề truyền thống xét thấy có hiệu quả, xem xét để thoái vốn đối với các ngành nghề kém hiệu quả. Tìm kiếm, phát triển các ngành nghề kinh doanh hiệu quả, đem lại lợi nhuận kinh tế cao.

- Các chỉ tiêu chủ yếu trong 3 năm 2023-2025:

CHỈ TIÊU	2023	2024	2025
- Doanh thu (tỷ đồng)	1.800	2.000	2.500
- Lợi nhuận (tỷ đồng)	100	180	250

- Các biện pháp triển khai kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2023:

- + Duy trì các hoạt động giám sát, lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của HĐQT và nâng cao năng lực hoạt động của các thành viên HĐQT đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- + Kiên định tiếp tục cấu trúc toàn diện Công ty, trên các mặt trận kinh doanh, tài chính, đầu tư và quản trị nhân sự, tập trung vào các giải pháp như sau:
- + **Về hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư:** Tiếp tục đầu tư chuyên sâu vào các lĩnh vực mang lại dòng tiền tốt; thoái vốn các ngành nghề đầu tư kém hiệu quả;
- + **Công tác tài chính, chứng khoán, trái phiếu, cổ phiếu doanh nghiệp:** Tài chính là huyết mạch của doanh nghiệp. Tiếp tục cấu trúc tài chính toàn diện, thành công, tập trung vào công tác thoái vốn, chuyển nhượng các dự án, tài sản đầu tư kém hiệu quả, phát hành cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp khi đủ điều kiện, tiến tới giảm thấp nhất nguồn vốn vay ngân hàng.
- + **Hoạt động hợp tác đầu tư:** Mời gọi các đối tác là các tập đoàn trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào những dự án tiềm năng thuộc các lĩnh vực: Cơ sở hạ tầng, năng lượng xanh, năng lượng tái tạo, bất động sản nhà ở và đô thị. Hoạt động hợp tác đầu tư này nhằm gia tăng liên minh tiềm lực tài chính, huy động nguồn vốn, công nghệ, quản trị và điều hành doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế.
- + **Hoạt động cấu trúc nhân sự:** Thực hiện chính sách “Chiêu hiền đãi sỹ”, nâng cao năng lực, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ nhân viên chủ chốt, nhất là

đội ngũ CBNV đã có gần 20 năm kinh nghiệm, gắn bó với ĐLGL, kết hợp với việc trẻ hóa nguồn nhân lực có chất lượng. Đào tạo đội ngũ CBCNV tại chỗ để đảm nhận tốt nhiệm vụ hiện tại và lâu dài. Kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ, chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra; phát hiện, xử lý kịp thời; phòng ngừa rủi ro từ sớm, từ xa với mục đích giúp cho việc quản lý tài chính và sử dụng đồng vốn có hiệu quả. Khuyến khích CBCNV tham gia đóng góp sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Cải tiến các quy trình sản xuất, tác nghiệp, hệ thống quản lý chất lượng để nâng cao trách nhiệm, năng suất lao động, hiệu quả trong công việc. Tăng cường công tác đào tạo cho cán bộ quản lý, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân viên, phát triển nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của ĐLGL. Chăm lo và đảm bảo quyền lợi, điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động.

+ **Công tác quản trị doanh nghiệp:** Đổi mới toàn diện công tác quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, tiên tiến, hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế. Chuyển đổi số mạnh mẽ. Ứng dụng công nghệ 4.0, áp dụng kinh doanh số và quản trị số, tài chính số nhằm tiết kiệm thời gian, nâng cao năng lực điều hành xuyên suốt.

+ **Công tác quản lý, điều hành:** Bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và chủ trương của HĐQT để tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành của TGD, phát huy vai trò chủ động của các thành viên trong Ban TGD, đồng thời khắc phục những hạn chế, tồn tại.

5. *Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2022:*

5.1 Ý kiến kiểm toán ngoại trừ số 1:

Trên Báo cáo tài chính riêng lẻ: “*Tại Thuyết minh số V.5 – Phải thu về cho vay. Tại ngày 31/12/2022, Công ty đã cho một số tổ chức, cá nhân vay với số tiền là 422.151.155.672 đồng. Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Khoản 2, Điều 6, Thông tư 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 08/08/2019. Tuy nhiên, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi theo thực tế. Với các tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để kết luận việc trích lập dự phòng của Công ty có đầy đủ theo khả năng thu hồi thực tế hay không.*

Do đó, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như báo cáo kết quả hoạt động kinh

doanh (riêng) và báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) (nếu có) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.”

Trên báo cáo tài chính hợp nhất: “*Tại Thuyết minh mục V.5 – Phải thu về cho vay. Tại ngày 31/12/2022, Tập đoàn đã cho một số tổ chức, cá nhân vay với số tiền là 422.151.155.672 đồng. Tập đoàn đã trích lập dự phòng đầy đủ nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Khoản 2, Điều 6, Thông tư 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 08/08/2019. Tuy nhiên, Tập đoàn chưa đánh giá khả năng thu hồi theo thực tế. Với các tài liệu hiện có tại Tập đoàn, chúng tôi cũng không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để kết luận việc trích lập dự phòng của Tập đoàn có đầy đủ theo khả năng thu hồi thực tế hay không.*

Do đó, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31/12/2022, kết quả kinh doanh (hợp nhất) và báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) (nếu có) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.”

Chúng tôi giải trình như sau: Công ty đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 138, 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Điều 293 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020. Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-HĐQT-ĐLGL vào ngày 26/01/2022 về việc thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan với giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty. Đồng thời Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 cũng đã thông qua Nghị quyết ngày 30/6/2022 ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan của Công ty. Các khoản cho vay đều có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của tại BCTC kiểm toán năm 2022.

Hiện tại Công ty và các đơn vị thành viên vẫn đang tiếp tục thực hiện các biện pháp để đôn đốc, thu hồi các khoản phải thu của Công ty. Đồng thời đã tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản công nợ phải thu dựa trên thời gian quá hạn thanh toán quy định, đánh giá dự phòng dựa trên các thông tin tài chính khác mà Công ty có thể thu thập được. Công ty tin tưởng việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi là thận trọng và phù hợp với các thông tin mà Công ty có được tại thời điểm lập BCTC.

5.2 Ý kiến kiểm toán ngoại trừ số 2:

Trên Báo cáo tài chính riêng lẻ: “*Tại Thuyết minh mục VII.6, tại ngày 31/12/2022, khoản lỗ thuần lũy kế của Công ty là (2.204.480.460.523) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Công ty là 852.979.649.332 đồng. Công ty đã có kế hoạch về việc thanh lý, nhượng bán tài sản đảm bảo, tài sản được bảo lãnh và dòng tiền để trả nợ cho ngân hàng trong giai đoạn từ năm 2023 đến*

năm 2025. Tuy nhiên, chúng tôi chưa được cung cấp báo cáo thẩm định giá (của đơn vị có chức năng thẩm định giá) để xác định giá trị của các tài sản đảm bảo, tài sản được bảo lãnh tại ngày 31/12/2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định được giá trị của các tài sản đảm bảo, tài sản được bảo lãnh có phù hợp với kế hoạch trả nợ của Công ty hay không. Điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty”

Trên báo cáo tài chính hợp nhất: *“Tại Thuyết minh mục VII.6, tại ngày 31/12/2022, khoản lỗ thuần lũy kế của Tập đoàn là (2.069.778.374.063) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 944.762.034.146 đồng. Tập đoàn đã có kế hoạch về việc thanh lý, nhượng bán tài sản đảm bảo, tài sản được bảo lãnh và dòng tiền để trả nợ cho ngân hàng trong giai đoạn từ năm 2023 đến năm 2025. Tuy nhiên, chúng tôi chưa được cung cấp báo cáo thẩm định giá (của đơn vị có chức năng thẩm định giá) để xác định giá trị của các tài sản đảm bảo, tài sản được bảo lãnh tại ngày 31/12/2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định được giá trị của các tài sản đảm bảo, tài sản được bảo lãnh có phù hợp với kế hoạch trả nợ của Tập đoàn hay không. Điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.”*

Chúng tôi giải trình như sau: Tại ngày 31/12/2022, khoản lỗ thuần của Tập đoàn là (2.069.778.374.063) đồng, Công ty mẹ (2.204.480.460.523) đồng. Đồng thời, các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 944.762.034.146 đồng, Công ty mẹ 852.979.649.332 đồng. Ngoài ra, Tập đoàn có một số khoản nợ phải trả và vay đã quá hạn thanh toán với tổng giá trị ước tính là 2.181.712.967.200 đồng, Công ty mẹ 2.232.967.043.916 đồng.

Tuy nhiên, trong năm 2022, Công ty đã tiếp tục thực hiện phương án cấu trúc tình hình tài chính của Công ty, sắp xếp lại bộ máy nhân sự ban điều hành, cắt giảm chi phí quản lý của Doanh nghiệp, tiếp tục thoái vốn tại một số Công ty con đang hoạt động sản xuất kinh doanh kém hiệu quả để tập trung nguồn vốn giảm dần dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn tại các Ngân hàng, giảm chi phí lãi vay, duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo lợi nhuận. Ban Tổng Giám đốc cũng đã lập kế hoạch sản xuất kinh doanh từ năm 2023 đến 2025 và lộ trình thoái vốn, chuyển nhượng các tài sản hiện hữu không hiệu quả để tập trung dòng tiền trả nợ ngân hàng như: Dự án Đức Long Tower, Bến xe Đức Long bảo Lộc, dự án khách sạn Đức Long tại 95-97 Hai Bà Trưng. Hội đồng quản trị đã làm việc với các Ngân hàng đã có văn bản thống nhất cho Công ty tắt toán nợ, miễn toàn bộ lãi.

Ban Tổng Giám đốc đã đưa ra kế hoạch và mục tiêu kinh doanh trong năm 2023 ÷ 2025, quyết tâm phối hợp với các Ngân hàng và tổ chức tín dụng để đưa ra nhiều phương án xử lý nợ như tìm kiếm đối tác để tiếp tục chuyển nhượng các tài sản, dự án đang đảm bảo dư nợ ngân hàng nhằm giảm dần dư nợ gốc, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các thủ tục pháp lý các dự án Năng lượng điện mặt trời, điện gió bổ sung vào qui hoạch lưới điện quốc gia, để chuyển nhượng các dự án này, đồng thời tăng cường thu hồi các khoản công nợ nhằm tắt toán nợ

khoản nợ gốc quá hạn và xin miễn toàn bộ lãi phát sinh, lãi phạt quá hạn

Công ty khẳng định tình hình sản xuất kinh doanh vẫn đang hoạt động ổn định, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận hàng năm theo kế hoạch. Ban Tổng Giám đốc chúng tôi tin rằng cơ sở hoạt động liên tục là thích hợp trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, và xác nhận rằng chúng tôi đã nhận được sự cam kết chính thức từ các cổ đông lớn, nhà đầu tư về việc cung cấp cho Công ty nguồn tài chính cần thiết để có thể thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ nợ đến hạn trong thời gian sắp đến.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- Về an sinh xã hội: Là doanh nghiệp luôn chủ động, tích cực trong công tác hỗ trợ giảm nghèo, đề cao vai trò, trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng gắn với phát triển kinh doanh. Vì vậy, Tập đoàn xây dựng riêng quỹ phúc lợi để tham gia thường xuyên các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ người nghèo tại nhiều địa phương trong cả nước. Tập đoàn cũng có những đóng góp tích cực, giúp các địa phương trong công tác ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Kết quả đạt được của ĐLGL đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận, biểu dương, khen thưởng bằng nhiều hình thức.

- Về công tác bảo vệ môi trường: Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh nên ĐLGL đặc biệt quan tâm đến công tác khai thác tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường:

+ ĐLGL đã khai thác có hiệu quả các tài nguyên hiện có. Toàn bộ các Dự án đã và đang đầu tư của ĐLGL đều lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. ĐLGL luôn thực hiện đầy đủ các trách nhiệm về bảo vệ môi trường của một doanh nghiệp, không để xảy ra tình trạng xử phạt vi phạm môi trường.

+ Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, trong lành: Đảm bảo môi trường làm việc xanh, lành mạnh cho người lao động với việc bố trí cây xanh hợp lý trong phòng làm việc, bố trí đủ ánh sáng làm việc và sử dụng các thiết bị an toàn và bảo vệ sức khỏe của người lao động.

+ Tiết kiệm năng lượng: Hạn chế sử dụng các thiết bị tiêu tốn năng lượng, áp dụng các sáng kiến xanh như xanh hóa văn phòng làm việc bằng cách tiết kiệm giấy, tiết kiệm điện, sử dụng các thiết bị điện thông minh cũng như tái sử dụng đồ dùng tại nơi làm.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2022, dịch bệnh covid và những biến chứng mới đã đe dọa nền kinh tế toàn cầu, chuỗi cung ứng thế giới tắc nghẽn, nhu cầu hàng hoá tăng vọt trong khi hoạt động sản xuất và vận tải không phục hồi với tốc độ tương ứng, khiến toàn bộ chuỗi cung ứng bị thất lại ở nhiều điểm. Sự tắc nghẽn chuỗi cung ứng toàn cầu khiến lạm phát leo thang. Ngoài ra, lạm phát còn tăng do chính sách tiền tệ và tài khoá siêu lỏng lẻo của các quốc gia nhằm vực dậy nền kinh tế trong đại dịch. Bên cạnh sự phục hồi mạnh mẽ của nhu cầu tiêu dùng, giá lương thực thực phẩm và giá nhiên liệu tăng chóng mặt cũng là những lý do quan trọng khác đẩy giá cả nói chung đi lên. Căng thẳng Mỹ-Trung, Nga-Ukraine vẫn tiếp diễn.

Trong bối cảnh của nền kinh tế hiện tại, HĐQT Công ty đã luôn theo sát diễn biến của nền kinh tế và các chính sách của Chính phủ, chủ động dự báo, nhận định tình hình, từ đó đề ra những biện pháp ứng phó kịp thời. Tập đoàn đã kiên định định hướng chiến lược, là: Một mặt, tập trung đầu tư vào những dự án, ngành nghề chiến lược thuộc các lĩnh vực mà Tập đoàn đang có lợi thế. Mặt khác, tiếp tục chọn lọc để đầu tư chiều sâu vào một số ngành nghề kinh doanh truyền thống đang hiệu quả;

1.1 Tình hình hoạt động các ngành nghề và kết quả kinh doanh:

Năm 2022, sự thắt chặt tài chính của Ngân hàng, công cuộc phòng chống tham nhũng của Đảng và Nhà nước đã đi vào hiệu lực, hiệu quả, dẫn đến các thủ tục quản lý Nhà nước bị chậm trễ, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến trình làm hồ sơ, pháp lý để xây dựng, đầu tư các dự án bất động sản, năng lượng, xây dựng dân dụng và cầu đường, khiến cho nhiều dự án chậm hoàn thành và không được đưa vào khai thác đúng tiến độ.

Trong bối cảnh hiện nay, ĐLGL xác định tập trung vào mục tiêu: Tập trung đầu tư vào những dự án, ngành nghề chiến lược thuộc các lĩnh vực thế mạnh của Tập đoàn; ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư phù hợp. Mặt khác, tiếp tục đầu tư có chiều sâu vào một số ngành nghề truyền thống mang lại hiệu quả. Bên cạnh đó, ĐLGL sẽ tìm kiếm các lĩnh vực có tiềm năng, đem lại hiệu quả cao để mở rộng đầu tư kinh doanh khi có điều kiện.

Mặc dù kết quả kinh doanh năm 2022 không đạt như kế hoạch, nhưng đây cũng được xem là thành quả đáng ghi nhận trong công tác chỉ đạo, điều hành của Tập đoàn ĐLGL trong bối cảnh kinh tế nhiều biến động, cụ thể như sau:

Kết thúc năm tài chính 2022, doanh thu thực hiện đạt 1.348 tỷ đồng, đạt 54% kế hoạch, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp -1.197 tỷ đồng.

Doanh thu chủ yếu thực hiện được trong các lĩnh vực hoạt động: Điện tử và linh kiện điện tử, thu phí đường bộ theo hình thức BOT, xây dựng (tổng thầu các công trình), thủy điện và thương mại - dịch vụ. Nhà máy sản xuất điện tử, linh kiện điện tử tại Khu Công nghệ Cao Quận 9, Tp.HCM đã ký nhiều hợp đồng gia công sản phẩm điện tử, linh kiện điện tử xuất khẩu sang Mỹ, EU, góp phần gia tăng doanh thu, lợi nhuận cho lĩnh vực này; các dự án BOT

vẫn duy trì hoạt động tạo ra được nguồn doanh thu tăng khá ổn định. Cho đến nay, chất lượng các dự án BOT của Tập đoàn trên tuyến QL14 vẫn được duy trì rất tốt, được Chính phủ, các bộ ban ngành, các tỉnh Tây Nguyên, người tham gia giao thông, người dân đánh giá cao.

1.2. Công tác đầu tư:

Một số công tác đầu tư tiêu biểu của Đức Long Gia Lai trong năm 2022, đó là:

- Về lĩnh vực năng lượng tái tạo: Công ty đã đầu tư và phát điện nhiều dự án thủy điện, điện mặt trời tại các tỉnh Lâm Đồng, Kon Tum. Ngoài ra, Tập đoàn đang triển khai đồng loạt thủ tục đầu tư các dự án điện mặt trời, điện gió, thủy điện và đầu tư TBA 500kV cùng với lưới điện truyền tải để giải phóng công suất với gần 4.000MW (trong đó có 900MW điện gió, 2.600 MW điện mặt trời, 260 MW thủy điện) tại các tỉnh Tây Nguyên và Miền Trung, đã được Chính phủ và Bộ Công thương đồng ý đưa vào Quy hoạch điện VII hơn 600 MW; số còn lại hơn 2.500 MW đang chờ bổ sung Quy hoạch của Chính phủ;

- Về lĩnh vực đầu tư bất động sản, nhà ở, khu đô thị, sân golf kết hợp khu du lịch nghỉ dưỡng và khu công nghiệp: ĐLGL đang chuẩn bị triển khai các dự án bất động sản thuộc các lĩnh vực này tại các tỉnh, thành phố: Gia Lai, Kon Tum, Bình Định, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu,...;

- Về lĩnh vực linh kiện điện tử: Tiếp tục đầu tư và phát triển sản xuất Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại Khu Công nghệ Cao Quận 9, Tp.HCM. Hoàn thiện thủ tục để đầu tư thêm 02 nhà máy sản xuất linh kiện điện tử tại thành phố Đà Nẵng và tỉnh Bình Dương. Tranh thủ tình hình các nhà đầu tư nước ngoài đang có xu hướng dịch chuyển và rút khỏi Trung quốc để đầu tư, mở rộng sản xuất và phát triển tại Việt Nam;

- Ngoài ra, năm 2022 Tập đoàn đã được Chính phủ, các bộ, ngành TW và chính quyền các tỉnh, Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư nhiều dự án quan trọng nằm trong chiến lược phát triển của ĐLGL, thuộc các lĩnh vực đầu tư xây dựng hạ tầng thu phí, khu công nghiệp và năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió, điện mặt trời) tại các tỉnh, thành phố lớn trong nước như TP.HCM, Bà Rịa - Vũng Tàu, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đà Nẵng và các tỉnh Tây Nguyên nói chung, Gia Lai nói riêng.

1.3. Về công tác đối ngoại:

Trong năm qua, Đức Long Gia Lai đã thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, văn hóa và thể thao. Tập đoàn vinh dự đón rất nhiều đoàn Lãnh đạo Đảng, Nhà nước đến thăm và làm việc. Rất nhiều đoàn lãnh đạo các bộ ban ngành TW, thành ủy, tỉnh ủy, UBND cùng các sở ban ngành của các tỉnh, TP đến thăm và làm việc tại Hội sở ĐLGL. HĐQT Đức Long Gia Lai cũng đã rất thành công trên lĩnh vực ngoại giao, giữ được mối quan hệ tốt, bền chặt với các đối tác, khách hàng trong nước và quốc tế, các cơ quan chức năng TW và địa phương, các cơ quan thông tấn, báo chí..., đồng thời đã góp phần không nhỏ, giúp các địa

phương trong công tác ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Kết quả đạt được của Đức Long Gia Lai đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận, biểu dương, khen thưởng bằng nhiều hình thức. Từ đó, nâng cao vị thế, thương hiệu của ĐLGL trong giai đoạn mới, với một tầm cao mới.

1.4. Về các tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

HDQT luôn chỉ đạo việc đề cao vai trò công tác bảo vệ môi trường và xã hội trong mọi hoạt động của Công ty, thể hiện bằng các hành động cụ thể. Tổng Giám đốc quán triệt trong cán bộ nhân viên về việc tuân thủ công tác bảo vệ môi trường và thường xuyên tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm. Việc quản lý, tiêu thụ năng lượng và nguồn nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh đã đảm bảo được tính tiết kiệm, hiệu quả. Hơn 50% nguyên vật liệu được đưa vào tái chế, tận dụng để sản xuất các sản phẩm phụ. Các cơ sở sản xuất và trụ sở các công ty, đơn vị thành viên đều xử lý rác thải nội bộ, và hợp đồng với chính quyền địa phương để xử lý rác công cộng. Bên cạnh đó, công ty trồng và chăm sóc cây xanh sạch, đẹp. Ngoài ra, Đức Long Gia Lai đã tham gia tích cực các phong trào do các cơ quan ban ngành, địa phương phát động. Trong năm, Công ty không bị xử phạt về vi phạm việc quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty*

HDQT đã tổ chức nhiều phiên họp nhằm chỉ đạo Ban TGD có những điều chỉnh hợp lý kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với tình hình biến động của nền kinh tế và giá cả vật tư, dịch vụ. HDQT cũng thường xuyên duy trì giám sát Ban TGD thông qua việc kiểm tra, kiểm soát cũng như tổ chức các cuộc họp thường kỳ để nghe báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong quý và các quý tiếp theo, tổ chức các cuộc họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh đột xuất. Công tác giám sát, đánh giá đã giúp Ban TGD điều hành công việc thường xuyên, nhất quán và hiệu quả, tuân thủ điều lệ Tập đoàn nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành. Nhìn chung, trong quá trình làm việc của Ban TGD và các cán bộ quản lý khác trong Tập đoàn, chưa phát hiện các vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Tập đoàn, vi phạm pháp luật cũng như những quy tắc, quy chế chung.

3. *Tóm tắt hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022*

3.1- Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Để đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành đem lại hiệu quả cao nhất, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty trong tình hình mới, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 đã miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ cũ 2017-2022 và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới 2022-2027.

Miễn nhiệm 05 thành viên HĐQT đối với ông: Bùi Pháp, Trần Cao Châu; Paul Anthony Murphy; Võ Mộng Hùng và Lê Đức Kỳ, bầu bổ sung 05 thành viên HĐQT đối với ông: Bùi Pháp; Paul Anthony Murphy; Nguyễn Tường Cột; Võ Mộng Hùng; và Nguyễn Tiến Dũng. Ngay sau khi ĐHCĐ thường niên năm 2022 kết thúc, HĐQT đã tổ chức cuộc họp và ban hành Quyết định HĐQT số 06/QĐ-HQĐT-ĐLGL ngày 30/6/2022 về việc bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 và phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027. Theo đó, số lượng thành viên HĐQT Công ty là 5 người, trong đó số lượng thành viên HĐQT độc lập là 2 người, số lượng thành viên không điều hành là 3 người, đảm bảo cơ cấu theo đúng Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020. Cụ thể:

- Ông Bùi Pháp, Chủ tịch HĐQT: Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều 26 và các Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 28 Điều lệ Công ty và thực hiện các nhiệm vụ khác do các thành viên HĐQT ủy quyền (nếu có);

- Ông Nguyễn Tường Cột, Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc: Tổ chức thi hành các nghị quyết của HĐQT, phân công các thành viên trong ban Tổng Giám đốc phụ trách theo dõi chỉ đạo từng lĩnh vực công tác, chịu trách nhiệm trước HĐQT về mọi mặt hoạt động, quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc, kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD và đầu tư của Tập đoàn và thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch HĐQT.

- Ông Nguyễn Tiến Dũng, Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành: Phụ trách công tác phát triển dự án; theo dõi, hỗ trợ triển khai các dự án bất động sản, năng lượng tái tạo và các dự án khác của Tập đoàn. Hỗ trợ, giúp cho Ban lãnh đạo Công ty thực hiện công tác đối ngoại, quan hệ với các cơ quan, ban ngành ở địa phương và Trung ương và thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch HĐQT.

- Ông Võ Mộng Hùng, Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành: Phụ trách công tác nhân sự, lương thưởng của Tập đoàn. Phụ trách công tác theo dõi hoạt động của các công ty/đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn và các công ty đầu tư/liên kết và thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch HĐQT. Ngoài ra, ngày 27/10/2022, Hội đồng quản trị công ty đã họp và ban hành Quyết định số 09/QĐ-HQĐT-ĐLGL về việc thành lập Ban kiểm toán nội bộ của Công ty, theo đó ông Võ Mộng Hùng được bổ nhiệm làm trưởng ban kiểm toán nội bộ.

- Ông Paul Anthony Murphy, Thành viên HĐQT không điều hành: Điều hành các Công ty thành viên sản xuất điện tử và linh kiện điện tử tại Hàn Quốc, Trung Quốc, Hồng Kông, Việt Nam; Huy động vốn, kêu gọi đầu tư và công tác IPO tại Hồng Kông và thực hiện các

công việc, nhiệm vụ khác theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch HĐQT

Trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức hoạt động đúng Quy chế quản trị, Điều lệ Công ty; theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, luôn đảm bảo sự đồng thuận trong nội bộ, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành, liên tục điều chỉnh đối sách phù hợp với tình hình thực tế. HĐQT đã duy trì việc tổ chức họp thường kỳ mỗi quý một lần và hàng chục cuộc họp bất thường, hàng nghìn cuộc điện đàm, trao đổi thông tin qua email và trao đổi trực tiếp giữa Chủ tịch HĐQT với các thành viên HĐQT và Ban điều hành. HĐQT đã ban hành 13 quyết định, nghị quyết và hàng trăm văn bản thông thường khác. Nhìn chung, các cuộc họp của HĐQT đã được tổ chức một cách chu đáo, đúng luật, đạt được sự nhất trí cao. Các văn bản ban hành đúng thể thức, quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của HĐQT đã được Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, đã góp phần quan trọng trong việc quyết định các chính sách, đường lối hoạt động, chiến lược phát triển của Đức Long Gia Lai và giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Việc công bố thông tin theo quy định cũng đã được HĐQT đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra thường xuyên, đảm bảo đúng hạn, chính xác, đầy đủ, công khai, minh bạch.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022, mức thù lao và chi phí của thành viên Hội đồng quản trị là: Chủ tịch HĐQT: 15.000.000 đồng/tháng, Phó Chủ tịch HĐQT: 10.000.000 đồng/tháng, các thành viên HĐQT: 6.000.000 đồng/tháng/người. Ngoài ra, căn cứ hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty đề ra đầu năm, thì các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và sẽ được thưởng: 2% trên lợi nhuận sau thuế đạt kế hoạch lợi nhuận năm và 5% trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, ngoài các thành viên HĐQT có tham gia kiêm nhiệm làm việc tại Tập đoàn và tại các công ty thành viên trực thuộc tự nguyện không nhận thù lao; các thành viên khác cũng tự nguyện không nhận thù lao do Tập đoàn thực hiện không đạt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận.

3.2- Công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành:

Nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc đã phát huy được vai trò trách nhiệm của mình. Tại các phiên họp định kỳ hàng quý của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty đều báo cáo minh bạch hiệu quả sản xuất kinh doanh, các vấn đề phát sinh, đề nghị giải quyết thuộc thẩm quyền của HĐQT. Trong điều hành, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ sự chỉ đạo của HĐQT, thường xuyên tổ chức hội ý hàng ngày, giao ban tuần và sơ kết hàng tháng để đánh giá kết quả thực hiện và đề ra các giải pháp thực hiện cụ thể. Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo các phòng ban thực hiện đúng chức năng tham mưu và thông tin theo quy định, thường xuyên kiểm tra thực tế để nắm bắt thông tin, nhờ đó đã giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai sản xuất kinh doanh và đầu tư một cách hiệu quả.

Hội đồng quản trị đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ, họp bất thường, lãnh đạo, chỉ đạo một cách sát sao, hành động quyết liệt và cụ thể, giao quyền cho Tổng Giám đốc trong việc chủ động triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư; giải quyết kịp thời các công việc phát sinh; đồng thời thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc. Công tác giám sát, đánh giá đã giúp TGD điều hành công việc thường xuyên, nhất quán, tuân thủ Điều lệ Công ty và Nghị quyết HĐQT nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành. Nhìn chung, trong quá trình tác nghiệp của Ban Tổng Giám đốc, chưa phát hiện các vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Công ty, vi phạm pháp luật cũng như những quy tắc, quy chế chung.

3.3- Công tác giám sát đối với các cán bộ quản lý khác:

HĐQT thường xuyên chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức bộ máy; giám sát việc thực hiện nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ quản lý thông qua các cuộc họp phân công và các đợt kiểm tra; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, đối chiếu với kết quả hoàn thành làm thước đo để đánh giá, bổ nhiệm, điều động CBCNV vào các vị trí thích hợp và thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Nhìn chung các cán bộ quản lý đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, tận tụy, sự mẫn cán trong công việc và đã tham mưu cho Ban điều hành kịp thời, hiệu quả.

3.4- Công tác kiểm tra, giám sát và xử lý của HĐQT đối với các phòng ban chuyên môn và các công ty thành viên: HĐQT thường xuyên chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức bộ máy; kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ lãnh đạo các phòng ban và các công ty thành viên. Thông qua các đợt thanh, kiểm tra, xử lý kịp thời; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, đối chiếu với kết quả hoàn thành làm thước đo để đánh giá, bổ nhiệm, điều động CBCNV vào các vị trí thích hợp và thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Nhìn chung các cán bộ điều hành đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, tận tụy, mẫn cán trong công việc và đã tham mưu cho Tổng Giám đốc kịp thời, hiệu quả.

4. Các kế hoạch, định hướng chiến lược phát triển của Hội đồng quản trị:

4.1 - Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 đang tiếp tục lây lan trong cộng đồng trên toàn thế giới, trực tiếp ảnh hưởng đến toàn xã hội, trong đó các doanh nghiệp Việt Nam đang phải gánh chịu nhiều tổn thất nặng nề; ĐLGL xác định tập trung vào mục tiêu kép: Vừa chống dịch, vừa ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư phù hợp với tình hình mới. Theo đó, ĐLGL tiếp tục thực hiện tái cấu trúc toàn diện các lĩnh vực: Sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính và quản trị nhân sự, dựa trên nguyên tắc cơ bản, giữ vững phương châm: “Tư duy hành động - Phát triển bền vững - Đoàn kết sức mạnh - Tôn chỉ pháp luật”; với mục tiêu: “Xây dựng Công ty thành một tập đoàn đầu tư mạnh hàng đầu của Việt Nam cả về vốn hóa, thương hiệu, công nghệ, năng lực quản trị và hiệu quả kinh doanh, khả năng hợp tác và hội nhập thành

công trong nước và quốc tế”.

4.2 - DLGL tiếp tục kiên định với các ngành nghề chiến lược giai đoạn 2021-2025: Đầu tư cơ sở hạ tầng theo hình thức BOT, BT, BOO; Đầu tư năng lượng (Thủy điện, điện mặt trời, điện gió); Sản xuất điện tử và thiết bị điện tử; Đầu tư và kinh doanh bất động sản nhà ở và khu đô thị; đồng thời đầu tư chuyên sâu một số lĩnh vực, ngành nghề truyền thống đang đem lại hiệu quả, bao gồm: Sản xuất, kinh doanh và chế biến gỗ, xây dựng kinh doanh bến xe, bãi đỗ xe.

Định hướng phát triển các ngành nghề cụ thể như sau:

- **Về cơ sở hạ tầng:** Cùng với việc quản lý chuyên sâu, duy tu bảo dưỡng, đảm bảo chất lượng tốt cho các dự án Quốc lộ 14 từ Gia Lai đến Bình Phước nhằm ổn định hoạt động thu phí, đồng thời tiếp tục đề xuất cơ quan nhà nước có thẩm quyền tăng mức thu phí theo đúng lộ trình đã ký, đề xuất các tổ chức tín dụng cơ cấu lại gốc và lãi các dự án BOT phù hợp với thực tế doanh thu của các trạm thu phí. Ngoài ra, DLGL sẽ tiếp tục tham gia đầu tư xây dựng nâng cấp mở rộng các tuyến đường tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đông Nam Bộ theo hình thức BT, BOT.

- **Về năng lượng:** Đầu tư và duy trì hoạt động ổn định các dự án thủy điện và điện mặt trời đã đưa vào khai thác. Trong vòng 5 năm tới, Tập đoàn tập trung đẩy mạnh các dự án năng lượng tái tạo bao gồm thủy điện, điện mặt trời và điện gió. Trong đó, tổng công suất các dự án điện gió dự kiến đạt 900 MW, điện mặt trời vào khoảng 2.600 MW, trong đó 2.000 MW xây dựng trên đất liền, 600 MW xây dựng trên lòng hồ, vùng bán ngập của lòng hồ và 260 MW thủy điện. Một số dự án đã được Thủ tướng Chính phủ và Bộ Công thương phê duyệt, đưa vào quy hoạch Tổng sơ đồ điện VII. Các dự án còn lại tại các tỉnh: Ninh Thuận, Gia Lai nói riêng, các tỉnh Tây Nguyên nói chung sẽ lần lượt đưa vào Quy hoạch của Chính phủ;

- **Sản xuất điện tử và linh kiện điện tử:** DLGL tiếp tục đầu tư chuyên sâu, mở rộng thị trường các công ty DLG Ansen tại Đông Quân, Quảng Đông, Trung Quốc; DLG Hanbit tại Seoul, Hàn Quốc, trung tâm điều hành các công ty đặt tại Hồng Kông, đảm bảo cung cấp cho thị trường những sản phẩm với mẫu mã mới, chất lượng vượt trội. Ngoài ra, DLG đang mở rộng quy mô ở thị trường Việt Nam. Việc đầu tư mở rộng thêm dây chuyền sản xuất Smart tivi mang thương hiệu Hàn Quốc trong năm 2021 bị chậm do ảnh hưởng bởi Covid-19 sẽ được tiếp tục triển khai, phục vụ xuất khẩu ra nước ngoài trong năm 2022. Bên cạnh đó, DLGL sẽ tập trung mở rộng một số nhà máy sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử và điện tử đa sản phẩm tại tỉnh Bình Dương, Tp. Đà Nẵng và Khu công nghệ cao quận 9, Tp.HCM vừa gia tăng doanh thu, lợi nhuận cho các năm tiếp theo, vừa tránh được ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và dịch Covid-19;

- **Lĩnh vực bất động sản:** Tiếp tục triển khai pháp lý, xây dựng và bán hàng các dự án

bất động sản tại Tp. HCM. Mở rộng quy mô, hoàn thiện thủ tục pháp lý để triển khai các dự án bất động sản nhà ở, đô thị kết hợp khu du lịch nghỉ dưỡng tại các tỉnh, thành phố: Gia Lai, Kon Tum, Bình Định, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bến Tre...;

- **Các lĩnh vực, ngành nghề truyền thống:** Bao gồm chế biến sản phẩm đồ gỗ và bến xe bãi đỗ, khách sạn, dịch vụ bảo vệ, Tập đoàn sẽ đầu tư chuyên sâu, đảm bảo phục vụ tốt nhất cho khách hàng sử dụng dịch vụ bến xe, cung cấp sản phẩm đồ gỗ phục vụ cho các công trình của Tập đoàn là chủ yếu, giữ vững thương hiệu ĐLGL đã được xây dựng ngay từ ban đầu.

4.3- Định hướng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư:

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư các năm qua của ĐLGL, dự báo biến động tình hình kinh tế thế giới và những Chính sách, cơ chế trong nước, nhất là diễn biến đại dịch Covid-19, HĐQT cân nhắc, thận trọng, đề nghị Đại hội thông qua các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2023-2025, như sau:

CHỈ TIÊU	2023	2024	2025
- Doanh thu (tỷ đồng)	1.800	2.000	2.500
- Lợi nhuận (tỷ đồng)	100	180	250

4.4- Giải pháp tổ chức thực hiện:

Để khắc phục các khó khăn trước mắt và thực hiện thành công mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, HĐQT tập trung đẩy mạnh các giải pháp sau:

- Duy trì thường xuyên các hoạt động giám sát, lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của HĐQT và nâng cao năng lực hoạt động của các thành viên HĐQT đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Đối với Ban điều hành, HĐQT vẫn giữ các thành viên hiện có, đồng thời tăng cường các nhân sự cấp cao, có trí tuệ, tầm nhìn, tư duy chiến lược và kiến thức tương đối toàn diện để tham gia hoạch định chiến lược và điều hành Công ty; đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo minh bạch, công khai, trong sạch, vững mạnh, mang lại hiệu quả cao nhất, phù hợp với cam kết, mục tiêu, nhiệm vụ trong tình hình mới và góp phần nâng cao năng lực quản trị của ĐLG theo tiêu chuẩn quốc tế. Đề nghị các thành viên trong Ban điều hành nâng cao tinh thần trách nhiệm, “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm”, với phương châm: “Không nói không, nói khó, không nói có mà không làm”; lấy hiệu quả làm thước đo việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được phân công;

- Tiếp tục cấu trúc toàn diện Công ty, trên tất cả các lĩnh vực từ sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính và quản trị nhân sự, tập trung vào các giải pháp:

+ **Về hoạt động sản xuất kinh doanh:** Tiếp tục cấu trúc các ngành nghề. Tập trung cơ

cầu lại các ngành nghề chiến lược, đầu tư vào các lĩnh vực Tập đoàn có kinh nghiệm, thế mạnh và đã có kết quả dòng tiền tốt, đã được Chính phủ, các bộ ngành TW, các tỉnh, thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời quyết tâm thoái vốn các ngành nghề đã đầu tư kém hiệu quả.

+ **Công tác tài chính:** Tiếp tục cấu trúc tài chính toàn diện thành công, tập trung vào việc thoái vốn, chuyển nhượng các dự án, tài sản đầu tư kém hiệu quả, phát hành cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp khi đủ điều kiện, tiến tới giảm thấp nhất nguồn vốn vay ngân hàng.

+ **Hoạt động hợp tác đầu tư:** Mời gọi các đối tác là doanh nghiệp lớn trong nước tham gia đầu tư vào những dự án tiềm năng thuộc các lĩnh vực: Cơ sở hạ tầng, năng lượng, bất động sản nhà ở và khu đô thị. Hoạt động hợp tác đầu tư này nhằm gia tăng liên minh và huy động được nguồn vốn giá rẻ, bổ sung kinh nghiệm trong quản trị và điều hành doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế.

+ **Hoạt động cấu trúc nhân sự:**

* *Thực hiện chính sách "Chiêu hiền đãi sĩ"*, nâng cao năng lực, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ nhân viên chủ chốt, nhất là đội ngũ CBNV đã có hơn 15 năm kinh nghiệm, gắn bó với ĐLG, kết hợp với việc trẻ hóa nguồn nhân lực có chất lượng. Đào tạo đội ngũ CBNV để đảm nhận tốt nhiệm vụ hiện tại và lâu dài;

* *Tăng cường các nhân sự cấp cao có trí tuệ, tầm nhìn, tư duy chiến lược và kiến thức* tương đối toàn diện để tham gia hoạch định chiến lược và điều hành Công ty; đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo minh bạch, công khai, trong sạch, vững mạnh, mang lại hiệu quả cao nhất, phù hợp với cam kết, mục tiêu, nhiệm vụ trong tình hình mới và góp phần nâng cao năng lực quản trị của ĐLG theo tiêu chuẩn quốc tế;

* *Kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ*, chú trọng công tác kiểm soát, giám sát, hậu kiểm để xử lý kịp thời, với mục đích giúp cho việc quản lý tài chính và sử dụng đồng vốn có hiệu quả;

* *Đổi mới toàn diện công tác quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, tiên tiến, hiện đại* theo tiêu chuẩn quốc tế. Ứng dụng công nghệ 4.0, áp dụng kinh doanh số và quản trị số nhằm tiết kiệm thời gian, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, chất lượng, hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) *Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần nắm giữ		Số lượng chức danh TV HĐQT do từng TV HĐQT của công ty nắm giữ tại các công ty khác
			Số lượng CP	Tỷ lệ (%)	
1.	Bùi Pháp	Chủ tịch HĐQT	74.226.523	24,8%	- Chủ tịch HĐQT tại 04 công ty khác. - Chủ tịch HĐQT tại 01 công ty khác.
2.	Võ Mộng Hùng	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành, Trưởng ban kiểm toán nội bộ	0	0%	-
3.	Paul Anthony Murphy	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0%	-
4.	Nguyễn Tường Cột	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Người đại diện theo pháp luật	14.382	0,005%	-
5.	Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành.	0	0%	-
6.	Trần Cao Châu (Miễn nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 theo NQ ĐHCĐ số 01/NQ-ĐHCĐTN2022 ngày 30/6/2022)	Thành viên HĐQT không điều hành	525.000	0,18%	-

STT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần nắm giữ		Số lượng chức danh TV HĐQT do từng TV HĐQT của công ty nắm giữ tại các công ty khác
			Số lượng CP	Tỷ lệ (%)	
7.	Lê Đức Kỳ (Miễn nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 theo NQ ĐHCĐ số 01/NQ-ĐHCĐTN2022 ngày 30/6/2022)	Thành viên HĐQT độc lập	830.000	0,28%	-

- **Ông Bùi Pháp**

- + Năm sinh: 1962
- + Trình độ: Chuyên viên kinh tế
- + Quá trình công tác:
 - ✓ 1995-12/06/2007: Giám đốc Xí Nghiệp tư doanh Đức Long Gia Lai
 - ✓ 13/06/2007-16/01/2010: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
 - ✓ 17/01/2010 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

- **Ông Võ Mộng Hùng**

- + Năm sinh: 1974
- + Trình độ: Cử nhân Quản trị kinh doanh, Trung cấp Giao thông vận tải.
- + Quá trình công tác:
 - ✓ Từ năm 2008 đến hết 2009: Phó Giám đốc CTCP đầu tư phát triển dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.
 - ✓ Từ 2010 đến nay: Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc
 - ✓ Từ 6/2020 đến nay: Thành viên độc lập HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
 - ✓ Từ ngày 27/10/2022 – nay: Trưởng ban kiểm toán nội bộ Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

- **Ông Paul Anthony Murphy**

+ Năm sinh: 1957

+ Quá trình công tác:

✓ 1991 – 2001: Tổng Giám Đốc Điều Hành tại Công Ty TNHH Viễn Thông Vtech

✓ 2001 – 2004: Giám Đốc Điều Hành tại Công ty TNHH Elite

✓ 2004 – 2006: Giám Đốc Điều Hành tại Công ty TNHH Quốc tế IDT

✓ 2007 – 2008: Tổng Giám Đốc Điều Hành tại Công Ty TNHH Điện Tử iXone

✓ 2008 – 2011: Phó Tổng tại Công ty TNHH Flextronics

✓ 2011 - 2014: Giám Đốc Điều Hành tại Công ty điện tử Ansen

✓ 2016 - nay: Tổng Giám Đốc Điều Hành tại công ty TNHH Đầu tư Ansen

✓ 6/2018 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

- **Ông Nguyễn Tường Cọt** (*Bổ nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 theo NQ ĐHĐCD số 01/NQ-ĐHĐCDTN2022 ngày 30/6/2022*)

+ Năm sinh: 1984

+ Quá trình công tác:

✓ Từ 2016 đến 6/2021: Giám đốc CTCP Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam;

✓ Từ 2017 đến 6/2021: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam;

✓ Từ 8/2021 đến 9/2021: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;

✓ Từ 01/10/2021 – nay: Tổng Giám đốc – Người đại diện pháp luật Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;

✓ Từ 30/6/2022 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;

- **Ông Nguyễn Tiến Dũng** (*Bổ nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 theo NQ ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2022 ngày 30/6/2022*)
 - + Năm sinh: 1970
 - + Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 1991 đến 2002: Làm việc tại Công ty XNK Tỉnh Gia Lai;
 - ✓ Từ 2002 đến 2007: Kế toán Trưởng Công ty XNK Tỉnh Gia Lai;
 - ✓ Từ 2007 đến 2008: Công tác tại Công ty Điện Gia Lai;
 - ✓ Từ 2008 đến 2009: Trợ lý Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
 - ✓ Từ 2009 đến 2/2017: Phó TGD phụ trách đầu tư CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
 - ✓ Từ 9/2017 đến 3/2022: Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV Bắc Tây Nguyên;
 - ✓ Từ 6/2022 – nay: TV HĐQT không điều hành của CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- **Ông Trần Cao Châu** (*Miễn nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 theo NQ ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2022 ngày 30/6/2022*)
 - + Năm sinh: 1971
 - + Trình độ: Cử nhân quản trị kinh doanh, trung cấp kế toán
 - + Quá trình công tác:
 - ✓ Từ năm 1992 – 1997: Phó bí thư đoàn phường Yên Đỗ, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai;
 - ✓ Từ năm 1997 – 2001: Phó ban công tác thanh niên thành phố Pleiku tại Thành Đoàn Pleiku;
 - ✓ Từ năm 2001 – năm 2002: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Vinh Quang I TP HCM – CN Gia Lai;
 - ✓ Từ năm 2002 – 2006: Kế toán trưởng Công ty TNHH Vinh Quang I TP HCM – CN Gia Lai;
 - ✓ Từ năm 2006 – 2013: Phó Tổng Giám đốc phụ trách đầu tư và kinh doanh các dự án tại các tỉnh khu vực Tây Nguyên, kiêm Giám đốc chi nhánh Gia Lai tại Công ty TNHH Vinh Quang I – TP.Hồ Chí Minh;

- ✓ Từ năm 2013 – 2016: Kinh doanh tư nhân;
- ✓ Từ 4/2016 – 4/2018: Chủ tịch HĐQT CTCP đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai;
- ✓ Từ năm 2016 – 5/2017: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- ✓ Từ 5/2017 – 3/2018: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ Từ 4/2018 – 02/9/2019: Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai;
- ✓ Từ 9/2019 – 9/2021: Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- ✓ Từ 6/2019 – 30/6/2022: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

- **Ông Lê Đức Kỳ** (*Miễn nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 theo NQ ĐHCĐ số 01/NQ-ĐHCĐTN2022 ngày 30/6/2022*)

- + Năm sinh: 1959
- + Trình độ: Thạc sỹ Luật
- + Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 1977 – 2014: Lực lượng vũ trang công an nhân dân
 - ✓ Từ 2014 – 6/2019: Nghỉ hưu theo chế độ
 - ✓ Từ 6/2019 đến 30/6/2022: Thành viên độc lập HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Ngày 27/10/2022, Hội đồng quản trị công ty đã họp và ban hành Quyết định số 09/QĐ-HĐQT-ĐLGL về việc thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị và ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ của CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quy trình, cơ cấu tổ chức của Ban kiểm toán nội bộ, theo đó ông Võ Mộng Hùng (thành viên độc lập HĐQT) làm trưởng ban, bà Đặng Thị Ngọc Huệ và ông Trương Văn Tân làm thành viên Ban kiểm toán nội bộ.

Bên cạnh đó, công ty chưa thành lập đầy đủ các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị mà chỉ phân công nhiệm vụ để tham mưu. Cụ thể:

- Ông Nguyễn Tuyển - Chánh văn phòng kiêm người phụ trách quản trị, thư ký Công ty.

- Ông Võ Mộng Hùng - Thành viên HĐQT độc lập phụ trách công tác tổ chức nhân sự, thi đua, khen thưởng lao động tuân thủ theo quy định pháp luật và điều lệ công ty. Phụ trách công tác theo dõi hoạt động của các công ty/đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn và các công ty đầu tư/liên kết;

- Ban kiểm soát nội bộ thực hiện công tác kiểm soát dòng tiền và nghiệp vụ. Kiểm tra và giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Điều hành. Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận các năm của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Công ty có kế hoạch thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị. Thành phần của các tiểu ban bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Công ty đang tìm kiếm người có kiến thức, kỹ năng, có hiểu biết chung về pháp luật, am hiểu về hoạt động của công ty, đáp ứng đủ các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty để thành lập tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Tổng hợp các cuộc họp trong năm 2022:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Ngày tái bổ nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	Ngày không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bùi Pháp	Chủ tịch	14/04/2012	30/6/2022	-	13/13	100%	-
2	Võ Mộng Hùng	Thành viên	20/6/2020	30/6/2022	-	13/13	100%	-
3	Paul Anthony Murphy	Thành viên	23/6/2018	30/6/2022	-	11/13	84,6%	Công tác xa, ủy quyền cho HĐQT thường trực.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Ngày tái bổ nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	Ngày không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
4	Nguyễn Tường Cột	Thành viên, Tổng giám đốc, Người đại diện theo pháp luật	30/6/2022	-	-	07/13	53,8%	Bổ nhiệm TV HĐQT theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2022 ngày 30/6/2022
5	Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành.	30/6/2022	-	-	07/13	53,8%	Bổ nhiệm TV HĐQT theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2022 ngày 30/6/2022
6	Trần Cao Châu	Thành viên	29/6/2019	-	30/6/2022	06/13	46,2%	Miễn nhiệm TV HĐQT theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2022 ngày 30/6/2022
7	Lê Đức Kỳ	Thành viên	29/6/2019	-	30/6/2022	06/13	46,2%	Miễn nhiệm TV HĐQT theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2022 ngày 30/6/2022

Hội đồng quản trị đã duy trì việc tổ chức các phiên họp HĐQT thường kỳ mỗi quý một lần và các phiên họp bất thường theo hình thức trực tiếp và trực tuyến; hàng nghìn cuộc điện

đàm, trao đổi thông tin qua email và trao đổi trực tiếp giữa Chủ tịch HĐQT với các thành viên của HĐQT và đã ban hành hàng chục nghị quyết, quyết định nhằm kịp thời chỉ đạo, góp phần quyết định cho thành công của kế hoạch đã đề ra.

Tổng kết tình hình ban hành các Nghị quyết/Quyết định HĐQT:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/QĐ-HĐQT-ĐLGL	26/01/2022	Về việc thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan	100%
2	01A/QĐ-HĐQT-ĐLGL	18/02/2022	Về việc đánh giá tình hình thực hiện SXKD của Công ty quý 1 năm 2022; phương hướng hoạt động SXKD và đầu tư năm 2022	100%
3	02/QĐ-HĐQT-ĐLGL	01/4/2022	Về việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
4	03/QĐ-HĐQT-ĐLGL	06/5/2022	Bàn về các nội dung tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
5	04/QĐ-HĐQT-ĐLGL	09/6/2022	Về việc thông qua các hồ sơ trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
6	05/QĐ-HĐQT-ĐLGL	20/6/2022	Về việc đề cử các ứng viên để Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027	100%
7	06/QĐ-HĐQT-ĐLGL	30/6/2022	Về việc bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 và phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027	100%
8	07/QĐ-HĐQT-ĐLGL	15/7/2022	Về việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch quý 2 năm 2022 và triển khai kế hoạch các tháng cuối năm 2022	100%
9	08/QĐ-HĐQT-ĐLGL	02/8/2022	Về việc ủy quyền người đại diện Công ty để quan hệ với các đối tác, các tổ chức tín dụng và Ngân hàng.	100%
10	08A/QĐ-HĐQT-ĐLGL	05/10/2022	Về việc định giá toàn bộ tài sản và góp vốn quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của Bến xe liên tỉnh phía nam Đà Nẵng vào CTCP Bến xe liên tỉnh phía Nam TP.Đà Nẵng	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
11	09/QĐ-HĐQT- ĐLGL	27/10/2022	Về việc thành lập Ban kiểm toán nội bộ của Công ty	100%
12	09A/QĐ- HĐQT-ĐLGL	09/11/2022	Về việc hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty tại CTCP Bến xe Liên tỉnh phía Nam TP.Đà Nẵng cho công ty CP Vận tải và Quản lý bến xe Đà Nẵng	100%
13	10/QĐ-HĐQT- ĐLGL	27/12/2022	Về việc cấu trúc lại khoản đầu tư vốn góp của Công ty tại các công ty liên kết (CTCP Đức Long Tây Nguyên và CTCP DLG CY Việt Nam)	100%

d) Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

Các thành viên độc lập HĐQT đã phát huy tốt vai trò của mình trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của Điều lệ của Công ty và Luật Doanh nghiệp; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, hoạt động tích cực vì quyền lợi của chủ sở hữu và các cổ đông. Cụ thể:

Ông Nguyễn Tiến Dũng, Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành: Phụ trách công tác phát triển dự án; theo dõi, hỗ trợ triển khai các dự án bất động sản, năng lượng tái tạo và các dự án khác của Tập đoàn. Hỗ trợ, giúp cho Ban lãnh đạo Công ty thực hiện công tác đối ngoại, quan hệ với các cơ quan, ban ngành ở địa phương và Trung ương và thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch HĐQT.

Ông Võ Mộng Hùng, Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành: Phụ trách công tác nhân sự, lương thưởng của Tập đoàn. Phụ trách công tác theo dõi hoạt động của các công ty/đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn và các công ty đầu tư/liên kết và thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch HĐQT. Ngoài ra, ngày 27/10/2022, Hội đồng quản trị công ty đã họp và ban hành Quyết định số 09/QĐ-HĐQT-ĐLGL về việc thành lập Ban kiểm toán nội bộ của Công ty, theo đó ông Võ Mộng Hùng làm trưởng ban kiểm toán nội bộ.

2. Ban Kiểm soát

Ngày 30/6/2022, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua việc miễn nhiệm Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022 và bầu Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027. Theo đó, miễn nhiệm 03 thành viên Ban kiểm soát đối với: bà Phan Thị Ngọc Anh, bà Đặng Thị Hà và ông Trần Đình Anh Dũng; bầu bổ sung 03 thành viên BKS đối với bà Phan Thị Ngọc Anh, bà Đặng Thị Hà và bà Trần Thị Như Hạnh.

Ngày 01/7/2022, Ban kiểm soát đã họp và ban hành Biên bản họp Ban kiểm soát số 03/BB-BKS-ĐLGL về việc bầu Trưởng ban kiểm soát đối với bà Phan Thị Ngọc Anh và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên BKS còn lại.

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

S T T	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu thành viên BKS	Ngày tái bổ nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2017-2022	Số buổi họp BKS tham dự	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
1.	Phan Thị Ngọc Anh	Trưởng BKS	24/4/2015	30/6/2022	03/03	0	0%	-
2.	Đặng Thị Hà	Thành viên BKS	23/6/2018	30/6/2022	03/03	0	0%	-
3.	Trần Thị Như Hạnh	Thành viên BKS	30/6/2022	-	02/03	6	0%	Bổ nhiệm TV BKS theo Nghị quyết số 01/NQ- ĐHĐCĐTN2022 ngày 30/6/2022
4.	Trần Đình Anh Dũng	Thành viên BKS	20/6/2020	-	01/03	0	0%	Miễn nhiệm TV BKS theo Nghị quyết số 01/NQ- ĐHĐCĐTN2022 ngày 30/6/2022

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

STT	Nội dung	Ngày họp	Nội dung chi tiết	Kết quả
1	Họp đánh giá tình hình hoạt động quý 1, và kế hoạch nhiệm vụ các quý tiếp theo	31/3/2022	Đánh giá thực hiện nhiệm vụ quý 1 và kế hoạch nhiệm vụ các quý tiếp theo năm 2022.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 03/03 thành viên, đạt 100%
2	Phân công nhiệm vụ các thành viên trong Ban kiểm soát	01/7/2022	Bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 03/03 thành viên, đạt 100%
3	Họp 6 tháng cuối năm 2022	30/12/2022	Đánh giá thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm, tổng kết năm 2022 và kế hoạch nhiệm vụ của năm 2023.	Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 03/03 thành viên, đạt 100%

Ngoài ra BKS đã tham gia góp ý, chất vấn các nội dung nêu ra trong các cuộc họp của HĐQT.

Đối với cổ đông: BKS không nhận được đơn thư khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Tập đoàn, sự điều hành của HĐQT và Ban TGD.

Trong quá trình hoạt động, BKS nhận được sự phối hợp, hỗ trợ của HĐQT, Ban TGD cũng như các Phòng/Ban nghiệp vụ khác để BKS thực hiện nhiệm vụ ĐHCĐ giao được tốt hơn.

- + Thẩm định báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2022 và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của Tập đoàn.
- + Kiểm tra tình hình hoạt động SXKD của công ty mẹ và các công ty thành viên.
- + Phối hợp cùng với bộ phận giúp việc cho HĐQT, BDH, lãnh đạo các Công ty thành viên trực thuộc, thông qua các kiểm soát viên được phân công, BKS đã tiến hành kiểm tra, kiểm soát về quy chế, quy định, quy trình hoạt động ... tại các Công ty thành viên và các dự án đầu tư, nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu quả đầu tư và cảnh báo kịp thời các rủi ro.
- + Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- + Kiểm tra việc thực hiện các chuẩn mực kế toán, các kỳ báo cáo tài chính, báo cáo tình hình SXKD hàng năm. Tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

+ Theo dõi, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ sở hạ tầng, linh kiện điện tử, Năng lượng, Thủy điện, nhà hàng khách sạn, khu nghỉ dưỡng, dịch vụ bảo vệ và các hoạt động khác.

+ Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, thực hiện các chuẩn mực kế toán, các kỳ báo cáo tài chính, báo cáo tình hình SXKD hàng năm.

Tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

+ Hoạt động của HĐQT trong năm 2022 là phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Tập đoàn, đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật.

+ HĐQT đã xây dựng chiến lược kinh doanh trung và dài hạn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế nói chung và năng lực của Tập đoàn trong giai đoạn hiện nay.

+ HĐQT luôn duy trì các kỳ họp định kỳ và đột xuất. Trong năm 2022, HĐQT đã thường xuyên tổ chức cuộc họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo việc triển khai các nhiệm vụ quan trọng.

+ Ban TGD chỉ đạo điều hành Tập đoàn theo đúng điều lệ, nghị quyết của HĐQT, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Đến tại thời điểm này, BKS chưa phát hiện dấu hiệu nào bất thường trong mọi hoạt động Tài chính của Tập đoàn.

+ Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép, tổng hợp và phản ánh số liệu. Các chỉ số tài chính chủ yếu của Tập đoàn luôn ở trạng thái tích cực, sử dụng có hiệu quả các công cụ tài chính, tạo sự ổn định về nguồn vốn và giảm thiểu được chi phí sử dụng vốn. Công tác huy động vốn đạt được kết quả rất tốt, được các nhà đầu tư, tổ chức tín dụng trong nước, quốc tế đánh giá cao và tin tưởng vào việc quản lý cũng như kế hoạch và chiến lược kinh doanh của Đức Long Gia Lai trong năm qua.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban TGD và các Cổ đông

+ Tính đến thời điểm 31/12/2022, Ban TGD có 04 người (01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc). Trong năm 2022, Ban TGD và các cán bộ quản lý chủ chốt đã không ngừng cố gắng, nỗ lực trong công tác quản lý và điều hành

để duy trì ổn định Tập đoàn, đảm bảo quyền và lợi ích của các cổ đông. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban TGD được thực hiện theo đúng nghị quyết của Đại Hội cổ đông. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

+ HĐQT và Ban TGD đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS tiến hành hoạt động kiểm tra, thẩm định các báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và kế hoạch thực hiện năm 2023; báo cáo nội dung tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng năm của các Công ty thành viên theo đúng quy định.

+ BKS luôn nhận được đầy đủ các thông tin và các quyết định của HĐQT, Ban TGD. Sự phối hợp giữa HĐQT, Ban TGD, BKS chặt chẽ và nghiêm túc nhằm thực hiện tốt nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, đã thông qua kế hoạch lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT và BKS năm 2022. Cụ thể như sau:

- Mức thù lao và chi phí của thành viên Hội đồng quản trị:

- + Chủ tịch Hội đồng quản trị : 15.000.000 đồng/tháng;
- + Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị : 10.000.000 đồng/tháng;
- + Các thành viên Hội đồng quản trị: 6.000.000 đồng/tháng/người.

Trường hợp thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và tại các Công ty thành viên trực thuộc không nhận thù lao.

- Mức thù lao của thành viên Ban Kiểm soát:

- + Trưởng Ban Kiểm soát : 10.000.000 đồng/tháng;
- + Các thành viên Ban Kiểm soát : 6.000.000 đồng/tháng/người.

Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và tại các Công ty thành viên trực thuộc không nhận thù lao.

- Ngoài khoản thù lao cố định như trên, căn cứ hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty đề ra đầu năm, thì các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát sẽ được thưởng:

- + 2% (hai phần trăm) tính trên lợi nhuận sau thuế đạt kế hoạch lợi nhuận năm;
- + 5% (năm phần trăm) tính trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch

- Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc năm 2022: 1.250.965.100 đồng. (Được thể hiện trên thuyết minh số 3a mục VII của Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2022 đã được kiểm toán)

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:*

Không có

c) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:*

Quy chế quản trị Công ty đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty. Đồng thời, Tập đoàn cũng xây dựng quy trình quản lý, giám sát, thực hiện công việc để tăng hiệu quả. HĐQT, Ban TGD cùng theo đuổi mục tiêu vì lợi ích của Tập đoàn và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện cho việc giám sát hoạt động một cách hiệu quả, sử dụng các nguồn lực tốt nhất, nâng cao hiệu quả kinh doanh, khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

Với mục tiêu xây dựng Điều lệ, Quy chế của Công ty ngày càng hoàn thiện, chặt chẽ. Hội đồng quản trị đã sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, quy chế nội bộ về quản trị, quy chế hoạt động của HĐQT và được ĐHĐCĐ thường niên 2022 thông qua.

Ngoài ra, ngày 27/10/2022, Hội đồng quản trị công ty đã họp và ban hành Quyết định số 09/QĐ-HĐQT-ĐLGL về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ của Công ty, theo đó ông Võ Mộng Hùng (thành viên độc lập HĐQT) làm trưởng ban, bà Đặng Thị Ngọc Huệ và ông Trương Văn Tân làm thành viên Ban kiểm toán nội bộ.

VI. *Báo cáo tài chính*

1. *Ý kiến kiểm toán*

Số: 2244/23/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo của Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023, từ trang 09 đến trang 59, bao gồm: Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (hợp nhất) chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính (hợp nhất) dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính (hợp nhất). Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các Chính sách Kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

5. C
Y
ĐU
TƯ/V
VIET
5 CH

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Tại Thuyết minh mục V.5 – Phải thu về cho vay. Tại ngày 31/12/2022, Tập đoàn đã cho một số tổ chức, cá nhân vay với số tiền là 422.151.155.672 đồng. Tập đoàn đã trích lập dự phòng đầy đủ nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Khoản 2, Điều 6, Thông tư 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 08/08/2019. Tuy nhiên, Tập đoàn chưa đánh giá khả năng thu hồi theo thực tế. Với các tài liệu hiện có tại Tập đoàn, chúng tôi cũng không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để kết luận việc trích lập dự phòng của Tập đoàn có đầy đủ theo khả năng thu hồi thực tế hay không.

Do đó, chúng tôi chưa thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31/12/2022, cũng như báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) (nếu có) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

2. Tại Thuyết minh mục VII.6, tại ngày 31/12/2022, khoản lỗ thuần lũy kế của Tập đoàn là (2.069.778.374.063) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 944.762.034.146 đồng. Tập đoàn đã có kế hoạch về việc thanh lý, nhượng bán tài sản đảm bảo, tài sản được bảo lãnh và dòng tiền để trả nợ cho ngân hàng trong giai đoạn từ năm 2023 đến năm 2025. Tuy nhiên, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định giá trị của các tài sản đảm bảo, tài sản được bảo lãnh tại ngày 31/12/2022 theo đánh giá của Tập đoàn. Do đó, chúng tôi chưa thể xác định được giá trị của các tài sản đảm bảo, tài sản được bảo lãnh có phù hợp với kế hoạch trả nợ của Tập đoàn hay không. Điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN số 1512-2023-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN số 2817-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES.

2. **Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2022**

Phụ lục đính kèm

Toàn văn Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán được công bố thông tin trên địa chỉ website công ty: <http://www.duclonggroup.com/bao-cao-tai-chinh.html>

Gia Lai, ngày 19 tháng 4 năm 2023

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN TƯỜNG CỘT

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM:
Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của JPA International
Trụ sở chính: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp HCM
Tel.: +84 (28) 3859 4168 Fax: +84 (28) 3859 2285
Email: contact@vietvalues.com Website: www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG
GIA LAI

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 – 06
2. Báo cáo kiểm toán (hợp nhất)	07 – 08
3. Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31/12/2022	09 – 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	12
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	13 – 55
7. Phụ lục 01: Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình	56
8. Phụ lục 02: Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình	57
9. Phụ lục 03: Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	58
10. Phụ lục 04: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	59



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai và 04 công ty con cùng 01 công ty liên kết (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán của Tập đoàn.

1. Khái quát về Tập đoàn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên tiếng Anh: Duc Long Gia Lai Group JSC) (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900415863 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 13 tháng 06 năm 2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ đăng ký thay đổi lần thứ 33 vào ngày 01 tháng 10 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

Vốn điều lệ : 2.993.097.200.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2022 : 2.993.097.200.000 đồng.

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là DLG.

2. Trục sở hoạt động

2.1 Trục sở chính hoạt động

Địa chỉ : Số 90 Lê Duẩn, phường Phù Đổng, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Điện thoại : +84 (269) 374 8367

Fax : +84 (269) 374 7366

Mã số thuế : 5900415863

2.2 Thông tin về công ty con và công ty liên kết

Thông tin về công ty con tính đến ngày 31/12/2022:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1	Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng	Thôn Quá Giáng, Xã Hoà Phước, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng	Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe, xây dựng công trình dân dụng, giao thông	0,00%	0,00%	0,00%	100%	85,00%	100%
2	Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông	04 Điện Biên Phủ, Tổ 3, P. Nghĩa Trung, TP Gia Nghĩa, Đắk Nông	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	70,6%	70,6%	70,6%	70,6%	70,6%	70,6%
3	Công ty CP BOT và BT Đức Long Gia Lai	782 Hùng Vương, T.trần Chư Sê, H.Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đầu tư xây dựng công trình giao thông theo hình thức BOT	73,5%	73,5%	73,5%	73,5%	73,5%	73,5%
4	Công ty TNHH Mass Noble Investment	957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, Quần đảo Virgin Islands thuộc Anh	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử, viễn thông công nghệ cao	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%
5	Công ty CP ĐT&PT Điện Năng Đức Long Gia Lai	43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Số 90 Lê Duẩn, phường Phù Đổng, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thông tin về công ty liên kết tính đến ngày 31/12/2022:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1.	Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	170 Trường Chinh, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Tư vấn và đầu tư xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, lập dự toán; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thi công xây lắp các công trình; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng khác	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
2.	Công ty CP Đức Long Tây Nguyên	117-119-121 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất sắt, thép, gang; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát sỏi, đất sét; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Đúc sắt thép; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc kim loại màu; Chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi lợn.	0,00%	0,00%	0,00%	40,00%	40,00%	0,00%
3.	Công ty CP DLG CY Việt Nam	149-151 đường số 9A Khu dân cư Trung Sơn, xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất linh kiện điện tử; Xây dựng công trình; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Tư vấn, môi giới, đấu giá Bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.	0,00%	0,00%	0,00%	40,00%	40,00%	0,00%

3. Ngành nghề hoạt động

- Hoạt động chính: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác;
- Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, gia công linh kiện điện tử;
- Đầu tư tài chính;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh;
- Xây dựng công trình đường bộ; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT);
- Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê văn phòng.

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Bùi Pháp	Chủ tịch	02/05/2017	-
Ông Nguyễn Tường Cột	Thành viên	30/06/2022	-
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	30/06/2022	-
Ông Võ Mộng Hùng	Thành viên	20/06/2020	-
Ông Paul Anthony Murphy	Thành viên	23/06/2018	-
Ông Lê Đức Kỳ	Thành viên	29/06/2019	30/06/2022
Ông Trần Cao Châu	Thành viên	29/06/2019	30/06/2022

4.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phan Thị Ngọc Anh	Trưởng ban	03/05/2017	-
Bà Đặng Thị Hà	Thành viên	23/06/2018	-
Bà Trần Thị Như Hạnh	Thành viên	30/06/2022	-
Ông Trần Đình Anh Dũng	Thành viên	20/06/2020	30/06/2022

4.3 Ban kiểm toán nội bộ

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Võ Mộng Hùng	Trưởng ban	27/10/2022	-
Bà Đặng Thị Ngọc Huệ	Thành viên	27/10/2022	-
Ông Trương Văn Tấn	Thành viên	27/10/2022	-

4.4 Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tường Cột	Tổng Giám đốc	01/10/2021	-
Ông Phạm Minh Việt	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2010	-
Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc	24/06/2017	-
Bà Vũ Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc	01/04/2018	-
Ông Đỗ Thành Nhân	Trưởng phòng TC-KT kiểm phụ trách kế toán	03/09/2019	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này Ông Nguyễn Tường Cột – Tổng Giám đốc.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) từ trang 09 đến trang 59.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tập đoàn sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tập đoàn.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính (hợp nhất) phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất), kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Trong việc lập các Báo cáo tài chính (hợp nhất) này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các Chính sách Kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (hợp nhất);
- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (hợp nhất), tình hình hoạt động (hợp nhất) của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Số 90 Lê Duẩn, phường Phú Đông, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất) đính kèm. Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

TM. Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN TƯỜNG CỢT
Tổng Giám đốc
Gia Lai, ngày 31 tháng 3 năm 2023.

31/2817
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
TOÁN VÀ
TUẦN
- TP. HỒ

Số: 2244/23/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo của Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023, từ trang 09 đến trang 59, bao gồm: Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (hợp nhất) chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính (hợp nhất) dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính (hợp nhất). Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các Chính sách Kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Tại Thuyết minh mục V.5 – Phải thu về cho vay. Tại ngày 31/12/2022, Tập đoàn đã cho một số tổ chức, cá nhân vay với số tiền là 422.151.155.672 đồng. Tập đoàn đã trích lập dự phòng đầy đủ nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Khoản 2, Điều 6, Thông tư 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 08/08/2019. Tuy nhiên, Tập đoàn chưa đánh giá khả năng thu hồi theo thực tế. Với các tài liệu hiện có tại Tập đoàn, chúng tôi cũng không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để kết luận việc trích lập dự phòng của Tập đoàn có đầy đủ theo khả năng thu hồi thực tế hay không.

Do đó, chúng tôi chưa thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31/12/2022, cũng như báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) (nếu có) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

2. Tại Thuyết minh mục VII.6, tại ngày 31/12/2022, khoản lỗ thuần lũy kế của Tập đoàn là (2.069.778.374.063) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 944.762.034.146 đồng. Tập đoàn đã có kế hoạch về việc thanh lý, nhượng bán tài sản đảm bảo, tài sản được bảo lãnh và dòng tiền để trả nợ cho ngân hàng trong giai đoạn từ năm 2023 đến năm 2025. Tuy nhiên, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định giá trị của các tài sản đảm bảo, tài sản được bảo lãnh tại ngày 31/12/2022 theo đánh giá của Tập đoàn. Do đó, chúng tôi chưa thể xác định được giá trị của các tài sản đảm bảo, tài sản được bảo lãnh có phù hợp với kế hoạch trả nợ của Tập đoàn hay không. Điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số 1512-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số 2817-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.647.393.336.524	2.333.919.358.291
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	117.984.852.556	122.635.609.100
111	1. Tiền		117.984.852.556	122.133.908.755
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	501.700.345
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		50.000.000.000	50.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	50.000.000.000	50.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.234.607.067.732	1.790.592.044.747
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	872.799.704.902	930.921.260.616
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	54.901.955.863	64.093.824.666
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5a	1.283.615.917.371	839.455.295.575
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	463.492.680.457	267.941.789.719
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(1.440.203.190.861)	(311.820.125.829)
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	243.503.894.251	369.435.796.619
141	1. Hàng tồn kho		279.103.388.610	396.263.015.440
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(35.599.494.359)	(26.827.218.821)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.297.521.985	1.255.907.825
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	277.246.722	290.878.492
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.017.534.494	960.869.261
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.19	2.740.769	4.160.072
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.964.452.311.610	4.736.429.638.368
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		974.633.172.877	1.440.108.798.160
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	V.5b	973.364.502.877	1.438.840.128.160
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.6b	1.268.670.000	1.268.670.000
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		2.609.447.536.906	2.854.841.659.889
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	2.582.098.269.846	2.800.703.079.459
222	- Nguyên giá		4.143.007.793.378	4.205.081.498.373
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.560.909.523.532)	(1.404.378.418.914)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	27.349.267.060	54.138.580.430
228	- Nguyên giá		228.997.301.413	234.383.859.358
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(201.648.034.353)	(180.245.278.928)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.12	29.135.475.808	30.960.901.828
231	- Nguyên giá		56.149.693.891	56.149.693.891
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.014.218.083)	(25.188.792.063)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		40.860.898.048	32.436.436.566
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	40.860.898.048	32.436.436.566
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		16.181.696.303	6.953.519.155
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.14a	7.062.152.013	6.953.519.155
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.14b	41.020.404.422	480.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	V.14b	(31.900.860.132)	(480.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		294.193.531.668	371.128.322.770
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	72.638.769.527	104.078.427.070
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.15	11.391.839.489	11.935.420.573
269	3. Lợi thế thương mại	V.16	210.162.922.652	255.114.475.127
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.611.845.648.134	7.070.348.996.659

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, p. Phú Đông, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.502.824.785.620	4.751.514.021.548
310	I. Nợ ngắn hạn		2.592.155.370.670	2.734.296.489.223
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.17	272.530.212.934	382.256.547.142
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.18	41.091.428.687	89.739.540.636
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.19	80.672.478.415	84.700.666.393
314	4. Phải trả người lao động		22.584.610.917	33.635.299.873
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.20	435.037.338.916	394.902.788.706
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		74.571.000	59.969.697
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.21a	612.057.263.822	510.968.054.490
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.22	1.125.558.685.787	1.235.319.737.094
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.24	2.548.780.192	2.713.885.192
330	II. Nợ dài hạn		1.910.669.414.950	2.017.217.532.325
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.21b	220.000.000	220.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.23	1.845.660.795.288	1.952.635.810.423
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.25	64.788.619.662	64.361.721.902
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.109.020.862.514	2.318.834.975.111
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.26	1.109.020.862.514	2.318.834.975.111
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		50.510.908.328	50.510.908.328
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		786.817.114	(12.722.144.419)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		6.196.436.959	6.196.436.959
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.069.778.374.063)	(850.365.107.591)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(850.365.107.591)	(866.996.707.685)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(1.219.413.266.472)	16.631.600.094
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		128.207.874.176	132.117.681.834
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.611.845.648.134	7.070.348.996.659

Gia Lai, ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Diệu Thu

NGUYỄN KHOA DIỆU THU

Trưởng phòng TC - KT
kiêm phụ trách kế toán

Đỗ Thành Nhân

ĐỖ THÀNH NHÂN



Tổng Giám Đốc

NGUYỄN TƯỜNG CỘT

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, p. Phú Đồng, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.347.873.447.005	1.549.207.937.792
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		1.349.785	4.766.166.663
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.347.872.097.220	1.544.441.771.129
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	1.020.596.883.021	1.255.642.599.680
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		327.275.214.199	288.799.171.449
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	236.855.880.572	359.198.193.913
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	427.843.707.556	494.692.938.555
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		361.994.198.994	395.559.089.277
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	VI.5	108.632.858	(329.172.329)
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	11.112.766.445	18.035.148.673
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	1.289.316.973.159	120.227.377.056
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.164.033.719.531)	14.712.728.749
31	12. Thu nhập khác	VI.8	6.414.292.134	7.389.796.447
32	13. Chi phí khác	VI.9	26.109.104.918	17.391.117.902
40	14. Lợi nhuận khác		(19.694.812.784)	(10.001.321.455)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.183.728.532.315)	4.711.407.294
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.19	12.534.100.009	8.089.230.124
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		914.217.926	(15.170.424.775)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.197.176.850.250)	11.792.601.945
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(1.219.413.266.472)	16.673.387.564
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		22.236.416.222	(4.880.785.619)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	(4.074)	56
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.12	(4.074)	56

Gia Lai, ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Người lập biểu

Trưởng phòng TC - KT
kiểm phụ trách kế toán

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Khoa Diệu Thu

Đỗ Thành Nhân



NGUYỄN KHOA DIỆU THU

ĐỖ THÀNH NHÂN

NGUYỄN TƯỜNG CỘT

Báo cáo này được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất)

11

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	1. Lợi nhuận trước thuế	V.19	(1.183.728.532.315)	4.711.407.294
	2. Điều chỉnh cho các khoản		1.567.670.480.363	224.942.499.154
	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.10; V.11; V.12; V.16	228.192.268.410	211.063.175.937
02	- Các khoản dự phòng			
03	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	V.7; V.8; V.14	1.168.576.200.702	(143.502.739.820)
04	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		- 34.259.831.538	48.528.657.556
05	- Chi phí lãi vay	VII	(225.352.019.281)	(285.290.895.918)
06	- Các khoản điều chỉnh khác	VI.4	361.994.198.994	395.559.089.277
07			-	(1.414.787.878)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		383.941.948.048	229.653.906.448
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		89.708.182.932	1.046.415.245.162
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		117.159.626.830	107.190.102.230
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(292.918.143.805)	(907.478.841.807)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		27.867.253.621	(2.992.787.267)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(87.691.058.443)	(216.122.684.278)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.19	(52.145.509.846)	(4.470.396.728)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.24	(165.105.000)	(218.050.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		185.757.194.337	251.976.493.760
21	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(22.664.293.651)	(17.856.184.107)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	1.818.181.818
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(27.865.000.000)	(638.329.847.248)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		49.180.003.487	292.504.921.652
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(42.520.104.422)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		41.500.000.000	158.193.505.700
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		17.409.709.600	189.905.285.593
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		15.040.315.014	(13.764.136.592)
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	55.931.942.154
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.22; V.23	(217.324.126.859)	(286.873.087.195)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(269.010.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(217.324.126.859)	(231.210.155.041)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(16.526.617.508)	7.002.202.127
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	122.635.609.100	138.061.045.269
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		11.875.860.964	(22.427.638.296)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	117.984.852.556	122.635.609.100

Gia Lai, ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Người lập biểu

Phu

NGUYỄN KHOA DIỆU THƯ

Trưởng phòng TC - KT
kiểm phụ trách kế toán

Thân Nhân

ĐỖ THÀNH NHÂN

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Tường Cột

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai và 04 Công ty con cùng 01 Công ty liên kết (sau đây gọi là "Tập đoàn").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là sản xuất thành phẩm từ gỗ, khai thác đá, kinh doanh thương mại, hoạt động xây lắp và kinh doanh dịch vụ (cho thuê tài sản, khách sạn,...), sản xuất các sản phẩm linh kiện điện tử gia dụng, thu phí đường bộ theo hình thức BOT, Thủy điện, Đầu tư tài chính,...

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động chính: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ, bằng vật liệu khác;
- Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, gia công linh kiện điện tử;
- Đầu tư tài chính;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh;
- Xây dựng công trình đường bộ; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT);
- Cho thuê máy móc thiết bị; Cho thuê văn phòng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty: 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực dự án, bất động sản: trên 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Tình hình lạm phát tăng cao dẫn đến giá thành nhiên liệu, vật liệu, vật tư, lương thực, nhân công... tăng cao đã tác động trực tiếp và ảnh hưởng đến tình hình sản xuất, kinh doanh chung của Tập đoàn, đặc biệt là doanh thu của mảng linh kiện điện tử của nhà máy Trung Quốc và Hàn Quốc trực thuộc Công ty MassNoble (công ty con) tại Hong Kong giảm mạnh và theo dự đoán sẽ còn tiếp tục ảnh hưởng trong tương lai. Doanh thu sản phẩm nông nghiệp trong năm không phát sinh do công ty con kinh doanh lĩnh vực này đã thoái vốn từ năm 2021. Ngoài ra, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh do Tập đoàn trích lập dự phòng nợ phải thu đối với các khoản công nợ quá hạn chưa thu hồi. Do đó, kết quả sản xuất kinh doanh của Tập đoàn năm giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước.

Mặc dù đã trích lập dự phòng đối với công nợ quá hạn nhưng Tập đoàn vẫn luôn theo dõi giám sát diễn biến các hoạt động kinh doanh của các đối tác khách hàng để tăng cường thu hồi các khoản công nợ quá hạn và hoàn nhập dự phòng đảm bảo đạt lợi nhuận trong thời gian tới. Đồng thời, Tập đoàn tiếp tục thực hiện chủ trương tái cấu trúc toàn diện các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính và quản trị nhân sự.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (Hợp nhất) 13

Chi tiết Công ty con thoái vốn trong năm như sau :

Tên công ty	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành Phố Đà Nẵng	0,00%	0,00%	0,00%	100%	85%	100%

Chi tiết Công ty liên kết thoái vốn trong năm như sau :

Tên công ty	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Đức Long Tây Nguyên	0,00%	0,00%	0,00%	40,00%	40,00%	0,00%
Công ty CP DLG CY Việt Nam	0,00%	0,00%	0,00%	40,00%	40,00%	0,00%

6. Các Công ty con và Công ty liên kết

6.1 Tổng số Công ty con được hợp nhất

- Số lượng Công ty con tại ngày 01/01/2022 : 05 Công ty
- Số lượng Công ty con tại ngày 31/12/2022 : 04 Công ty
- Số lượng Công ty con được hợp nhất tại ngày 31/12/2022 : 04 Công ty
- Chi tiết các Công ty con được hợp nhất như sau :

STT	Tên công ty	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
		Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1.	Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông	70,6%	70,6%	70,6%	70,6%	70,6%	70,6%
2.	Công ty CP BOT và BT Đức Long Gia Lai	73,5%	73,5%	73,5%	73,5%	73,5%	73,5%
3.	Công ty TNHH Mass Noble Investment	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%
4.	Công ty CP ĐT&PT Điện Năng Đức Long Gia Lai	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%	93,35%
5.	Công ty CP Bến xe Liên tỉnh Phía Nam Thành phố Đà Nẵng	0,00%	0,00%	0,00%	100%	85,00%	100%

6.2 Tổng số Công ty liên kết

- Số lượng Công ty liên kết tại ngày 01/01/2022: 03 Công ty
- Số lượng Công ty liên kết tại ngày 31/12/2022: 01 Công ty
- Số lượng Công ty liên kết được hợp nhất tại ngày 31/12/2022: 01 Công ty

Chi tiết các Công ty liên kết:

STT	Tên công ty	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
		Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1.	Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
2.	Công ty CP Đức Long Tây Nguyên (*)	0,00%	0,00%	0,00%	40,00%	40,00%	0,00%
3.	Công ty CP DLG CY Việt Nam (*)	0,00%	0,00%	0,00%	40,00%	40,00%	0,00%

(*) Tại ngày 31/12/2022, Tập đoàn đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty CP Đức Long Tây Nguyên và Công ty CP DLG CY Việt Nam theo Quyết định số 10/QĐ-HĐQT-DLGL ngày 27/12/2022.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Giả định về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31/12/2022, khoản lỗ thuần của Tập đoàn là (2.069.778.374.063) đồng. Đồng thời, các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 944.762.034.146 đồng. Ngoài ra, Tập đoàn có một số khoản nợ phải trả và vay đã quá hạn thanh toán với tổng giá trị ước tính là 2.181.712.967.200 đồng.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này, Ban Tổng Giám đốc đã đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh từ năm 2023 + 2025. Theo đó, Tập đoàn tập trung nguồn lực dòng tiền từ các công ty con, quyết tâm phối hợp với các Ngân hàng và tổ chức tín dụng để đưa ra nhiều phương án xử lý nợ như tìm kiếm đối tác để tiếp tục chuyển nhượng các tài sản, dự án đang đảm bảo dư nợ ngân hàng và tài sản được bảo lãnh nhằm giảm dần dư nợ gốc, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các thủ tục pháp lý các dự án Năng lượng điện mặt trời, điện gió bổ sung vào qui hoạch lưới điện quốc gia, để chuyển nhượng các dự án này, đồng thời tăng cường thu hồi các khoản công nợ nhằm tắt toán nợ khoản nợ gốc quá hạn và xin miễn toàn bộ lãi phát sinh, lãi phạt quá hạn. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn vẫn tiến hành lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Báo cáo tài chính (hợp nhất) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

3. Cơ sở hợp nhất

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách Kế toán thống nhất với các chính sách Kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các sổ dự và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Tập đoàn đã áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để trình bày khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Đối với khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (kể cả sở hữu trực tiếp và gián tiếp): Tập đoàn đã loại trừ toàn bộ số dự phòng tổn thất đầu tư do các công ty liên doanh, liên kết bị lỗ đã được trích lập trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con khác trong nội bộ tập đoàn.

4. Chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con sang đồng tiền báo cáo của công ty mẹ:

Khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được lập bằng đồng tiền khác với đồng tiền báo cáo của công ty mẹ, các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính được quy đổi theo các loại tỷ giá như sau:

- Tài sản, nợ phải trả và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ;
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức;

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (Hợp nhất) 16

- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân. Trường hợp biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá cuối kỳ.

- Đối với tài sản, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;

- Đối với nợ phải trả, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá bán của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;

- Trường hợp tỷ giá bán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo chênh lệch không quá 0,2% thì được áp dụng tỷ giá mua – bán bình quân.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho công ty mẹ được trình bày tại chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán (hợp nhất);

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại chỉ tiêu “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết cuối kỳ được tính toán bộ cho công ty mẹ và được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Công ty giao dịch thường xuyên với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) nên Công ty đã sử dụng tỷ giá hối đoái do BIDV công bố để chuyển đổi báo cáo tài chính hợp nhất này. Chi tiết các tỷ giá đã sử dụng để chuyển đổi:

Tỷ giá mua thực tế tại ngày 31/12/2022: 2.978 VND/HKD;

Tỷ giá bán thực tế tại ngày 31/12/2022: 3.062 VND/HKD;

Tỷ giá bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.994 VND/HKD.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (Hợp nhất) 17

thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính (riêng) hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính (riêng) hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

7. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (Hợp nhất) 18

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (Hợp nhất) 19



<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Vườn cây lâu năm	20
Tài sản cố định khác là Dự án BOT ^(*)	Theo tỷ lệ % trên doanh thu
Tài sản cố định hữu hình khác	08 – 10

(*) Các tài sản cố định hình thành từ Dự án BOT, Tập đoàn được trích khấu hao theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu theo Công văn số 6092/BTC-TCĐN ngày 06/05/2016 của Bộ Tài chính. Tập đoàn thực hiện trích khấu hao tài sản cố định từ ngày 01/01/2016 và không áp dụng hồi tố cho thời gian đã thực hiện trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trước đó.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ....

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Chi phí triển khai

Là các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển một số sản phẩm tiện nghi cho gia đình, chăm sóc bản thân, an ninh nhà ở và tiết kiệm năng lượng đã được đưa vào sản xuất thương mại và những chi phí này được dự kiến là chắc chắn có khả năng thu hồi hợp lý.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện trích khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Tập đoàn.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán	07
Chi phí triển khai	04

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (Hợp nhất) 20

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Tập đoàn. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu là số vốn thực góp của chủ sở hữu.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng, trạm thu phí cầu đường)

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết.

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

21. Nguyên tắc và quy tắc ghi nhận các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng phát sinh giao dịch ngoại tệ, tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là đồng USD được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tỷ giá 23.405 VNĐ/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tỷ giá 23.685 VNĐ/USD
- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là đồng LAK được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, tỷ giá 0,67 VNĐ/LAK.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là đồng LAK được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, tỷ giá 1,62 VNĐ/LAK.

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

Các khoản thuế Tập đoàn tính và nộp ngân sách gồm:

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ

- Hoạt động xây lắp, kinh doanh đá, gỗ,... áp dụng thuế suất 10%.
- Hoạt động bán điện thương phẩm áp dụng thuế suất 8%.
- Các sản phẩm khác áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con tại Việt nam với mức thuế suất là 20%. Ngoài ra, một số Công ty con, dự án có các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty CP BOT và BT Đức Long Gia Lai: Đối với thu nhập từ dự án nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14A) đoạn Pleiku (km 1610) – Cầu 110 (km1667-570) qua tỉnh Gia Lai theo hình thức BOT tại huyện Chư Prông, Chư Sê, Chư Puh: Căn cứ khoản 4, Điều 10, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài Chính và Công văn số 3770/CT-TTHT ngày 09/12/2015 của Cục thuế tỉnh Gia Lai, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 9 năm tiếp theo. Năm 2017 là năm đầu tư Công ty có thu nhập chịu thuế, do đó Công ty được miễn thuế TNDN từ năm 2017 đến hết năm 2020 và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp từ năm 2021 đến hết năm 2029.
- Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông: Đối với thu nhập từ dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14 đoạn km 817 đến km 887: Căn cứ khoản 1, Điều 11 và Điều 12, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài Chính, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi có doanh thu, được miễn thuế TNDN trong 4 năm và được giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án. Năm 2015 là năm đầu tư Công ty có doanh thu chịu thuế, năm 2016 là năm đầu tư Công ty có thu nhập chịu thuế, theo đó Công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% từ năm 2015 đến năm 2029, được miễn thuế TNDN từ năm 2016 đến hết năm 2019 và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp từ năm 2020 đến hết năm 2028.
- Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai: Đối với dự án Thủy điện Đắkpôcô: Căn cứ theo Khoản 4, Điều 10 và Khoản 1, Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính, Công văn số 3423/CT-TTHT ngày 16/11/2015 của Cục thuế Tỉnh Gia Lai, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án Thủy điện Đắkpôcô từ năm 2018; theo đó, Công ty được miễn thuế TNDN từ năm 2018 đến năm 2021 và giảm 50% thuế TNDN phải nộp từ năm 2022 đến năm 2030.
- Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tại các công ty con ở nước ngoài áp dụng như sau:
Đối với các Công ty con được thành lập theo Luật công ty kinh doanh quốc tế của Virgin Islands thuộc Anh được miễn nộp thuế TNDN của Virgin Islands thuộc Anh.
Thuế suất thuế TNDN của Hồng Kông từ 8,25% đến 16,5% trên lợi nhuận tính thuế ước tính của các công ty con của Công ty phát sinh ở hoặc có nguồn gốc từ Hồng Kông.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (Hợp nhất) 24

Đối với các công ty con tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa: thuế suất 25% trên lợi nhuận của các công ty con theo quy định của Luật thuế thu nhập Trung Quốc áp dụng cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp nước ngoài.

Đối với công ty con tại Hàn Quốc: thuế suất là 10% trên lợi nhuận đối với mức lợi nhuận dưới 200 triệu Đồng Won Hàn Quốc (KRW) và 20% đối với mức lợi nhuận còn lại theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Hàn Quốc.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	8.124.873.205	7.269.651.143
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	109.859.979.351	114.864.257.612
Các khoản tương đương tiền	-	501.700.345
Cộng	117.984.852.556	122.635.609.100

Tại ngày 31/12/2022, tiền và các khoản tương đương tiền không dùng để thế chấp cho các khoản vay.

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nông trại Cao Nguyên Quảng Phú 1.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của các bên liên quan	22.920.806.588	19.854.109.647
- Công ty CP Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc	16.746.045.256	15.433.148.315
- Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	4.420.961.332	4.420.961.332
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	1.753.800.000	-
Phải thu các khách hàng khác	849.878.898.314	911.067.150.969
- Ông Lý Trần Tiến	391.021.500.000	391.021.500.000
- Ông Nguyễn Tuấn Vũ	133.295.100.000	136.400.000.000
- Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên	81.628.692.427	76.611.779.427
- Azad International (HK) Ltd.	68.657.434.903	47.304.043.259
- Các đối tượng khác	175.276.170.984	259.729.828.283
Cộng	872.799.704.902	930.921.260.616

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (Hợp nhất) 25

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	100.000.000	100.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng giao thông Gia Lai	100.000.000	100.000.000
Trả trước cho người bán khác	54.801.955.863	63.993.824.666
- Công ty TNHH MTV Nông trại Cư Bông I	15.204.370.000	15.204.370.000
- Công ty TNHH KTKS Đức Sang Gia Lai	7.603.234.071	7.603.234.071
- Các đối tượng khác	31.994.351.792	41.186.220.595
Cộng	54.901.955.863	64.093.824.666

5. Phải thu về cho vay

5a Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay các bên liên quan	-	-
Phải thu về cho vay các bên khác	1.281.704.543.924	835.007.922.128
- Công ty CP Trồng Rừng và Cây công nghiệp Đức Long Gia Lai ⁽¹⁾	89.900.000.000	49.900.000.000
- Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia lai ⁽²⁾	213.832.000.000	115.832.000.000
- Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên ⁽³⁾	202.455.555.500	102.455.555.500
- Các đối tượng khác ^{(4)(*)}	775.516.988.424	380.841.979.716
Phải thu về cho mượn các bên khác	1.911.373.447	4.447.373.447
- Công ty CP ĐT & PT Năng Lượng sạch Tây Nguyên	1.911.373.447	1.447.373.447
- Các đối tượng khác	-	3.000.000.000
Cộng^(**)	1.283.615.917.371	839.455.295.575

^{(1),(2),(3)} Là các khoản cho vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh V.5b).

⁽⁴⁾ Cho các tổ chức và cá nhân khác vay tiền theo từng hợp đồng cho vay cụ thể, thời gian cho vay còn lại không quá 12 tháng, lãi suất cho vay từ 7% - 11,8%/năm.

^(*) Trong đó, có 422.151.155.672 đồng Tập đoàn đã trích lập dự phòng đầy đủ nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Khoản 2, Điều 6, Thông tư 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 08/08/2019. Tuy nhiên, Tập đoàn chưa đánh giá khả năng thu hồi theo thực tế.

5b **Phải thu về cho vay dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay các bên liên quan	-	-
Phải thu về cho vay các bên khác	973.364.502.877	1.438.840.128.160
- Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp ĐLGL ⁽¹⁾	334.407.500.000	374.407.500.000
- Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai ⁽²⁾	124.657.805.400	222.657.805.400
- Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên ⁽³⁾	120.000.000.000	220.000.000.000
- Các đối tượng khác ⁽⁴⁾	394.299.197.477	621.774.822.760
Cộng^(**)	973.364.502.877	1.438.840.128.160

⁽¹⁾ Công ty CP Trồng Rừng và Cây công nghiệp ĐLGL vay theo Hợp đồng vay số 03/HĐTD ngày 01/07/2021, thời hạn vay kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên 15 năm. Trong đó, thời gian ân hạn là 3 năm và thời gian trả nợ là 12 năm. Lãi suất áp dụng tại thời điểm cho vay là 10,9%/năm cố định trong vòng 12 tháng, hạn mức cho vay 525.000.000.000 đồng.

⁽²⁾ Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia lai vay theo Hợp đồng vay theo các hợp đồng sau :

- Hợp đồng vay vốn số 01/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 05/01/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 02-01/2020/HĐVV-ĐLGL ngày 10/01/2021, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 320.000.000.000 đồng ;

- Hợp đồng vay vốn số 05/2021/HĐVV-ĐLGL ngày 25/12/2021, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 50.000.000.000 đồng.

⁽³⁾ Công ty TNHH Cung ứng VT Nguyên liệu Tây Nguyên vay theo Hợp đồng vay vốn số 07/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 25/08/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01-02/2019/HĐVV-ĐLGL ngày 02/01/2021, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 10,9%/năm, hạn mức cho vay 350.000.000.000 đồng.

⁽⁴⁾ Cho các tổ chức và cá nhân khác vay tiền theo từng hợp đồng cho vay cụ thể, thời gian cho vay còn lại trên 12 tháng, lãi suất cho vay từ 7% - 11,8%/năm.

^(**) Tổng các khoản cho các tổ chức, cá nhân vay (tại mục V.5a và V.5b) tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.256.980.420.248 đồng. Các khoản cho vay này là tín chấp.

6. **Phải thu khác**

6a. **Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	14.914.559.709	10.542.904.208
Phải thu về lãi cho vay	2.594.007.623	2.594.007.623
- Công ty CP Đầu tư Xây Dựng Đức Long Gia Lai	2.594.007.623	2.594.007.623
Phải thu khác	12.320.552.086	7.948.896.585
- Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen	12.320.552.086	7.948.896.585
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	460.898.672.834	257.398.885.511
- Phải thu về lãi cho vay	423.496.802.312	219.164.745.409
- Tạm ứng cho nhân viên	3.646.779.031	3.913.301.730
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.743.211.370	16.917.507.738
- Phải thu khác	17.691.328.035	17.403.330.634
Cộng	463.492.680.457	267.941.789.719

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (Hợp nhất) 27

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.268.670.000	1.268.670.000
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.268.670.000	1.268.670.000
Cộng	1.268.670.000	1.268.670.000

7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(311.820.125.829)	(449.427.929.822)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.193.548.035.016)	(93.610.412.269)
Hoàn nhập dự phòng	65.286.418.918	155.023.021.254
Ảnh hưởng do thoái vốn công ty con	(66.149.587)	76.090.384.135
Ảnh hưởng chuyển đổi báo cáo	(55.299.347)	104.810.873
Số cuối năm	(1.440.203.190.861)	(311.820.125.829)

Chi tiết số dư:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Phải thu khách hàng	848.979.955.946	667.391.540.583	901.442.648.506	(133.660.382.411)
- Phải thu về cho vay	2.107.666.111.588	321.148.657.351	841.821.459.354	(78.348.962.949)
- Phải thu khác	489.258.140.130	351.765.807.181	229.021.418.736	(32.450.890.519)
- Trả trước cho người bán	49.970.041.419	49.897.185.746	52.383.638.601	(49.359.889.950)
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	(18.000.000.000)
Cộng	3.545.874.249.083	1.440.203.190.861	2.074.669.165.197	(311.820.125.829)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	34.179.000.975	(8.374.183.648)	39.811.972.139	(7.779.787.314)
- Chi phí SXKD dở dang	50.859.189.092	(15.920.885.326)	112.823.888.000	(15.023.465.496)
- Thành phẩm ⁽²⁾	21.131.092.838	(7.914.839.060)	70.434.241.275	(3.908.059.584)
- Hàng hóa ⁽³⁾	172.934.105.705	(3.389.586.325)	173.192.914.026	(115.906.427)
Cộng	279.103.388.610	(35.599.494.359)	396.263.015.440	(26.827.218.821)

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là gỗ, ván MDF... dùng để sản xuất các sản phẩm từ gỗ, các phụ kiện để sản xuất linh kiện điện tử.

⁽²⁾ Thành phẩm cuối năm chủ yếu là các sản phẩm từ gỗ, linh kiện điện tử.

⁽³⁾ Hàng hoá cuối năm chủ yếu là đá và gỗ.

9. Chi phí trả trước ngắn và dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi tiết cuối năm:

Chi tiết	Số đầu năm	Số cuối năm
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	9.467.344	18.008.494
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác chờ phân bổ	267.779.378	272.869.998
Cộng	277.246.722	290.878.492

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	290.878.492	877.808.421
Phát sinh trong năm	608.618.277	634.759.357
Phân bổ trong năm	(622.250.047)	(795.431.633)
Giảm do thanh lý công ty con cấp 2	-	(426.257.653)
Cộng	277.246.722	290.878.492

9b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết cuối năm:

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền thuê đất và nhà tại nước ngoài ⁽¹⁾	29.801.522.006	30.350.252.478
- Chi phí trung tu các dự án BOT ⁽²⁾	41.893.924.455	61.317.231.051
- Chi phí dài hạn chờ phân bổ khác	943.323.066	12.410.943.541
Cộng	72.638.769.527	104.078.427.070

⁽¹⁾ Là tiền thuê đất và nhà tại nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, được phân bổ theo thời hạn thuê là 50 năm theo phương pháp đường thẳng.

⁽²⁾ Là chi phí trung tu định kỳ của các dự án BOT theo các Hợp đồng BOT ký với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, chi phí trung tu và thời gian phân bổ quy định tại các Hợp đồng BOT.

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	104.078.427.070	78.295.758.401
Phát sinh trong năm	3.838.355.055	54.634.362.558
Phân bổ trong năm	(34.130.212.348)	(23.591.963.258)
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá	1.348.995.152	(1.232.104.256)
Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo tài chính	(2.496.795.402)	1.485.246.156
Ảnh hưởng do thoái vốn công ty con	-	(5.512.872.531)
Số dư cuối năm	72.638.769.527	104.078.427.070

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (Hợp nhất) 29

10. Tài sản cố định hữu hình

Xem *Phụ lục 01* đính kèm.

11. Tài sản cố định vô hình

Xem *Phụ lục 02* đính kèm.

12. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá		
- Số đầu năm	56.149.693.891	56.149.693.891
- Tăng trong năm	-	-
- Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	56.149.693.891	56.149.693.891
Giá trị hao mòn		
- Số đầu năm	25.188.792.063	25.188.792.063
- Khấu hao trong năm	1.825.426.020	1.825.426.020
Số cuối năm	27.014.218.083	27.014.218.083
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	30.960.901.828	30.960.901.828
Số cuối năm	29.135.475.808	29.135.475.808

Trong đó: Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 29.135.475.808 đồng (xem tại thuyết minh V.22; V.23).

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.808.776.262 đồng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển khác	Số cuối năm
- Công trình khách sạn DLGL Hotel Pleiku	30.480.950.173	131.268.820	-	30.612.218.993
- Chi phí sửa chữa đột xuất tuyến đường thuộc Quốc lộ 14	-	6.600.436.349	-	6.600.436.349
- Các công trình khác	1.955.486.393	1.892.756.313	(200.000.000)	3.648.242.706
Cộng	32.436.436.566	8.624.461.482	(200.000.000)	40.860.898.048

Tại ngày 31/12/2022, các chi phí xây dựng cơ bản dở dang không dùng để thế chấp cho các khoản vay.

14. Đầu tư tài chính

14a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Tăng/(Giảm) giá trị đầu tư lũy kế từ sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Tăng/(Giảm) giá trị đầu tư lũy kế từ sau ngày đầu tư	Cộng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	8.900.766.000	(1.838.613.967)	7.062.152.033	8.900.766.000	(1.947.246.845)	6.953.519.155
- Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai (*)	8.900.766.000	(1.838.613.967)	7.062.152.033	8.900.766.000	(1.947.246.845)	6.953.519.155
Cộng	8.900.766.000	(1.838.613.967)	7.062.152.033	8.900.766.000	(1.947.246.845)	6.953.519.155

Tên khoản đầu tư	Giá trị đầu tư theo PP vốn chủ sở hữu tại ngày 01/01/2022	Tăng/(Giảm) giá trị đầu tư lũy kế từ sau ngày đầu tư				Giá trị đầu tư theo PP vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2022
		Tăng/(Giảm) giá trị đầu tư tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong Kết quả kinh doanh của công ty liên kết		Tăng/(Giảm) giá trị đầu tư theo thay đổi của vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh vào Kết quả kinh doanh		
		Tăng/(giảm) từ lãi/(lỗ) sau thuế TNDN trong năm của công ty liên kết	(Giảm) từ cổ tức được chia trong năm của công ty liên kết	Tăng/(giảm) do đánh giá lại tài sản	Tăng/(giảm) do đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái	
- Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai (*)	6.953.519.155	333.668.878	(225.036.000)	-	-	7.062.152.033
Cộng	6.953.519.155	333.668.878	(225.036.000)	-	-	7.062.152.033

^(*) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.922 cổ phiếu, tương ứng nắm giữ 20,00% vốn điều lệ của Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai (số đầu năm là 5.922 cổ phiếu, tương ứng 20,00% vốn điều lệ).

14b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý ⁽¹⁾	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý ⁽¹⁾	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	41.020.404.422	9.119.544.290	(31.900.860.132)	480.000.000	-	(480.000.000)
- Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc ⁽¹⁾	480.000.000	-	(480.000.000)	480.000.000	-	(480.000.000)
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven ⁽²⁾	40.540.404.422 (#13,613,299.00 HKD)	9.119.544.290	(31.420.860.132)	-	-	-
Cộng	41.020.404.422	9.119.544.290	(31.900.860.132)	480.000.000	-	(480.000.000)

⁽¹⁾ Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 48.000 cổ phiếu, tương ứng nắm giữ 7,2% vốn điều lệ của Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc (số đầu năm là 48.000 cổ phiếu, tương ứng 7,2% vốn điều lệ).

⁽²⁾ Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 2.800.000 cổ phiếu, tương ứng nắm giữ 2,64% vốn điều lệ của Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven (số đầu năm là 0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (Hợp nhất) 31

(¹) Đối với cổ phiếu có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2022 của các Sở giao dịch chứng khoán. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký và không có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư phù hợp với quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng và Thông tư số 24/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 48/2019/TT-BTC.

15. Tài sản thuế TNDN hoãn lại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	11.391.839.489	11.935.420.573
Cộng	11.391.839.489	11.935.420.573

16. Lợi thế thương mại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị đầu năm	255.114.475.127	327.911.218.096
Tăng trong năm	-	-
Phân bổ trong năm	(48.537.588.167)	(50.593.791.496)
Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo	3.586.035.692	(3.865.347.851)
Ảnh hưởng do thoái vốn công ty con	-	(18.337.603.622)
Giá trị cuối năm	210.162.922.652	255.114.475.127

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả cho các bên liên quan</i>	<i>2.867.657.000</i>	<i>2.794.999.015</i>
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai	2.731.657.000	2.731.657.000
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	136.000.000	63.342.015
<i>Phải trả cho các người bán khác</i>	<i>269.662.555.934</i>	<i>379.461.548.127</i>
- Chi nhánh sông Đà 901 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9	51.327.407.966	51.327.407.966
- Công ty CP Lilama 45.3	31.426.511.438	31.426.511.438
- Zhejiang Fuchunjiang Hydropower Equipment Co., Ltd.	21.308.520.287	20.656.262.480
- Các người bán khác	165.600.116.243	276.051.366.243
Cộng (¹)	272.530.212.934	382.256.547.142

(¹) Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 198.963.455.837 đồng.

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả tiền trước của các bên liên quan</i>	<i>34.839.674.670</i>	<i>35.030.674.670</i>
- Công ty CP Năng Lượng Tân Thượng	34.839.674.670	34.839.674.670
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	-	191.000.000
<i>Trả tiền trước của các người mua khác</i>	<i>6.251.754.017</i>	<i>54.708.865.966</i>
- Các người mua khác	6.251.754.017	54.708.865.966
Cộng (¹)	41.091.428.687	89.739.540.636

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (Hợp nhất) 32

^(*) Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 38.146.601.384 đồng.

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Xem *Phụ lục 03* đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của Tập đoàn được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.183.728.532.315)	4.711.407.294
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.415.406.613.549	488.153.231.461
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	19.115.002.327	140.436.717.252
+ Chi phí lãi vay khống chế theo nghị định 132/ND-CP	56.898.041.175	74.987.737.222
+ Chênh lệch đánh giá lại tiền tệ có gốc ngoại tệ	33.607.573.731	47.888.094.550
+ Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	763.070.518	119.205.620.857
+ Loại trừ chi phí khấu hao trong năm từ số khấu hao của tài sản chưa thực hiện ở khía cạnh hợp nhất	1.047.615.217	-
+ Dự phòng nợ phải thu phát sinh khi hợp nhất	485.969.171.364	-
+ Lỗ thu nhập tính thuế các công ty con, mẹ	800.986.034.320	85.648.871.257
+ Phân bổ lợi thế thương mại	17.128.737.755	19.657.017.994
+ Lãi/ lỗ từ công ty liên kết	(108.632.858)	329.172.329
- Các khoản điều chỉnh giảm	(71.677.436.650)	(320.680.638.633)
+ Hoàn nhập dự phòng phải thu trên khía cạnh hợp nhất	(68.780.623.226)	(127.520.837.780)
+ Lỗ từ thanh lý các công ty con ở khía cạnh hợp nhất	(1.310.469.321)	(190.639.291.361)
+ Loại trừ chi phí khấu hao trong năm từ số khấu hao của tài sản chưa thực hiện ở khía cạnh hợp nhất	-	(2.163.873.779)
+ Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	-	-
+ Giảm từ cổ tức nhận được	(225.036.000)	(225.036.000)
+ Các khoản điều chỉnh giảm khác	(1.361.308.103)	(131.599.713)
Thu nhập chịu thuế	160.000.644.584	172.184.000.122
Thu nhập được miễn thuế	-	(16.616.359.821)
Các khoản lỗ được kết chuyển	-	(42.939.533.429)
Thu nhập tính thuế	160.000.644.584	112.628.106.872
Thuế TNDN phải nộp ước tính trong năm hiện hành	22.694.962.402	15.103.807.802
Thuế TNDN được miễn, giảm	(11.347.481.201)	(8.514.760.128)
Trụ thu thuế TNDN ^(*)	1.186.618.808	1.500.182.450
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	12.534.100.009	8.089.230.124

^(*) Là khoản truy thu thuế TNDN của công ty con.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính (hợp nhất) này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan Thuế.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (Hợp nhất) 33

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lãi vay phải trả	284.055.497.699	238.937.550.948
- Chi phí trích trước các công trình xây lắp	82.375.830.788	82.375.830.788
- Chi phí văn phòng	11.218.649.438	9.130.251.045
- Khác	57.387.360.990	64.459.155.925
Cộng^(*)	435.037.338.916	394.902.788.706

^(*) Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 354.152.987.568 đồng.

21. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

21a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan	28.524.375.501	2.064.375.501
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven (chỉa cổ tức)	26.100.000.000	-
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven (ký cược, ký quỹ)	2.064.375.501	2.064.375.501
- Ông Bùi Pháp (chỉa cổ tức)	360.000.000	-
Phải trả cho các đối tượng khác	583.532.888.321	508.903.678.989
- Chi phí lãi vay	568.600.615.794	451.228.548.027
- Lãi trái phiếu chuyển đổi	1.443.858.450	1.443.858.450
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.078.287.957	54.999.424.583
- Phải trả khác	2.410.126.119	1.231.847.929
Cộng^(*)	612.057.263.822	510.968.054.490

^(*) Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 555.083.878.513 đồng.

21b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	220.000.000	220.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược	220.000.000	220.000.000
Cộng	220.000.000	220.000.000

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng và các tổ chức khác (TM số 22.1)	198.859.875.530	207.381.748.726
Vay ngắn hạn của cá nhân	40.000.000	40.000.000
Các khoản mượn tiền khác	1.650.000.000	1.650.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (TM số 23.1)	447.194.478.801	651.433.656.912
Trái phiếu phát hành đến hạn trả (TM số 23.2)	477.814.331.456	374.814.331.456
Cộng^(*)	1.125.558.685.787	1.235.319.737.094

^(*) Trong đó, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 1.035.366.043.898 đồng.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (Hợp nhất) 34

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Số 90 Lê Duẩn, phường Phú Đồng, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm/ chuyển từ vay dài hạn sang ^(*)	Số tiền vay đã trả trong năm	Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo	Số cuối năm
- Vay ngắn hạn ngân hàng và các tổ chức	207.381.748.726	-	(8.593.630.296)	71.757.100	198.859.875.530
- Vay ngắn hạn cá nhân	40.000.000	-	-	-	40.000.000
- Các khoản mượn tiền khác	1.650.000.000	-	-	-	1.650.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	651.433.656.912	(6.808.820.000)	(197.430.358.111)	-	447.194.478.801
- Trái phiếu phát hành đến hạn trả	374.814.331.456	114.000.000.000	(11.000.000.000)	-	477.814.331.456
Cộng	1.235.319.737.094	107.191.180.000	(217.023.988.407)	71.757.100	1.125.558.685.787

^(*) Trong đó, Vay dài hạn đến hạn trả giảm 70.000.000.000 đồng được điều chỉnh theo Phụ lục số 16 ngày 29/09/2022 của Hợp đồng tín dụng số 45/HĐTD ngày 26/02/2011 về việc thay đổi thời hạn trả nợ gốc.

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)
22.1 Vay ngắn hạn phải trả ngân hàng và các tổ chức khác

Chi tiết của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai				
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/370018/HDTĐ ngày 11/10/2017	176.254.815.400	Từ ngày 11/10/2017 đến hết ngày 31/8/2018	Lãi suất vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	Máy móc, thiết bị chế biến gỗ (xem Thuyết minh V.10) và tài sản của ông Nguyễn Đình Trạc (người quản lý công ty con) (xem thuyết minh VIII.3c)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai				
Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2018-HĐCVHM/NHCT500-DUCLONG ngày 02/01/2018	22.605.060.130	Từ ngày 02/01/2018 đến hết ngày đến hết ngày 31/12/2018	Lãi suất vay trong bất kỳ kỳ hạn tính lãi nào là lãi suất ngày và bằng tổng của lãi suất cơ sở cộng biên độ tối thiểu 3,5%/năm. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 99%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên	Được bảo lãnh bởi ông Bùi Pháp (Chủ tịch HĐQT) và Bà Nguyễn Thị Hương (xem thuyết minh VIII.3c); Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng DLGL (Công ty con) (xem thuyết minh VIII.3d và một số phương tiện vận tải khác thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh V.10).
Tổng cộng	198.859.875.530			

23. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay dài hạn ngân hàng và các tổ chức khác (TM số 23.1)	1.845.660.795.288	1.839.152.113.740
- Vay dài hạn trái phiếu thường (TM số 23.2)	-	113.483.696.683
Cộng⁽¹⁾	1.845.660.795.288	1.952.635.810.423

⁽¹⁾ Tại ngày 31/12/2022, Tập đoàn không có vay và nợ thuê tài chính dài hạn quá hạn chưa thanh toán.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chuyển sang vay nợ đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
- Vay dài hạn ngân hàng và tổ chức khác	1.839.152.113.740	-	6.808.820.000	(300.138.452)	1.845.660.795.288
- Vay dài hạn trái phiếu thường	113.483.696.683	516.303.317	(114.000.000.000)	-	-
Cộng	1.952.635.810.423	516.303.317	(107.191.180.000)	(300.138.452)	1.845.660.795.288

23.1 Vay dài hạn các ngân hàng và tổ chức

Các khoản cho vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn tài trợ cho các dự án BOT, dự án thủy điện, dự án trồng cây cao su.

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng, tổ chức như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai	1.529.869.249.733	1.575.969.388.185
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai	55.174.137.200	55.174.137.200
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai	523.234.045.444	674.864.403.555
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Tp. HCM	178.012.997.289	178.012.997.289
- Công ty CP Đầu tư Phát triển địa ốc Gia Long	6.564.844.423	6.564.844.423
Cộng	2.292.855.274.089	2.490.585.770.652
Trong đó:		
Vay dài hạn	1.845.660.795.288	1.839.152.113.740
Vay dài hạn đến hạn trả	447.194.478.801	651.433.656.912

23. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

23.1 Vay dài hạn các ngân hàng và tổ chức

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo cho các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số V.10, V.12)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai				
Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2008/HD ngày 16/5/2008 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 57/2013/BSHD ngày 16/10/2020	6.200.000.000	Thời hạn vay được điều chỉnh là 168 tháng	Từ ngày 14/8/2008 đến ngày 14/8/2022. Lãi suất vay là 12%/năm đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng với phí Ngân hàng 3%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay	Tài sản hình thành từ vốn vay, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn
Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2009/HD ngày 30/12/2009 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2012/HD ngày 16/1/2012	66.924.000.000	Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 72 tháng	Lãi suất vay thả nổi không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4,2%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn

23. Vay dài hạn (tiếp theo)

23.1 Vay dài hạn ngân hàng và tổ chức (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo cho các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số V.10, V.12)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai (tiếp theo)				
Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2012/HD ngày 30/6/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 56/2013/BSHD ngày 16/10/2013	59.400.000.000	Thời hạn vay là 168 tháng kể từ ngày 30/6/2012 đến ngày 30/6/2026	Lãi suất là 12%/năm đến hết ngày 25/12/2013, từ ngày 26/12/2013 trở đi lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 168 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng với phí Ngân hàng 2,5%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm vay.	Tài sản hình thành từ vốn vay, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn
Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2013/HD ngày 01/10/2013	19.965.858.000	Thời hạn vay là 76 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến ngày 31/12/2019	Lãi suất vay là 12,5%/năm được cố định đến hết ngày 25/10/2013, từ ngày 26/10/2013 trở đi lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 76 tháng do Ngân hàng thông báo từng thời kỳ cộng phí Ngân hàng 3%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm cho vay	Được bảo lãnh bằng tài sản của Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản ĐLGL (xem Thuyết minh VII.3e)

23. Vay dài hạn (tiếp theo)

23.1 Vay dài hạn ngân hàng và tổ chức (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo cho các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số V.10, V.12)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai (tiếp theo)				
Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD/BIDV-BOTQL14 ngày 30/12/2013	987.369.391.733	Thời hạn vay là 15 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Lãi suất áp dụng theo lãi suất điều chỉnh.	Khoản nợ phát sinh từ hợp đồng này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản và các quyền tài sản, quyền thu phí hình thành của Dự án (trạm thu phí, xe ô tô,...), các quyền và lợi ích khác phát sinh theo Hợp đồng BOT (kể cả quyền theo các chấp thuận) không phân biệt nguồn vốn đầu tư và toàn bộ số dư tiền gửi của bên vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thuộc sở hữu của bên vay
Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2015/2856607/HĐTD ngày 23/12/2015	390.010.000.000	Thời hạn vay tối đa là 13 năm kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 36 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Lãi suất vay là 10%/năm cố định đến ngày 31/12/2016, từ 01/01/2017 trở đi áp dụng lãi suất vay thả nổi điều chỉnh 03 tháng 01 lần, lãi suất vay được xác định bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 12 tháng do BIDV Gia Lai thông báo tại thời điểm điều chỉnh (+) phí 3,85%/năm.	Tài sản hình thành từ vốn vay, hiện đã hoàn thành và là tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn
Tổng cộng	1.529.869.249.733			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn:</i>	<i>1.405.379.391.733</i>			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>124.489.858.000</i>			

23. Vay dài hạn (tiếp theo)

23.1 Vay dài hạn ngân hàng và tổ chức (tiếp theo)

Chỉ tiết lãi suất và tài sản đảm bảo cho các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số V.10, V.12)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai				
Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1401400008 ngày 14/1/2014 (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD 1029900097 ngày 26/10/2010 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 01-LD 1029900097 ngày 14/1/2014)	55.174.137.200	Thời hạn vay là 120 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên	Lãi suất áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên là 1%/tháng, các lần giải ngân sau lãi suất do Ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân	Toàn bộ tài sản đầu tư xây dựng gắn liền với đất và các hệ thống máy móc, trang thiết bị gắn liền công trình xây dựng hình thành từ vốn vay
Tổng cộng	55.174.137.200			
Trong đó:				
Vay dài hạn:	-			
Vay dài hạn đến hạn trả	55.174.137.200			

23. Vay dài hạn (tiếp theo)

23.1 Vay dài hạn ngân hàng và tổ chức (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo cho các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số V.10, V.12)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai				
Hợp đồng tín dụng số 45/HĐTD ngày 26/02/2011 và văn bản sửa đổi hợp đồng tín dụng ngày 19/05/2014, phụ lục số 16 ngày 29/09/2022 về việc thay đổi thời hạn trả nợ gốc	523.234.045.444	Thời hạn vay là 13,5 năm kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Thời gian ân hạn: 4,5 năm, từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên (từ ngày 03/06/2011 đến ngày 03/12/2015)	Lãi suất áp dụng theo lãi suất điều chỉnh.	Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng BOT số 01/HDBOT ngày 01/09/2010 và các phụ lục kèm theo được ký kết giữa Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Nông với Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắk Nông; Toàn bộ quyền khai thác, thu phí các trạm thu phí đoạn Km 817 – Km 887 trên quốc lộ 14 tỉnh Đắk Nông; Các tài sản khác phát sinh từ ưu đãi đầu tư theo hợp đồng BOT

Tổng cộng	523.234.045.444
Trong đó:	
Vay dài hạn:	440.281.403.555
Vay dài hạn đến hạn trả	82.952.641.889

23. Vay dài hạn (tiếp theo)

23.1 Vay dài hạn ngân hàng và tổ chức (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo cho các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng và tổ chức	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số V.10, V.12)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Tp. HCM				
Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1134100059 ngày 05/1/2012; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 03/LD1134100059 ngày 25/06/2013	178.012.997.289	Thời hạn vay được điều chỉnh đến ngày 31/12/2020 và thời gian ân hạn kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 30/6/2016	Lãi suất áp dụng cho 3 tháng đầu tiên là 20%/năm (áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên). Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 4, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ do Ngân hàng điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng/lần	Tài sản hình thành trong tương lai là lợi tức phát sinh từ mù, hạt, gỗ vườn cây cao su trên, các quyền khai thác đá bazan làm vật liệu xây dựng, quyền khai thác đá Granit tại xã Nghĩa Hưng và là tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn

Tổng cộng 178.012.997.289

Trong đó:

Vay dài hạn:

Vay dài hạn đến hạn trả 178.012.997.289

Công ty CP Đầu tư Phát triển địa ốc Gia Long

Hợp đồng vay vốn số 05/HĐV/BDS/2020 ngày 01/01/2020

Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

7%/năm

Vay tín chấp

Tổng 6.564.844.423

Trong đó:

Vay dài hạn:

Vay dài hạn đến hạn trả 6.564.844.423

23. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

23.2 Trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai	477.439.831.456	488.439.831.456
Trái phiếu phải trả do không chuyển đổi	374.500.000	374.500.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	-	(516.303.317)
Cộng	477.814.331.456	488.298.028.139

Trong đó:

Trái phiếu dài hạn	-	113.483.696.683
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	477.814.331.456	374.814.331.456

Chi tiết số phát sinh về khoản vay trái phiếu thường trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chuyển sang vay nợ đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
- Trái phiếu dài hạn	113.483.696.683	516.303.317	(114.000.000.000)	-	-
- Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	374.814.331.456	114.000.000.000	-	(11.000.000.000)	477.814.331.456
Cộng	488.298.028.139	114.516.303.317	(114.000.000.000)	(11.000.000.000)	477.814.331.456

23. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

23.2 Trả lãi phiếu thường

Tên tổ chức thu xếp phát hành	Số tiền	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai				
Hợp đồng đặt mua trái phiếu được ký kết ngày 31/12/2014	360.000.000.000	Từ ngày 31/12/2014 đến hết ngày 31/12/2019	10%/năm áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất các kỳ tính lãi tiếp theo bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng công bố tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Gia Lai tại ngày xác định lãi suất trái phiếu cộng biên độ 3,5%/năm	Bảo lãnh bởi Công ty CP Trồng rừng và Cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai, Công ty TNHH Đức Long Dung Quất, Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven (xem thuyết minh VIII.3d, VIII.3e) và một số tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh V.10).
Hợp đồng đặt mua trái phiếu được ký kết ngày 30/12/2017	117.439.831.456	Từ ngày 30/7/2017 đến hết ngày 30/12/2022	10%/năm áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất các kỳ tính lãi tiếp theo bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng công bố tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Gia Lai tại ngày xác định lãi suất trái phiếu cộng biên độ 3,5%/năm	Bảo lãnh bởi Ông Bùi Pháp (Chủ tịch HĐQT) và Bà Nguyễn Thị Hương (xem thuyết minh VIII.3c) và một số tài sản thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh V.10).
Trái phiếu phải trả do không chuyển đổi	374.500.000			
Tổng	477.814.331.456			
Trong đó:				
Vay dài hạn:	-			
Vay dài hạn đến hạn trả	477.814.331.456			

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.713.885.192	-	(165.105.000)	2.548.780.192
Cộng	2.713.885.192	-	(165.105.000)	2.548.780.192

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	64.788.619.662	64.361.721.902
Cộng	64.788.619.662	64.361.721.902

26. Vốn chủ sở hữu

26a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem Phụ lục 04 đính kèm.

26b Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	2.993.097.200.000	2.993.097.200.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	299.309.720	299.309.720
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu phổ thông	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu phổ thông	299.309.720	299.309.720
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	3,986,914.67	2,586,766.00
- EUR	5,746.00	-
- RMB	939,063.00	1,100,228.00
- KRW	180,582,478.00	4,006,072.00

Nợ khó đòi đã xóa

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vachetti Giuseppe S.P.A	636.431.769	636.431.769
- Công ty TNHH Nam Thuận	533.661.700	533.661.700
- Các khách hàng khác	8.120.402.035	8.120.402.035
Cộng	9.290.495.504	9.290.495.504

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT) (ĐVT: VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	922.199.487.632	1.202.203.772.562
- Doanh thu bán linh kiện điện tử	821.925.595.009	974.121.623.367
- Doanh thu bán đá	27.430.830.000	46.958.394.600
- Doanh thu bán điện thương phẩm	68.355.972.465	69.381.535.720
- Doanh thu bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	4.487.090.158	8.264.644.433
- Doanh thu sản phẩm nông nghiệp	-	54.205.114.314
- Doanh thu bán phân bón	-	49.229.437.400
- Doanh thu khác	-	43.022.728
Doanh thu cung cấp dịch vụ	425.595.814.272	345.936.509.925
- Dịch vụ trạm thu phí BOT	420.885.233.913	341.064.758.635
- Doanh thu cho thuê tài sản	4.210.098.121	4.419.114.967
- Dịch vụ bến xe	500.482.238	452.636.323
Doanh thu khác	78.145.101	1.067.655.305
Cộng	1.347.873.447.005	1.549.207.937.792

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê tài sản	3.085.090.909	3.085.090.909
- Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	1.776.000.000	1.776.000.000
- Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc	1.309.090.909	2.147.165.375
Cộng	3.085.090.909	3.085.090.909

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (hợp nhất)

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng	826.969.069.843	1.101.737.567.463
- Giá vốn bán linh kiện điện tử	756.769.822.340	910.445.477.760
- Giá vốn bán đá	27.146.624.412	46.905.681.517
- Giá vốn bán điện thương phẩm	38.370.677.288	34.972.532.711
- Giá vốn bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	4.681.945.803	5.437.530.809
- Giá vốn sản phẩm nông nghiệp	-	54.806.170.666
- Giá vốn bán phân bón	-	49.150.236.500
- Giá vốn khác	-	19.937.500
Giá vốn cung cấp dịch vụ	183.752.441.309	154.025.793.124
- Dịch vụ trạm thu phí BOT	177.876.250.941	149.962.710.899
- Dịch vụ cho thuê tài sản	5.868.690.368	4.053.082.225
- Dịch vụ bến xe	7.500.000	10.000.000
Dự phòng giảm giá HTK	8.772.275.538	115.906.427
Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK	-	(3.384.475.881)
Giá vốn khác	1.103.096.331	3.147.808.547
Cộng	1.020.596.883.021	1.255.642.599.680

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	235.320.375.251	221.115.623.146
- Cổ tức lợi nhuận được chia	225.036.000	225.036.000
- Lãi thoái vốn công ty con	1.310.469.321	137.216.968.747
- Chênh lệch tỷ giá	-	640.563.006
- Khác	-	3.014
Cộng	236.855.880.572	359.198.193.913

4. Chi phí tài chính

Chi tiết gồm:

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	311.271.437.435	343.290.742.925
- Lãi trái phiếu	50.206.458.242	51.749.786.348
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	34.259.831.538	47.954.321.264
- Phí phát hành trái phiếu	516.303.317	518.560.004
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	31.589.677.024	-
- Lỗ thanh lý công ty con	-	46.923.937.762
- Khác	-	4.255.590.252
Cộng	427.843.707.556	494.692.938.555

5. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết

Chi tiết gồm:

	Năm nay	Năm trước
Lãi (+) hoặc lỗ (-) trong công ty liên doanh, liên kết	108.632.858	(329.172.329)
Cộng	108.632.858	(329.172.329)

6. Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	72.726.495	73.747.864
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	73.920.000
- Chi phí hoa hồng	3.282.932.976	3.724.533.594
- Chi phí vận chuyển	6.728.892.246	9.678.564.573
- Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	1.028.214.728	4.484.382.642
Cộng	11.112.766.445	18.035.148.673

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên vật liệu	971.233.450	765.433.231
- Chi phí nhân viên quản lý	55.151.024.501	69.369.168.679
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.089.329.418	34.945.296.480
- Dự phòng (+) / hoàn nhập (-) nợ phải thu quá hạn, khó đòi	1.128.840.428.305	(61.412.612.376)
- Phân bổ lợi thế thương mại	48.537.588.168	50.593.791.496
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.727.369.317	25.966.299.546
Cộng	1.289.316.973.159	120.227.377.056

8. Thu nhập khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Thu tiền được phạt vi phạm hợp đồng	-	400.000.000
- Thu khác	6.414.292.134	6.989.796.447
Cộng	6.414.292.134	7.389.796.447

9. Chi phí khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lỗ do đánh giá lại tài sản góp vốn	10.871.943.766	-
- Chi phí phạt thuế (*)	43.874.555	-
- Chi phí tiền chậm nộp	2.008.487.363	-
- Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	9.834.838.547	10.378.487.017
- Chi phí khác	3.349.960.687	7.012.630.885
Cộng	26.109.104.918	17.391.117.902

(*) Là tiền phạt thuế tại Công ty con.

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	555.606.739.097	641.254.104.718
- Chi phí nhân công	229.138.739.421	277.845.532.186
- Chi phí khấu hao tài sản cố định dùng trong sản xuất, kinh doanh	159.869.580.742	173.035.960.549
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	222.073.233.299	258.474.455.566
Cộng	1.166.688.292.559	1.350.610.053.019

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.219.413.266.472)	16.673.387.564
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.219.413.266.472)	16.673.387.564
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	299.309.720	299.309.720
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	(4.074)	56

12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.219.413.266.472)	16.673.387.564
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.219.413.266.472)	16.673.387.564
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (Cp)	299.309.720	299.309.720
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)	(4.074)	56

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT) (ĐVT: VND)

Lãi, lỗ hoạt động đầu tư

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	(235.307.578.048)	(221.115.623.146)
Phần lãi (-) hoặc lỗ (+) thanh lý TSCĐ	327.753.180	(939.296.783)
Lỗ từ việc đánh giá lại tài sản phi tiền tệ mang đi góp vốn	11.071.943.766	-
Phần lãi (-) hoặc lỗ (+) trong công ty liên doanh, liên kết	(108.632.858)	329.172.329
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(225.036.000)	(225.036.000)
Kết chuyển giảm chi phí XDCB dở dang của công ty mẹ	200.000.000	-
Lãi (-) hoặc lỗ (+) do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	(1.310.469.321)	(90.293.030.985)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát khi thoái vốn công ty con	-	(177.692.622.571)
Giá trị còn lại TSCĐ thoái vốn con	-	204.645.541.238
Cộng	(225.352.019.281)	(285.290.895.918)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Tập đoàn không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Tập đoàn không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Ông Bùi Pháp (Chủ tịch HĐQT)	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tập đoàn chia cổ tức	360.000.000	-
Cộng	360.000.000	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)

Tiền lương	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Tường Cột	Tổng Giám đốc bổ nhiệm nhiệm ngày 01/10/2021	184.693.733	72.948.718
Ông Trần Cao Châu	Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 30/09/2021	-	328.490.028
Bà Vũ Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc	301.271.367	305.683.759
Ông Phạm Minh Việt	Phó Tổng Giám đốc	440.000.000	421.200.000
Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc	325.000.000	308.000.000
Ông Đỗ Thành Nhân	Trưởng phòng TC – KT kiêm phụ trách kế toán	231.739.495	233.855.412
Cộng		1.482.704.595	1.670.177.917

Trong năm, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát không phát sinh tiền lương và thù lao tại Công ty.

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1.	Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai	Công ty liên kết
2.	Công ty CP Đức Long Tây Nguyên	Công ty liên kết đến ngày 27/12/2022
3.	Công ty CP DLG CY Việt Nam	Công ty liên kết đến ngày 27/12/2022
4.	Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc	Công ty nhận đầu tư
5.	Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Chung chủ tịch HĐQT

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (hợp nhất)

51

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
6.	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	Chung thành viên lãnh đạo điều hành
7.	Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven	Chung cổ đông lớn
8.	Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen	Chung cổ đông lớn
9.	Công ty CP Năng Lượng Tân Thượng	Chung thành viên lãnh đạo
10.	Ông Bùi Pháp	Chủ tịch HĐQT
11.	Bà Nguyễn Thị Hương	Người có liên quan đến Ông Bùi Pháp
12.	Ông Nguyễn Đình Trạc	Người quản lý công ty con

Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê tài sản	1.776.000.000	1.776.000.000
Chi phí thuê tài sản	218.181.818	218.181.819
Chi phí mua điện sản xuất	514.440.755	519.158.781
Chia cổ tức	26.100.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	40.540.404.422	-
	(#13,613,299.00 HKD)	
Lãi vay phải trả	-	306.893.798
Lãi vay đã trả	-	763.335.493
Đi vay	-	8.240.600.000
Trả tiền vay	-	12.249.040.008

Công ty CP Dịch vụ Công Cộng Đức Long Bảo Lộc

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê tài sản	1.309.090.909	2.147.165.375

Công ty TNHH Đức Long Dung Quất

	Năm nay	Năm trước
Cho vay	-	1.400.100.000
Thu hồi tiền cho vay	-	1.400.100.000

Công ty CP tư vấn và Xây dựng Giao thông Gia Lai

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức nhận được	225.036.000	225.036.000

Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai

	Năm nay	Năm trước
Cho vay	700.000.000	200.000.000
Thu hồi tiền cho vay	700.000.000	200.000.000
Thu lãi cho vay	-	22.337.000.000

Số dư với các bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số V.3, V.4, V.6, V.17, V.18, V.21a.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (hợp nhất)

52

3c Bảo đảm của cá nhân cho các khoản Tập đoàn đi vay

Ông Bùi Pháp (chủ tịch HĐQT) và bà Nguyễn Thị Hương (người có liên quan đến Ông Bùi Pháp); Ông Nguyễn Đình Trạc (người quản lý công ty con) đã dùng tài sản cá nhân để đảm bảo các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu (xem thuyết minh số V.22, V.23).

3d Bảo đảm của bên liên quan cho các khoản Tập đoàn đi vay

Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven (chung cổ đông lớn), Công ty TNHH Đức Long Dung Quất (chung chủ tịch HĐQT) đã dùng tài sản để đảm bảo các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu (xem thuyết minh số V.22, V.23).

3e Bảo đảm của tổ chức không phải bên liên quan cho các khoản đi vay của Tập đoàn

Công ty CP Trồng Rừng và Cây công nghiệp ĐLGL, Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản ĐLGL đã dùng tài sản để đảm bảo khoản phát hành trái phiếu và vay ngân hàng (xem thuyết minh số V.23).

4. Báo cáo bộ phận

Thông tin Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý

Lĩnh vực kinh doanh

• Năm nay

Lĩnh vực	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lợi nhuận gộp
- Buôn bán linh kiện điện tử	821.924.245.224	762.268.417.980	59.655.827.244
- Đá Granite	27.430.830.000	27.146.624.412	284.205.588
- Điện thương phẩm	68.355.972.465	38.370.677.288	29.985.295.177
- Bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	4.487.090.158	7.955.625.701	(3.468.535.543)
- Dịch vụ trạm thu phí BOT	420.885.233.913	177.876.250.941	243.008.982.972
- Doanh thu cho thuê tài sản	4.210.098.121	5.868.690.368	(1.658.592.247)
- Dịch vụ bến xe	500.482.238	7.500.000	492.982.238
- Bán hàng, dịch vụ khác	78.145.101	1.103.096.331	(1.024.951.230)
Cộng	1.347.872.097.220	1.020.596.883.021	327.275.214.199

• Năm trước

Lĩnh vực	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lợi nhuận gộp
- Buôn bán linh kiện điện tử	969.355.456.704	907.061.001.879	62.294.454.825
- Đá Granite	46.958.394.600	46.905.681.517	52.713.083
- Sản phẩm nông nghiệp	54.205.114.314	54.806.170.666	(601.056.352)
- Điện thương phẩm	69.381.535.720	34.972.532.711	34.409.003.009
- Buôn bán phân bón	49.229.437.400	49.150.236.500	79.200.900
- Bán gỗ, thành phẩm từ gỗ	8.264.644.433	5.553.437.236	2.711.207.197
- Dịch vụ trạm thu phí BOT	341.064.758.635	149.962.710.899	191.102.047.736
- Doanh thu cho thuê tài sản	4.419.114.967	4.053.082.225	366.032.742
- Dịch vụ bến xe	452.636.323	10.000.000	442.636.323
- Bán hàng, dịch vụ khác	1.110.678.033	3.167.746.047	(2.057.068.014)
Cộng	1.544.441.771.129	1.255.642.599.680	288.799.171.449

Khu vực địa lý

Trong năm, Tập đoàn có thực hiện hoạt động kinh doanh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Năm nay	Hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam	Hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	525.947.851.996	821.924.245.224	1.347.872.097.220
Giá vốn hàng bán	258.328.465.041	762.268.417.980	1.020.596.883.021
Lợi nhuận gộp	267.619.386.955	59.655.827.244	327.275.214.199
Năm trước	Hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam	Hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	575.086.314.425	969.355.456.704	1.544.441.771.129
Giá vốn hàng bán	348.581.597.801	907.061.001.879	1.255.642.599.680
Lợi nhuận gộp	226.504.716.624	62.294.454.825	288.799.171.449

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp tài sản cố định; Bất động sản đầu tư để đảm bảo cho các khoản vay và phát hành trái phiếu. Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình; Bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 dùng để thế chấp lần lượt là 2.526.225.741.992 đồng và 29.135.475.808 đồng (xem tại thuyết minh V.10, V.12).

Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản lỗ thuần của Tập đoàn là (2.069.778.374.063) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Tập đoàn là 944.762.034.146 đồng. Ngoài ra, Tập đoàn có một số khoản nợ phải trả và vay đã quá hạn thanh toán với tổng giá trị ước tính là 2.181.712.967.200 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc cũng đã lập kế hoạch sản xuất kinh doanh từ năm 2023 đến 2025. Theo đó Tập đoàn tập trung nguồn lực dòng tiền từ các công ty con, quyết tâm phối hợp với các Ngân hàng và tổ chức tín dụng để đưa ra nhiều phương án xử lý nợ như tìm kiếm đối tác để tiếp tục chuyển nhượng các tài sản, dự án đang đảm bảo dư nợ ngân hàng và tài sản được bảo lãnh nhằm giảm dần dư nợ gốc, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các thủ tục pháp lý các dự án Năng lượng điện mặt trời, điện gió bổ sung vào qui hoạch lưới điện quốc gia, để chuyển nhượng các dự án này, đồng thời tăng cường thu hồi các khoản công nợ nhằm tắt toán nợ khoản nợ gốc quá hạn và xin miễn toàn bộ lãi phát sinh, lãi phạt quá hạn.

Ngoài ra, Hội đồng Quản trị cũng đã làm việc với các Ngân hàng đã có văn bản thống nhất cho Tập đoàn tắt toán nợ, miễn toàn bộ lãi.

Tập đoàn khẳng định tình hình sản xuất kinh doanh vẫn đang hoạt động ổn định, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận hàng năm theo kế hoạch. Ban Tổng Giám đốc chúng tôi tin rằng cơ sở hoạt động liên tục là thích hợp trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, và xác nhận rằng chúng tôi đã nhận được sự cam kết chính thức từ các cổ đông lớn, nhà đầu tư về việc cung cấp cho Tập đoàn nguồn tài chính cần thiết để có thể thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ nợ đến hạn trong thời gian sắp đến.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Gia Lai, ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Người lập biểu

NGUYỄN KHOA DIỆU THU

Trưởng phòng TC – KT
kiêm phụ trách kế toán

ĐỖ THÀNH NHÂN

Tổng Giám đốc



NGUYỄN TƯỜNG CỘT

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, p. Phú Đông, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục số 01

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Vườn cây	Tài sản khác (Dự án BOT)	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình							
1. Số dư đầu năm	600.067.752.026	876.206.796.117	29.223.656.667	96.653.002.695	176.497.581.455	2.426.432.709.413	4.205.081.498.373
2. Tăng trong năm	2.627.306.218	21.222.685.158	983.993.271	3.063.004.880	-	-	27.896.989.527
- Tăng do mua mới	239.579.880	2.072.048.598	744.709.091	-	-	-	3.056.337.569
- Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	1.368.077.778	-	-	-	-	-	1.368.077.778
- Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	819.648.560	19.150.636.560	239.284.180	3.063.004.880	-	-	23.272.574.180
3. Giảm trong năm	(89.210.880.780)	(669.485.346)	-	(90.328.396)	-	-	(89.970.694.522)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(669.485.346)	-	(41.718.396)	-	-	(71.203.742)
- Giảm do thoái vốn công ty con cấp 2	(89.210.880.780)	-	-	(48.610.000)	-	-	(89.259.490.780)
4. Số dư cuối năm	513.484.177.464	896.759.995.929	30.207.649.938	99.625.679.179	176.497.581.455	2.426.432.709.413	4.143.007.793.378
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
1. Số dư đầu năm	127.427.707.994	608.485.279.171	26.227.759.369	94.582.762.771	26.867.940.453	520.786.969.156	1.404.378.418.914
2. Tăng trong năm	21.072.434.155	44.706.099.346	997.334.549	3.585.641.996	8.897.087.280	104.100.117.974	183.358.715.300
- Khấu hao trong năm	20.361.778.083	26.297.305.026	773.109.317	3.576.722.692	8.897.087.280	104.100.117.974	161.006.120.372
- Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	710.656.072	18.408.794.320	224.225.232	3.008.919.304	-	-	22.352.594.928
3. Giảm trong năm	(26.423.108.851)	(345.902.808)	-	(58.599.023)	-	-	(26.827.610.682)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(345.902.808)	-	(37.547.754)	-	-	(383.450.562)
- Giảm do thoái vốn công ty con cấp 2	(26.423.108.851)	-	-	(21.051.269)	-	-	(26.444.160.120)
4. Số dư cuối năm	122.077.033.298	652.845.475.709	27.225.093.918	98.109.805.744	35.765.027.733	624.887.087.130	1.560.909.523.532
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu năm	472.640.044.032	267.721.516.946	2.995.897.298	2.070.239.924	149.629.641.002	1.905.645.740.257	2.800.703.079.459
2. Tại ngày cuối năm	391.407.144.166	243.914.520.220	2.982.556.020	1.515.873.435	140.732.553.722	1.801.545.622.283	2.582.098.269.846

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 709.685.184.945 đồng

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 2.520.225.741.992 đồng (xem tại thuyết minh V.22, V.23)

Người lập biểu

Trưởng phòng TC - KT
kiểm phụ trách kế toán

Gia Lai, ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Trưởng Giám Đốc



NGUYỄN KHOA DIỆU THƯ

ĐỖ THÁNH NHÃN

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (hợp nhất) (TP. P. 331281) CÔNG CH NHIỆM TỐÁN V QUẢN

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, p. Phú Đồng, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục số 02

PHỤ LỤC SỐ 02: TÍNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Chi phí triển khai	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình				
1. Số dư đầu năm	21.723.189.930	397.684.000	212.262.985.428	234.383.859.358
2. Tăng trong năm	-	-	16.254.979.190	16.254.979.190
- Tăng do mua mới	-	-	9.539.431.902	9.539.431.902
- Chuyển lịch do chuyển đổi BCTC	-	-	6.715.547.288	6.715.547.288
3. Giảm trong năm	(21.641.537.135)	-	-	(21.641.537.135)
- Giảm do thoái vốn công ty con	(21.641.537.135)	-	-	(21.641.537.135)
- Giảm khác	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	81.652.795	397.684.000	228.517.964.618	228.997.301.413
II Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	879.885.111	392.972.501	178.972.421.316	180.245.278.928
2. Tăng trong năm	238.832.982	4.711.499	22.196.276.242	22.439.820.723
- Khấu hao trong năm	238.832.982	4.711.499	16.579.589.370	16.823.133.851
- Chuyển lịch do chuyển đổi BCTC	-	-	5.616.686.872	5.616.686.872
3. Giảm trong năm	(1.037.065.298)	-	-	(1.037.065.298)
- Giảm do thoái vốn công ty con	(1.037.065.298)	-	-	(1.037.065.298)
4. Số dư cuối năm	81.652.795	397.684.000	201.168.697.558	201.648.034.353
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	20.843.304.819	4.711.499	33.290.564.112	54.138.580.430
2. Tại ngày cuối năm	-	-	27.349.267.060	27.349.267.060

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 162.787.928.188 đồng

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 0 đồng.

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Diệu Thu

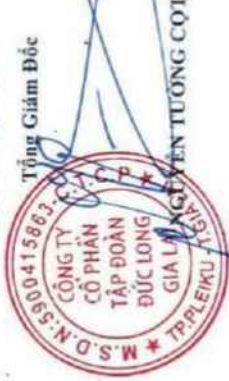
NGUYỄN KHOA DIỆU THU

Trưởng phòng TC - KT
kiểm phụ trách kế toán

Đỗ Thành Nhân

ĐỖ THÀNH NHÂN

Gia Lai, ngày 31 tháng 3 năm 2023.



Tổng Giám Đốc

Nguyễn Văn Tường Cột

NGUYỄN VĂN TƯỜNG CỘT

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (hợp nhất)

100% ✓ 100% / 100%

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, p. Phú Đông, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHỤ LỤC SỐ 03: THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Hoàn nhập	Thay đổi do chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp			Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	9.264.137.944	-	38.096.599.559	(39.951.383.814)	-	-	7.409.353.689	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	68.036.317.834	-	12.534.100.009	(52.145.509.846)	35.819.278.878	1.455.207.598	65.699.944.473	550.000
Thuế thu nhập cá nhân	1.748.498.826	2.912.617	592.640.670	(2.324.648.022)	-	-	14.522.171	943.314
Thuế nhà đất, thuế đất	2.302.327.746	1.247.455	1.441.418.573	(588.929.043)	-	-	3.154.817.276	1.247.455
Thuế tài nguyên	360.345.446	-	4.790.429.397	(4.858.252.970)	-	-	292.521.873	-
Thuế môn bài	-	-	15.000.000	(15.000.000)	-	-	-	-
Khoản thuế khác	2.984.085.099	-	4.212.920.852	(3.095.687.018)	-	-	4.101.318.933	-
Tổng	84.695.712.895	4.160.072	61.683.109.060	(102.979.410.713)	35.819.278.878	1.455.207.598	80.672.478.415	2.740.769

Gia Lai, ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Diệu Thư

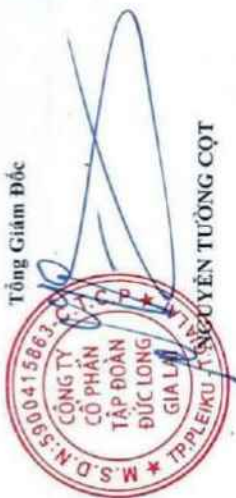
NGUYỄN KHOA DIỆU THƯ

Trưởng phòng TC - KT
kiểm phụ trách kế toán

Đỗ Thành Nhân

ĐỖ THÀNH NHÂN

Tổng Giám Đốc



Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (hợp nhất)



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN BỨC LONG GIA LAI
 Địa chỉ: 99 Lê Duẩn, P. Phú Đông, Tp. Phước Ninh Gia Lai
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tập nháp) (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHỤ LỤC SỐ 04: TÍNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tổng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (%)	Cộng
1. Số dư đầu năm trước	2.993.097.200.000	50.510.908.328	11.476.301.383	6.196.436.959	16.673.387.564	315.563.312.287	2.509.846.451.272
2. Tăng trong năm trước	-	-	-	-	16.673.387.564	(4.880.785.619)	11.792.601.945
- Lợi trung năm	-	-	-	-	(4.880.785.619)	(1.792.601.945)	-
3. Giảm trong năm trước	-	-	(24.198.445.802)	-	(41.787.479)	(178.563.844.834)	(202.804.078.106)
- Chuyển lịch tỷ giá chuyển đổi Báo cáo tài chính	-	-	(24.198.445.802)	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	1902.063.518	(24.780.509.320)
- Giảm do thoái vốn Công ty con	-	-	-	-	-	(269.010.000)	(269.010.000)
- Trích Quỹ bù đắp thương phẩm lại	-	-	-	-	-	(177.692.387.504)	(177.692.387.504)
- Giảm khác	-	-	-	-	(41.787.479)	(40.148.745)	(81.936.224)
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	2.993.097.200.000	50.510.908.328	(12.722.144.419)	6.196.436.959	(850.365.107.591)	132.117.681.834	2.318.834.975.111
5. Tăng trong năm	-	-	13.508.961.533	-	-	22.590.192.342	36.059.153.875
- Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	13.508.961.533	-	-	22.236.416.222	35.745.382.755
- Chuyển lịch tỷ giá chuyển đổi Báo cáo tài chính	-	-	-	-	-	313.776.120	313.776.120
- Tăng do thoái vốn công ty con	-	-	-	-	-	-	-
6. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	(26.460.000.000)	(26.460.000.000)
- Lợi trung năm	-	-	-	-	(1.219.413.266.472)	-	(1.219.413.266.472)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(26.460.000.000)	(26.460.000.000)
7. Số dư cuối năm	2.993.097.200.000	50.510.908.328	786.817.114	6.196.436.959	(2.069.778.374.063)	138.207.874.176	1.109.020.862.514

(*) Tính hình tăng giảm Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Lợi ích của CDKKS trong các công ty	Tại ngày 01/01/2022	Tăng	Lãi/(Lỗ) trong năm	Chia cổ tức	Tổng/Giảm do thoái vốn	Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá	Tại ngày 31/12/2022
Công ty CP BOT và BT Đưc Long Đăk Nông	112.560.407.503	-	25.807.269.746	(26.460.000.000)	-	-	111.907.677.249
Công ty CP BOT và BT Đưc Long Gia Lai	7.313.850.819	-	(983.143.305)	-	-	-	6.330.707.514
Công ty CP Bền và Liên tỉnh Phú Nam Thành Phố Gia Lai	-	500.000.000	-	-	(500.000.000)	-	-
Công ty TNHH Moss Noble Investment	8.230.168.501	-	(2.274.850.840)	-	-	-	5.955.317.661
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng Đưc Long Gia Lai	4.013.255.211	-	(12.859.379)	-	-	313.776.120	4.000.395.832
Cộng	132.117.681.834	500.000.000	22.236.416.222	(26.460.000.000)	(500.000.000)	-	128.207.874.176

Người lập biểu
 Trưởng phòng TC - KT
 kiêm phụ trách kế toán

Ngày lập biểu

At, ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Trưởng Giám Đốc



NGUYỄN KHOA DIỆU THƯ

ĐỖ THÀNH NHÃN